

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ BIỂN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐH HN, ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC

1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	1
2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	9
3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	20
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	29
5. Pháp luật đại cương	40
6. Kỹ năng mềm.....	47
7. Tiếng anh 1	54
8. Tiếng Anh 2	63
9. Tiếng Anh 3	71
10. Toán cao cấp 1.....	77
11. Toán cao cấp 2.....	81
12. Tin học đại cương.....	84
13. Hóa học đại cương.....	92
14. Xác suất thống kê	99
15. Cơ sở địa lý biển và đại dương.....	103
16. Cơ sở khoa học môi trường	108
17. Phương pháp tính.....	113
18. Cơ sở khoa học quản lý	118
19. Kinh tế biển và hàng hải.....	124
20. Hải dương học đại cương	130
21. Hóa học biển.....	136
22. Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	141
23. Cơ sở địa chất biển	152
24. Khí tượng thủy văn biển đại cương.....	156
25. Năng lượng tái tạo biển	161
26. Cơ sở kỹ thuật bờ biển.....	176
27. Cơ sở trắc địa và bản đồ biển	181
28. Sinh thái và bảo tồn biển	186
29. Quản lý tài nguyên và môi trường biển.....	191
30. Thủy văn đảo	198
31. Quản lý nhà nước về biển.....	202

32. Quan trắc tổng hợp môi trường biển	209
33. Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	213
34. Quy hoạch sử dụng không gian biển	226
35. Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển	235
36. Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển	243
37. Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo	248
38. Quản lý nguồn lợi hải sản.....	253
39. Quản lý hệ thống đảo Việt Nam	279
40. Tiếng Anh chuyên ngành	285
41. Đánh giá tác động môi trường.....	270
42. Khảo sát khí tượng thủy văn biển.....	274
43. Tin học ứng dụng trong quản lý biển	280
44. Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.....	286
45. Hợp tác trong quản lý và khai thác biển Đông.....	292
46. An toàn và an ninh trên biển.....	297
47. Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	301
48. Công nghệ điều tra, kiểm soát biển và đại dương	305
49. Thực tập tốt nghiệp.....	309
50. Đồ án tốt nghiệp	313
51. Kỹ thuật công trình bờ biển.....	317
52. Hình thái bờ biển	322

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1**
- * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism**
- Mã học phần: LTML2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không có
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
 - * Bài tập : 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 07 tiết
 - * Kiểm tra : 01 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- Về kỹ năng: Bước đầu biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

+ Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

- Chương 2: Phép biện chứng duy vật

- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình môn Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn; các văn kiện Đại hội Đảng; Tạp chí Cộng sản.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...

- Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm thảo luận; chuyên cần	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN	3			3	6	Đọc TLC, từ trang 09 – 23 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành</i> <i>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin</i>	2			2	4	
II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu						
Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 33 – 60 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật</i>	1		1	2	4	
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức <i>1.2.1. Vật chất</i> <i>1.2.2. Ý thức</i> <i>1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i> <i>1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận</i>	2		1	3	6	
Chương 2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	9		3	12	24	
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật <i>2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng</i>	1			1	2	Đọc TLC từ trang 61 -124 Chuẩn bị bài, tự học và thảo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. <i>Phép biện chứng duy vật</i>						luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.2.1. <i>Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</i> 2.2.2. <i>Nguyên lý về sự phát triển</i>	2		1	3	6	
2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3.1. <i>Cái chung và cái riêng</i> 2.3.2. <i>Nguyên nhân và kết quả</i> 2.3.3. <i>Tất nhiên và ngẫu nhiên</i> 2.3.4. <i>Nội dung và hình thức</i> 2.3.5. <i>Bản chất và hiện tượng</i> 2.3.6. <i>Khả năng và hiện thực</i>	2			2	4	
2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.4.1. <i>Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại</i> 2.4.2. <i>Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập</i> 2.4.3. <i>Quy luật phủ định của phủ định</i>	2		1	3	6	
2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.5.1. <i>Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</i> 2.5.2. <i>Con đường biện chứng của</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>sự nhận thức chân lý</i>						
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	7		2	9	18	
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất <i>3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</i> <i>3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	2		1	3	6	Đọc TLC từ trang 125 – 182 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng <i>3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i>	1			1	2	
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội <i>3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</i> <i>3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</i>	1			1	2	
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thái kinh tế - xã hội 3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội 3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội 3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế xã hội						
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp	1			1	2	
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân 3.6.1. Con người và bản chất của con người 3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	22		08	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Luyện

ThS. Lê Thanh Thủy

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2**
- * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism**
- Mã học phần: LTML2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
- * Nghe giảng lý thuyết : 32 tiết
- * Bài tập : 0 tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm : 11 tiết
- * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học để từ đó có thể tiếp cận được nội dung

ôn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- *Về kỹ năng*: Bước đầu biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*:

+ Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

+ Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 4,5,6: trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Chương 7,8: khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Chương 9: khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình các môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn; các văn kiện Đại hội Đảng; Tạp chí Cộng sản

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...

- Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 185-217 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá 4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá 4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá	1		0.5	1.5	3	
4.2. Hàng hoá 4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá 4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá						
4.3. Tiền tệ 4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ 4.3.2. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ	1		0.5	1.5	3	
4.4. Quy luật giá trị 4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị 4.4.2. Tác động của quy luật giá trị	1		0.5	1.5	3	
Chương 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	12		3	15	30	
5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 5.1.1. Công thức chung của tư bản 5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản 5.1.3. Hàng hoá sức lao động	2		0.5	2.5	5	Đọc TLC từ trang 218-312 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến</i></p> <p><i>5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư</i></p> <p><i>5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</i></p> <p><i>5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản</i></p>						
<p><i>5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản</i></p> <p><i>5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công</i></p> <p><i>5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản</i></p> <p><i>5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế</i></p>	2			2.0	4.0	
<p><i>5.4. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản</i></p> <p><i>5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản</i></p> <p><i>5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản</i></p> <p><i>5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản</i></p>	2		0.5	2.5	5	
<p><i>5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư</i></p> <p><i>5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản</i></p> <p><i>5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông</i></p>	2			2.0	4.0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của tư bản xã hội</i> 5.5.3. <i>Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản</i>						
5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 5.6.1. <i>Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận</i> 5.6.2. <i>Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất</i> 5.6.3. <i>Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất</i> 5.6.4. <i>Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản</i>	2		1.0	3.0	6	
Chương 6. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 313-355 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.1. <i>Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền</i> 6.1.2. <i>Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền</i> 6.1.3. <i>Sự hoạt động của quy luật</i>	2		1.0	3.0	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</i>						
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước <i>6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</i> <i>6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</i>	1			1.0	2	
6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó. <i>6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền.</i> <i>6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước</i> <i>6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại</i>	1			1.0	2	
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản <i>6.4.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>sản xuất xã hội</i></p> <p>6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản</p> <p>6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản</p>						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 358-416 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p>	2		1.0	3	6	
<p>7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó</p> <p>7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân</p>	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa</i>						
7.3. Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	
Chương 8. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 417-463 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	
8.2. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.2.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa						
8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 8.3.1. Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc 8.3.2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo	1		1.0	2	4	
Chương 9. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG	2			2	4	Đọc TLC từ trang 463-488
9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 9.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới 9.1.2. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó <i>9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</i> <i>9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</i>	0.5			0.5	1	
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội <i>9.3.1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người</i> <i>9.3.2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người.</i>	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Luyên

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

ThS. Nguyễn Thị Na

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**
Tiếng Anh: **Revolutionary Policies of Vietnamese Communist Party**
- Mã học phần: LTĐL2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa**

Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được khái niệm Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; Hiểu và phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam) là tất yếu khách quan; Hiểu và phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng

của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đối ngoại.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội; Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng; Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, hình thành tình cảm yêu thích, coi trọng và hứng thú đối với môn học, có thái độ nghiêm túc trong học tập; Tăng thêm lòng yêu nước, niềm tự hào đối với Đảng ta; tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; Ý thức được trách nhiệm của mình đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu , nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, II, III*, Nxb CTQG, HN.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, HN.

3. Website: www.tapchiconsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng và kết hợp linh hoạt các phương pháp như: Thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, phát vấn nhanh, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG	1			1	2	Đọc TLC, chương mở đầu

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CỘNG SẢN VIỆT NAM						
1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu <i>1.1.1. Đối tượng nghiên cứu</i> <i>1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu</i>						
1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học <i>1.2.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học</i> <i>1.2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn học</i>						
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		1	5	10	
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam <i>1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX</i> <i>1.1.2. Hoàn cảnh trong nước</i>	2			2	4	- Đọc TLC, chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng <i>1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i> <i>1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> <i>1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</i>						
Chương 2. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	4		1	5	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 <i>2.1.1. Trong những năm 1903-1935</i> <i>2.1.2. Trong những năm 1936-1939</i>	2			2	4	
2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 <i>2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng</i> <i>2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</i>	2		1	3	6	
Chương 3. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)	4		2	6	12	
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954) <i>3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</i> <i>3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)</i> <i>3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử,</i>	2		1	3	6	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</i>						
3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) 3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	
Chương 4. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		1	5	10	
4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 4.1.1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 4.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa	1			1	2	
4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa 4.2.3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức 4.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	3		1	4	8	- Đọc TLC, chương 4; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 5; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường <i>5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới</i> <i>5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới</i>	1		1	2	4	
5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta <i>5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản</i> <i>5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</i> <i>5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</i>	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	Sinh viên ôn tập kiến thức các chương đã học
Chương 6. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	3		1	4	8	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 6; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) <i>6.1.1. Hệ thống chính trị dân chủ</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhân dân (1945-1954)</i> <i>6.1.2.Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975)</i> <i>6.1.3.Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)</i>						
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới <i>6.2.1.Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị</i> <i>6.2.2.Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</i> <i>6.2.3.Đánh giá sự thực hiện đường lối</i>	2			2	4	
Chương 7. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	6		3	9	18	
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa <i>7.1.1.Thời kỳ trước đổi mới</i> <i>7.1.2.Trong thời kỳ đổi mới</i>	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương 7; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội <i>7.2.1.Thời kỳ trước đổi mới</i> <i>7.2.2.Trong thời kỳ đổi mới</i>	3		1	4	8	
Chương 8. ĐƯỜNG LỐI ĐỔI	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGOẠI						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 <i>8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử</i> <i>8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng</i> <i>8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</i>	1		1	2	4	
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới <i>8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối</i> <i>8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế</i> <i>8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</i>	2		1	3	6	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Luyện

TS. Vũ Thị Mạc Dung

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**

- Mã học phần: LTTT2101

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
<input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa

Mác – Lênin

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 50 phút/tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 21 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm : 08 tiết

▪ Kiểm tra : 01 tiết

- Thời gian tự học : 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên nhận thức được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích được những nội dung cơ bản trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí

Minh từ đó nhận thức được những giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và đối với dân tộc ta.

- *Về kỹ năng:*

+ Sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết khoa học những vấn đề đang đặt ra trong đời sống chính trị - xã hội.

+ Sinh viên biết vận dụng một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

+ Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Đạo đức nghề nghiệp:* Qua học tập môn học, giúp sinh viên nâng cao lòng tự hào về Bác, về Đảng cộng sản, về Tổ quốc Việt Nam. Tự giác, chủ động học tập, lao động và rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách của Bác Hồ. Xây dựng cho bản thân lý tưởng sống cao đẹp của người thanh niên Việt Nam trong thời đại ngày nay.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương:

- Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

- Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- Chương 4: Tư Tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt nam.

- Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

- Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo. *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, Tháng 4/2009

2. Hoàng Trang, TS. Nguyễn Khánh Bất, *Tìm hiểu thân thế, sự nghiệp và Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Trần Dân Tiên, *Những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo
- Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1		0	1	2	
<p>I. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1. Cơ sở phương pháp luận:</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể:</p> <p>III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên</p> <p>1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác</p> <p>2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị</p>	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 9-24 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Cơ sở khách quan 2. Nhân tố chủ quan	1			1	2	
II. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước. 2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc 3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng 5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 25-56 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới	1	1		2	4	Đọc TLC (1) trang 25-56 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương II. TƯ TƯỞNG HỒ	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC						
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Dân tộc 1. Vấn đề dân tộc thuộc địa 2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 57- 95 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc 1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc 2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc 5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc 6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con	2		1	3	6	Đọc TLC (1) trang 57- 95 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
đường cách mạng bạo lực Kết luận						
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	2		1	3	6	
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 96-127 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam 2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.	1		1	2	4	Đọc TLC (1) trang 96-127 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Kết luận						
Chương IV. TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	4		2	6	12	
I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4. Quan niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền	2		1	3	6	Đọc TLC (1) trang 128- 162 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh. 1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam Kết luận	2		1	3	6	Đọc TLC (1) trang 128- 162 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.	2			2	4	Đọc TLC (1) trang 163-203

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 1. Vai trò của đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế Kết luận	1		1	2	4	Đọc TLC (1) trang 163-203 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	3		1	4	8	
I. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân 1. Nhà nước của dân 2. Nhà nước do dân 3. Nhà nước vì dân						Đọc TL (1) trang 204- 228 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước	2			2	4	Đọc TL (1) trang 204- 228

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước 2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
III. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ 1. Xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp 2. Hoạt động quản lý của nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và trú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống	1		1	2	4	Đọc TL (1) trang 204- 228 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
IV. Xây dựng nhà nước trong sách hoạt động có hiệu quả 1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài 2. Đề phòng khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước						Đọc TL (1) trang 204- 228 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG VII. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	3		2	5	10	
I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá 1. Định nghĩa về văn hoá và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới	1		0	1	2	Đọc TLC (1) trang 229-284

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá. 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	1		1	2	2	Đọc TLC (1) trang 229-284. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"	1		1	2	4	Đọc TLC (1) trang 229-284. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Tổng	4		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Luyện

ThS. Vũ Thị Thanh Thủy

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy khóa 3,4,5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
 - Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung;

+ Hiểu được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, sinh viên vận dụng để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống.

- Về đạo đức, nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, học tập và làm việc tuân theo pháp luật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật ;

- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý ;

- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Lê Minh Toàn (2009), *Pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, , NXB Công an nhân dân, Hà Nội

3. GVC.TS. Vũ Quang (2013), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lê Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

2. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;

3. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;

4. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;

5. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017*

6. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;

7. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;

8. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

9. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp thuyết trình, thảo luận, giải bài tập, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.1. Nguồn gốc</p> <p>1.1.2. Hình thức</p> <p>1.1.3. Chức năng</p>						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật</p> <p>1.2.1. Bản chất</p> <p>1.2.2. Thuộc tính</p> <p>1.2.3. Hình thức</p>	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	06	03		09	18	
<p>2.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>2.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.1.2. Các thành phần cấu thành</p>	01	01			03	<p>- Đọc TLC 2, Chương 14</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>2.2. Quan hệ pháp luật</p> <p>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.2.2. Các thành phần cấu thành</p>	02				05	
<p>2.3. Vi phạm pháp luật</p> <p>2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu</p>	02	02			08	- Đọc TLC 2, Chương 19

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2. Các yếu tố cấu thành						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01				02	- Đọc TLC 2, Chương 19 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	10	02	02	14	28	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương 4 - Đọc TLĐT 2 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.3. Luật Dân sự	01	02		03	06	- Đọc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.3.2. Quyền sở hữu</p> <p>3.3.3. Quyền thừa kế</p>						<p>Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 4</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>3.4. Luật Hình sự</p> <p>3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.4.2. Tội phạm</p> <p>3.4.3. Hình phạt</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLC 3, Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 5</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>3.5. Luật lao động</p> <p>3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.5.2. Hợp đồng lao động</p> <p>3.5.3. Bảo hiểm xã hội</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLC 3, Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 6</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>3.6. Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.6.2. Chế định kết hôn</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLĐT 7</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>3.7. Luật kinh tế</p> <p>3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.7.2. Các loại hình doanh</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLC 1, Chương 9</p> <p>- Đọc TLC 3, Chương 6</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghiệp</i>						- Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng <i>3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng</i> <i>3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng</i>	03		01	03	06	- Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Luyện

Nguyễn Thị Bình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Kỹ năng mềm
Tiếng Anh: Soft Skills
Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, ngành Biến đổi khí hậu, Quản lý tài nguyên nước, Kế toán, Môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Công nghệ thông tin, Khoa học biển và hải đảo.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp

dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014) ,*Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.

2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali.
7. Daniel Goleman (2010), *Emotional Intelligence: Why it can matter more than IQ*, 10th Anniversary Edition.
8. Peggy Klaus (2011), *The hard truth about Soft Skills*, Uncategorized.
9. Frederick H. Wentz (2012), *Soft Skills Training: a workbook to develop skills for employment*, Uncategorized
10. Barun K. Mitra(2012), *Personality development and soft skills*, Oxford University Press – New Delhi.
11. Jeff Butterfieldn (2012), *Problem-Solving and Decision Making*,Uncategorized.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp <i>2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp</i> <i>2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp</i> <i>2.1.3. Chức năng của giao tiếp</i> <i>2.1.4. Phân loại giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp <i>2.2.1. Ngôn ngữ</i> <i>2.2.2. Phi ngôn ngữ</i>	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp <i>2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp</i> <i>2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản <i>2.4.1. Kỹ năng lắng nghe</i> <i>2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi</i> <i>2.4.3. Kỹ năng thuyết phục</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết						
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghề nghiệp</i>						
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. <i>Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới</i> 4.2.2. <i>Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. <i>Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc</i> 4.3.2. <i>Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc</i> 4.3.3. <i>Nghệ thuật viết đơn xin việc</i> 4.3.4. <i>Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân</i>	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. <i>Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn</i> 4.4.2. <i>Các vòng phỏng vấn</i> 4.4.3. <i>Các hình thức phỏng vấn</i> 4.4.4. <i>Nghệ thuật trả lời phỏng vấn</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. <i>Thương lượng về tiền lương</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác						
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hoàn

ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: **Tiếng anh 1**
Tiếng Anh: **English 1**
- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học sinh viên cần phải có kỹ năng sau:

- **Về kiến thức:**
 - + Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

- + Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.
- + Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc
 - **Về kỹ năng:**
 - * Kỹ năng đọc:
 - Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
 - Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.
 - * Kỹ năng nghe:
 - Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
 - Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
 - Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.
 - * Kỹ năng nói:
 - Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
 - Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
 - Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
 - Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
 - Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
 - Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.
 - * Kỹ năng viết:
 - Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
 - Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
 - Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.
 - **Về thái độ:**

- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- + Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp
- + Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- + Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Unit 1: People and Places
- Unit 2: Everyday life
- Unit 3: Loves and Hates
- Unit 4: Eating and Drinking
- Unit 5: Extraordinary Lives
- Unit 6: Buying and Selling
- Unit 7: The world around us
- Unit 8: Going places

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu liệu bắt buộc: New cutting Edge (Elementary)
- Tài liệu bổ trợ:
- A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English Grammar*. Oxford University Press.
- Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
- Esol examinations. 2013. *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.
- Practice Exercise 1. 2015. Internal circulation. Department of Foreign Language, University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:
- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi: Vấn đáp và trắc nghiệm trên máy

Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT		
Unit 1: People and places	1	1	2	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) 					<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng của động từ To Be Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) Số đếm trong TA <p>Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)</p>

<ul style="list-style-type: none"> Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16) 					
Unit 2: Everyday Life	1	1	2	8	
<ul style="list-style-type: none"> Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31) 					<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn Cách nói thời gian trong TA (p.30) Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Unit 3: Loves and Hates	1	1	2	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40) 					<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn Nói về sở thích cá nhân
Unit 4: Eating and Drinking	1	1	2	8	

<p>Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53)</p> <p>Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54)</p> <p>Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56)</p> <p>Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)</p>					<p>Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn</p> <p>Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i></p> <p>Cấu trúc <i>How much / How many</i></p> <p>Nói về thói quen ăn uống của bản thân.</p> <p>Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)</p>
<p>Unit 5: Extraordinary Lives</p>	<p>1</p>	<p>1</p>	<p>2</p>	<p>8</p>	
<ul style="list-style-type: none"> • Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) • Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) • Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) • Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) • Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của 					<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn • Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn • Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) • Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63)

bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)					<ul style="list-style-type: none"> Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6			2	8	
Revision 1					
Progress Test 1		1	1		
Unit 6: Buying and Selling	1	1	2	8	
<p>Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79)</p> <p>Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81)</p> <p>Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83)</p> <p>Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84)</p>					<p>Từ vựng về chủ đề mua sắm</p> <p>Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc</p> <p>Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm</p> <p>Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84)</p> <p>Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam</p> <p>Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)</p>
Unit 7: The world around us	1	1	2	8	
Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97)					<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên

<p>Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thể giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102)</p> <p>Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100)</p> <p>Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó</p>					<ul style="list-style-type: none"> • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích <p>Tư học: <i>Module 13: Learning for the future</i> (p.86-93)</p>
<p>Unit 8: Going Places</p>	<p>1</p>	<p>1</p>	<p>2</p>	<p>8</p>	
<p>Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129)</p> <p>Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133)</p> <p>Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132)</p> <p>Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng</p>					<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố • Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don't have to và Can/can't • Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) • Các cách hỏi và chỉ đường • Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <p>Tư học:</p>

					<i>Module 12: A weekend away (p.104-110)</i>
Consolidation Modules 7 -15 Revision 1			2	8	
Progress Test 1		1	1		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		2	3	10	
Tổng	8	14	23	90	
	45			90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Đặng Đức Chính

Phạm Thị Hồng Quế

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học:

Tên Tiếng Việt: **Tiếng Anh 2**

Tên tiếng Anh: **English 2**

- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học: Bachelor
- Các môn học tiên quyết: Đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
<input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 14 tiết
- Thực hành, thực tập, thảo luận : 23 tiết
- Tự học : 90 giờ

- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần:

2.1 Kiến thức:

- **Ngữ âm:** Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

- Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.
- Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

2.2 Kỹ năng:

*** Kỹ năng đọc:**

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

*** Kỹ năng nghe:**

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

*** Kỹ năng nói:**

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

*** Kỹ năng viết:**

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

2.3 Thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp

- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tiếng Anh cơ bản dành cho hệ Cao đẳng và Đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, động từ khuyết thiếu...

Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. các hoạt động thể thao, nghề nghiệp trong tương lai.....

Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; danh từ số nhiều....

Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng làm quen ban đầu.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK):

- A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
- Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
- Esol examinations. 2013. Preliminary English test. Cambridge University Press.
- Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp

Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.

Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi: Thi nói và thi trắc nghiệm trên máy

Thời lượng thi: Thi trên máy 60 phút + Thi nói mỗi sinh viên 5 phút

Sinh viên không được tham khảo tài liệu khi thi.

Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận, Kiểm tra		
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2	8	
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí.					- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong

- Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)					câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Importance First	1	1	2	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc Từ vựng: Các tính từ miêu tả.					- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29)					- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp

- Từ vựng: Hoạt động thường nhật					
Module 4: Speacial Occassions		2	2	8	
<p>- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33)</p> <p>- Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37)</p> <p>- Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39)</p> <p>- Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà)</p> <p>- Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.</p>					<p>- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn</p> <p>- Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai</p> <p>- Từ vựng về Ngày , tháng, năm</p> <p>- Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.</p> <p>Tự học: Module 6 Time off (p.52)</p>
Consolidation Modules 1-4		2		8	
Revision 1					
Progress Test 1		2			
Module 5: Appearances	1	1	2	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay					- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh

(p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)					- Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	3	2	12	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai					Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ. Cách sử dụng của thì tương lai đơn với ý nghĩa tiên đoán.
Module 7: Countries and cultures	1	2	3	12	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc					- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11:

điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời					(p.90-98)
Consolidation Modules 5-7; Revision 2 Progress test 2		3		8	
		1			
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2	10	Preparation for the final exam
Tổng	8	14	23	90	
		45		90	

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Đặng Đức Chính

Đỗ Mai Quyên

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
- Tiếng Anh: English 3
- Mã học phần: NNTA 2103
- Số tín chỉ: 02
- **Đối tượng học: Hệ đại học, các ngành.**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
- Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
- Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức ngôn ngữ

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng ngôn ngữ

**** Kỹ năng đọc:***

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

**** Kỹ năng nói:***

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.
- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể có thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

**** Kỹ năng viết***

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ
- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

**** Kỹ năng nghe***

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

**** Các nhóm kỹ năng khác***

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

2.2.3. Về mặt thái độ

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ ở thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và động từ khuyết thiếu.
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm
- Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại, quá khứ;
- Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng cơ bản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.

2. Alireza Memarzadeh (2007), *IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.
 3. Esol examinations (2013), *Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khoẻ và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P.						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG BỘ MÔN
ThS. Đặng Đức Chính

NGƯỜI BIÊN SOẠN
Đỗ Mai Quyên

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Toán cao cấp 1**

Tiếng Anh: **Advanced Mathematics 1**

- Mã học phần: KĐT02101

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Quản lý biển.

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐	
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

▪ Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết

▪ Bài tập: 16 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 80 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Tài nguyên và Môi trường và lên trình độ cao hơn.

. Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý đất đai, BDKH & PTBV kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.

. Về đạo đức nghề nghiệp: Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

-Phần đại số tuyến tính và hình học giải tích gồm các kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai.

-Phần giải tích toán học gồm các kiến thức cơ bản về hàm số một biến số.

4. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính (TLC)

- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Toán học cao cấp.Tập 1, NXB Giáo Dục.

- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Toán học cao cấp.Tập 2, NXB Giáo Dục.

- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Toán học cao cấp.Tập 3, NXB Giáo Dục.

2. Tài liệu tham khảo(TLTK)

- Nguyễn Thủy Thanh, 2005. Toán cao cấp (Tập 1,2,3).– NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Thủy Thanh, 2007. Bài tập toán cao cấp (Tập 1,2,3).– NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,.

- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Bài tập toán cao cấp: Tập 1,2,3.. NXB Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tiết trở lên.

- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.

- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Chương 1: Ma trận và định thức	5	3		8	15	
Ma trận	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận, định thức.
Định thức của ma trận vuông	2	1				
Ma trận nghịch đảo	1	1				
Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính	5	3	1	9	15	
2.1. Định nghĩa	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình.
2.2. Hệ Cramer	1	1				
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	3	2				
-Kiểm tra			1			
Chương 3: Không gian véc tơ và dạng toàn phương	5	4		9	20	
1. Định nghĩa không gian véc tơ	1	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về không gian véc tơ và dạng toàn phương.
3.2. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ	1	1				
2. Hạng của một hệ véc tơ	1	1				
4. Dạng toàn phương	2	1				
Chương 4: Các mặt bậc hai	4	1		5	10	

4.1 Mặt cầu, mặt Elipxoit	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các mặt bậc hai.
4.2 Mặt hypecboloit một tầng và hai tầng	1					
4.3 Mặt parabolait elliptic.Mặt Prabolait hypebolic	1	1				
4.4 Mặt trụ bậc hai và mặt nón bậc hai	1					
Chương 5: Hàm số một biến số	8	5	1	14	20	
5.1. Các hàm lượng giác ngược	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về Hàm số một biến số
5.2 Hàm số cho ở dạng tham số.Tọa độ cực	1	1				
5.3 Các định lý L'Hospital về giới hạn	1	1				
5.4. Tích phân suy rộng	3	2				
5.5.Chuỗi số	2	1	1			
Kiểm tra						
5.6 Chuỗi hàm						
Cộng	27	16	2	45	80	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Xuân Hùng

Lê Thị Hương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Toán cao cấp 2**

Tiếng Anh: **Advanced Mathematics 2**

- Mã học phần: KĐTO2102

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Quản lý biển.

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Toán cao cấp 1*

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 15tiết

Bài tập: 13 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Tài nguyên và Môi trường và lên trình độ cao hơn.

- *Về kỹ năng*: Trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý đất đai, BDKH & PTBV kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến.
- Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2.
- Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2.

4. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính (TLTK)

- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Toán học cao cấp.Tập 1, NXB Giáo Dục.
- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Toán học cao cấp.Tập 2, NXB Giáo Dục.
- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Toán học cao cấp.Tập 3, NXB Giáo Dục.

2. Tài liệu tham khảo(TLTK)

- Nguyễn Thủy Thanh, 2005. Toán cao cấp (Tập 1,2,3).– NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thủy Thanh, 2007. Bài tập toán cao cấp (Tập 1,2,3).– NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,.
- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004. Bài tập toán cao cấp: Tập 1,2,3.. NXB Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tổng số tiết trở lên.
- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.
- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên +

2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	điểm thi giữa học phần: 40 %
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Chương 1: Hàm số nhiều biến số	4	4		8	20	
Khái niệm hàm số nhiều biến số						Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng, cực trị hàm nhiều biến
2. Giới hạn và tính liên tục của hàm nhiều biến.	1					
3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần của hàm nhiều biến.	1	2				
4. Cực trị của hàm nhiều biến	1	1				
1.4.1 Cực trị không có điều kiện ràng buộc 1.4.2 Cực trị có điều kiện ràng buộc		1				
Chương 2: Tích phân của hàm nhiều biến	6	5	1	12	20	
2.1 Tích phân hai lớp (Tích phân kép)	2	3				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 2 lớp.
2.1.1 Định nghĩa						
2.1.2 Các tính chất của tích phân 2 lớp						
2.1.3 Cách tính tích phân 2 lớp			1			
Kiểm tra						

2.2 Tích phân ba lớp (Tích phân bội ba) 2.2.1 Định nghĩa 2.2.2 Các tính chất của tích phân 3 lớp 2.2.3 Cách tính tích phân 3 lớp	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 3 lớp.
2.3 Tích phân đường 2.3.1 Tích phân đường loại một 2.3.2 Tích phân đường loại hai	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân đường.
Chương 3: Phương trình vi phân	5	4	1	10	20	
3.1 Phương trình vi phân cấp một 3.2 Phương trình vi phân cấp hai Kiểm tra	3 2	2 2				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về phương trình vi phân.
Tổng	15	13	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Xuân Hùng

Lê Thị Hương

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
- Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: CTKH2151

- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, major: Environment, Mapping – GIS, Land Management, Land Economics and Environment, Land Use, Land Resources, Coastal and Island Studies, Air Quality and Sustainable Development.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Thực hành: 08 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.

- Về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Học xong học phần này sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, chăm chỉ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.

- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trí Việt 2012, *Tự học MicroSoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
2. Trí Việt 2011, *Tự học MicroSoft Word 2010*, NXB Hồng Bàng.
3. Trí Việt 2011, *Tự học MicroSoft Power point 2010*, NXB Văn hóa thông tin.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Công Tuấn-Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
2. Công Tuấn-Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
3. Bùi Thế Tâm, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông Vận tải, 2010.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thực hành và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với
----------	---------------------------	-----------------

	Lên lớp (tiết)					Tự học (Giờ)	sinh viên
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	3				3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1					2	Đọc TLC [3], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính	1					2	
1.5. Virus tin học và cách phòng chống	1					2	
1.6. Mạng máy tính và Internet							
1.7. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
Chương 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành 2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến	1					2	Đọc TLC [3], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows 2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục 2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.3. Thay đổi cấu hình (Control Panel)	1			1		4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu hình làm việc	0.5					1	Đọc TLC [2], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản	2			1		6	
3.3.1. Định dạng ký tự (Font)							
3.3.2. Định dạng đoạn văn (Paragraph)							
3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn							
3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn (Bullets and Numbering)							
3.3.5. Chia cột văn bản (Columns)							
3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap)							
3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản	1.5			1		5	Đọc TLC [2], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol)							
3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art)							
3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh							
3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box)							
3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes)							
3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart)							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)							
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng	1			0.5		3	Đọc TLC[2], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6. Trộn thư	0.5			0.5		2	Đọc TLC [2], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5					1	
Kiểm tra			1			2	
Chương 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử	0.5					1	Đọc TLC[1], Slide bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
4.2. Các thao tác cơ bản 4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel	0.5			0.5		2	
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel 4.3.1. Cách sao chép công thức 4.3.2. Cú pháp chung của hàm 4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng	3			1.5		9	
4.4. Cơ sở dữ liệu 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu	1			0.5		3	
4.5. Biểu đồ trong Excel 4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định	0.5			0.5		2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>dạng biểu đồ</i>							
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5					1	
Kiểm tra			1			2	
Chương 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	Đọc sile bài giảng của giảng viên trước ở nhà.
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5					1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5		2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide 5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình	1.5			0.5		4	
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5					1	
Cộng	20		2	8		60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Phú Hưng

Trịnh Thị Lý

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Hóa học đại cương**

Tiếng Anh: **General chemistry**

Mã học phần: KĐHO2101

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Hệ đại học, ngành: Quản lý biển.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương √		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và đồ án tốt nghệ □
Bắt buộc √	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết

Bài tập: 11 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết

Kiểm tra: 01 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời hiểu và trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương.

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

+ Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Nhiệt động học của một số quá trình hóa học.

Động hóa học và xúc tác.

Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học.

Dung dịch và các kiến thức liên quan.

Một số quá trình điện hóa học.

Hiện tượng bề mặt – dung dịch keo.

Các kiến thức đại cương này giúp cho sinh viên học tiếp các kiến thức cơ sở của hóa học như hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ, hóa học phân tích v.v, cũng như vận dụng sự hiểu biết này đối với việc nghiên cứu các chuyên ngành có liên quan đến hóa học như môi trường, quản lý đất đai, khí tượng thủy văn, khoa học biển, biến đổi khí hậu, địa chất và nhiều chuyên ngành khác.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Ngọc Anh (chủ biên) (2014), *Hóa học đại cương*, NXB ĐHQG HN.

2. Nguyễn Hạnh (2012), *Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II*, NXB GD VN.

3. Lê Mậu Quyền (1995), *Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần bài tập*, NXB KH&KT.

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Đăng Độ (chủ biên, 2011), *Bài tập cơ sở lý thuyết các quá trình Hóa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Đào Đình Thức (2011), *Hóa học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Môn học này được coi là môn học cơ bản nhất của Hóa học, chính vì vậy sinh viên cần hiểu rõ các khái niệm, định luật cơ bản và vận dụng vào trường hợp cụ thể. Do đó giảng viên sử dụng phương pháp giảng viên thuyết trình, thảo luận nhóm là chính. Giảng viên hướng dẫn các phần khó hiểu tại lớp, phần dễ hiểu hướng dẫn sinh viên tự học ở nhà. Ngoài ra có thể sử dụng phương pháp dạy học theo dự án trong giảng dạy môn học này.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.

Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.

Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng	
(1)	LT	BT	TL,KT	(5)		(6)
Chương 1. Đại cương về nhiệt động học	4	2	1	7	14	
1.1. Nguyên lý I của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học <i>1.1. Các khái niệm: Hệ</i>	2			2	4	- Đọc TLC 1 từ trang 13-43 - Làm bài tập trang 44-48 TLC 1.

<p><i>nhiệt động học, trạng thái, quá trình, hàm trạng thái, nhiệt, công, qui ước dấu nhiệt động học</i></p> <p>1.2. Nội năng. Nguyên lý I của nhiệt động học</p> <p>1.3. Áp dụng nguyên lý I của nhiệt động học vào Hóa học</p>						- Làm bài tập TLC 3 và TLĐT 1
<p>1.2. Nguyên lý II của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học.</p> <p>2.1. Khái niệm entropi. Nguyên lý II của nhiệt động học</p> <p>2.2. Thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp. Các yếu tố ảnh hưởng đến thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp</p> <p>2.3. Cách tính G của phản ứng và xác định chiều diễn biến của quá trình hoá học</p>	2			2	4	
<p>1.3. Bài tập chương 1</p>		2		2	4	
<p>1.4. Thảo luận</p> <p>Chương 2. Đại cương về động hóa học</p>	1,5	2	1	1	2	Thảo luận các bài tập khó
<p>2.1. Một số khái niệm (Tốc độ phản ứng, phân tử số, bậc riêng phần, bậc toàn phần của phản ứng)</p>	0,5			0,5	2	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 49-62. - Làm bài tập TLC 3 và TLĐT 1. - Đọc TLĐT 2 mục VIII trang 216
<p>2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.</p>	0,5			0,5		
<p>2.3. Phương trình động học của các phản ứng có bậc đơn giản</p> <p>3.1. Phương trình động học của phản ứng bậc 1</p>	0,5			0,5	1	

3.2. Phương trình động học của phản ứng bậc 2						
2.4. Bài tập chương 2		2		2	4	
Chương 3. Cân bằng hóa học	1,5	2	2	5,5	11	
3.1. Các khái niệm 3.1.1. Phản ứng thuận nghịch 3.1.2. Cân bằng hóa học 3.1.3. Phương trình đẳng nhiệt Van't Hoff và hằng số cân bằng	1			1	2	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 63-78 - Làm bài tập TLC 3 và TLĐT 1 - Đọc TLĐT 2 mục IV trang 99
3.2. Sự chuyển dịch cân bằng 2.1. Nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Châtelier 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học	0,5			0,5	1	
3.3. Bài tập chương 3		2		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			1	1	2	Chữa bài kiểm tra
Chương 4: Dung dịch	4	3		7	14	
4.1. Một số khái niệm 1.1. Một số định nghĩa: Dung dịch, dung dịch bão hòa, dung dịch lý tưởng, nhiệt hòa tan 4.1.2. Nồng độ của dung dịch 4.1.3. Quá trình hòa tan, độ hòa tan	0,5			0,5	1	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 79-112. - Đọc TLĐT 2 mục VI trang 160.
4.2. Tính chất của dung dịch 2.1. Áp suất hơi bão hòa của dung dịch 2.2. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch						

4.2.3. Áp suất thẩm thấu						
4.3. Dung dịch chất điện li 3.1. Khái niệm về chất điện li, Độ điện li. Hằng số điện li 4.3.2. Cân bằng trong dung dịch	3,5			3,5	7	
4.4. Bài tập chương 4		3		3	6	
Chương 5. Các quá trình điện hóa học	3	2		5	10	
5.1. Pin điện hóa Khái niệm về pin điện hóa và điện cực Sức điện động của pin. Thế điện cực và cách xác định thế điện cực. Phương trình Nernst	2,5			2,5	5	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 113-137. - Đọc TLĐT 2 mục IX trang 245.
Xác định hằng số cân bằng và chiều của phản ứng oxi – hóa khử dựa vào thế điện cực						
5.2. Sự điện phân 5.2.1. Khái niệm về sự điện phân 5.2.2. Sự phân cực 5.2.3. Thế phân hủy và quá thế 5.2.4. Điện phân chất điện li 5.2.5. Định luật Faraday	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2 trang 207-231
5.3. Bài tập chương 5		2		2	4	
Chương 6. Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo	2			2	4	
Hiện tượng bề mặt và	0,5			0,5	1	- Đọc sách TLC 1 từ trang

năng lượng bề mặt Liên tương bề mặt Năng lượng bề mặt Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng bề mặt						138-144. - Đọc TLC 2 trang 163-182.
Sự hấp phụ và hấp thụ Định nghĩa Hấp phụ vật lý và hóa học Chất hoạt động bề mặt	1			1	2	
Sự hấp phụ trên ranh giới rắn – khí và rắn – dung dịch Sự thấm ướt Dung dịch keo	0,5			0,5	1	
Điều chế và tính chất của dung dịch keo. Cấu tạo của hạt keo và sự đông tụ keo.						
Cộng	16	11	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Xuân Hùng

TS. Lê Ngọc Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Xác suất thống kê**

Tiếng Anh: **Probability theory and mathematical statistics**

- Mã học phần: KĐT02106

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Khí tượng thủy văn biển.

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Giải tích 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết

Bài tập: 11 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

- Thời gian tự học: 64 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sinh viên giải quyết được các bài toán cơ bản của xác suất, các bài toán ước lượng mẫu.

- Về kỹ năng: sinh viên có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình.

- Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (Chương này trình bày các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất)

- Chương 2: Đại lượng ngẫu nhiên (Chương này trình bày khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng)

- Chương 3: Lý thuyết mẫu (Chương này trình bày khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số)

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Hộ, 2001, *Xác suất và thống kê toán học*, NXB Giáo dục
2. Phạm Văn Kiềm, 2012, *Xác suất và thống kê*, NXB Giáo dục Việt Nam

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLTK)

1. Đặng Hùng Thắng, 2000, *Mở đầu về xác suất và các ứng dụng*, NXB GD
2. Đặng Hùng Thắng, 2008, *Thống kê và ứng dụng*, NXB GD

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Giảng viên thuyết trình lý thuyết, hướng dẫn bài tập, cá nhân sinh viên thuyết trình bài tập, thảo luận nhóm ...

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	

3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%
---	----------------------------	-----	---------------------------------

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT	6	5	1	12	26	
Biến cố và phép thử ngẫu nhiên	1		1		3	Đọc [1] trang 5 – 10
Khái niệm và các định nghĩa về xác suất	1	1			2	Đọc [1] trang 11 – 14
Các quy tắc tính xác suất	2	2			9	Đọc [1] trang 15 – 23
Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes	1	1			6	Đọc [1] trang 24 – 28
Công thức xác suất nhị thức	1	1			6	Đọc [1] trang 28 – 30
CHƯƠNG 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN	5	4	2	11	23	
1 Đại lượng ngẫu nhiên và phân phối xác suất	1	1			7	Đọc [1] trang 39 – 43
2 Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	1	2			7	Đọc [1] trang 44 – 48
3 Đại lượng ngẫu nhiên hai chiều	1				3	Đọc [1] trang 57 – 67
4 Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng	2	1	2		6	Đọc [1] trang 49 – 56
<i>Kiểm tra</i>						
CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT MẪU	4	2	1	7	15	
3.1. Một số khái niệm	1				3	Đọc [1] trang 77 – 86
3.2. Ước lượng một số tham số lý thuyết	1		1		5	Đọc [1] trang 87 – 93
3.3. Ước lượng tham số lý thuyết bằng bảng khoảng tin cậy	2	2			7	Đọc [1] trang 94 – 112
Cộng	15	11	4		64	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Xuân Hùng

Nguyễn Ngọc Linh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Cơ sở địa lý biển và đại dương**

Tiếng Anh: **General Geography of Ocean and Sea**

- Mã học phần: GGO101

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

Bài tập: 02 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển biển và đại dương, các quy luật địa lý xảy ra trong lớp vỏ địa lý đại

dương và các đặc điểm hoạt động của chúng, cũng như những nét cơ bản về tài nguyên của biển và đại dương, bao gồm cả của Biển Đông

Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thực hành quan sát và phân tích các hiện tượng địa lý xảy ra trong biển và đại dương.

Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1: Khái quát chung về địa lý tự nhiên biển và đại dương

Chương 2: Cơ sở lý thuyết địa lý tự nhiên biển và đại dương

Chương 3: Các đặc trưng cơ bản của đại dương thế giới

Chương 4: Tài nguyên biển và đại dương

Chương 5: Quản lý tài nguyên và môi trường biển

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Vũ Văn Phái, 2007. Cơ sở địa lý tự nhiên biển và đại dương. NXB ĐHQG, Hà Nội.

(2) Trần Nghi, 2005. Địa chất biển. NXB ĐHQG Hà Nội.

(3) Phạm Văn Huân, 2003. Tính toán trong hải dương học, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Võ Văn Minh, 2007. Giáo trình Môi trường và con người, NXB ĐHSP Đà Nẵng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập thảo luận

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
1	-2	-3	-4	-5	-6	-7
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	2	0	0	2	6	Đọc TLC 1, chương 1;
1.1. Định nghĩa, đối tượng và nội dung	0.5			0.5	1.5	
1.2. Khái quát về lịch sử nghiên cứu địa lý biển và đại dương	1			1	3	
1.3. Một số nét về sử dụng tài nguyên và nghiên cứu địa lý biển của Việt Nam	0.5			0.5	1.5	
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	6	0	1	7	21	Đọc TLC 2, chương 2;
2.1. Khái quát chung về Trái đất	2			2	6	
2.2. Cơ sở lý thuyết địa lý tự nhiên đại dương	2			2	6	
2.3. Tương tác đại dương-khí quyển-lục địa	2			2	6	

Kiểm tra chương 1+2			1	1	3	
Chương 3. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA ĐẠI DƯƠNG THẾ GIỚI	6	0	1	7	21	Đọc TLC 3, chương 3;
3.1. Phân chia đại dương và biển	1			1	3	
3.2. Mực nước đại dương và nguyên nhân dao động của nó	1			1	3	
3.3. Địa hình bờ và đáy đại dương	2			2	6	
3.4. Trầm tích biển	1			1	3	
3.5. Các đặc trưng của khối nước trong đại dương	1		1	2	6	Đọc TLC 4, chương 4;
Chương 4. TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	4	4	0	8	24	
4.1. Quan niệm chung về tài nguyên thiên nhiên	1	1		2	6	
4.2. Tài nguyên sinh vật	1	1		2	6	
4.3. Tài nguyên không sinh vật	2	2		4	12	
Chương 5. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	6	0	0	6	18	Đọc TLC 5, chương 5;
5.1. Các hình thức sử dụng tài nguyên biển	1			1	3	
5.2. Ô nhiễm biển	1			1	3	
5.3. Quản lý biển	1			1	3	
5.4. Quản lý thống nhất đới bờ biển	1			1	3	
5.5. Phân chia các vùng biển theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982	2			2	6	
Tổng	24	4	2	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lĩnh

ThS. Vũ Văn Lĩnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Cơ sở khoa học môi trường**
- Tiếng Anh: **Fundamentals of Environmental Science**

- Mã học phần: FES201

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Khí tượng thủy văn biển, Quản lý biển, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường; Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực

- *Về kỹ năng*: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Đức Hải (2007), *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.
3. Bùi Thị Nga (2008), *Cơ sở khoa học môi trường*. Đại học Cần Thơ

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
2. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;
3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
4. Luật bảo vệ môi trường 2014;
5. Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia;

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Nêu vấn đề; các nghiên cứu điển hình; Thuyết trình; Thực quan hóa; Tự nghiên cứu và Thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.

- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc Chương 1, giáo trình 1; Điều 3, Luật BVMT
1.1. Một số khái niệm liên quan tới môi trường	1			1	2	
1.2. Phân loại môi trường						
1.2. Các chức năng của môi trường	1			1	2	
1.3. Quan hệ giữa môi trường và phát triển	2		1	3	6	
1.4. Ô nhiễm, suy thoái và khủng hoảng môi trường						
1.5. Quan hệ giữa khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý môi trường	1			1	2	
Chương 2. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc chương 2, giáo trình 1 và Chương 2, giáo trình 2
2.1. Thạch quyển	3		1	4	8	
2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất						
2.1.2. Sự hình thành đá						
2.1.3. Sự hình thành đất						
2.2. Thủy quyển	3		1	4	8	
2.2.1. Cấu tạo hình thái của thủy quyển						
2.2.2. Vòng tuần hoàn nước						
2.2.3. Đặc điểm các nguồn						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nước</i>						
2.3. Khí quyển 2.3.1. Thành phần của không khí 2.3.2. Cấu trúc khí quyển 2.3.3 Chế độ nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển	2			2	4	
2.4. Sinh quyển						
Chương 3. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	2		4	7	14	Đọc giáo trình 1, chương 5; giáo trình 2, chương 8 Tham khảo các tài liệu trên Internet
3.1. Ô nhiễm nước 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm nước 3.1.3. Giải pháp bảo vệ nguồn nước	1		1	2	4	
3.2. Ô nhiễm khí quyển 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm khí quyển 3.1.3. Giải pháp hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm khí quyển 3.1.4. Các tác động toàn cầu của ô nhiễm khí quyển (nguyên nhân, hậu quả, giải pháp hạn chế)	1		3	4	8	
3.4. Ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.3. Giải pháp hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất	1			1	2	
Chương 4. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	4		1	5	10	Đọc giáo trình 1, chương 4
4.1. Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên	1			1	2	Các nội dung tìm hiểu đối với mỗi loại tài nguyên: - Vai trò; - Hiện trạng tài nguyên; - Các tác động của
4.2. Tài nguyên nước						
4.3. Tài nguyên đất	1			1	2	
4.4. Tài nguyên khoáng sản						
4.5. Tài nguyên Biển	1			1	2	
4.5. Tài nguyên rừng và sinh						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vật						con người đối với tài nguyên
4.6.Tài nguyên khí hậu và cảnh quan	1			1	2	- Giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên;
Kiểm tra 1 tiết (chương 1,2,3)			1	1	2	
Chương 5. CÁC VẤN ĐỀ NỀN TẢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	4			4	8	Đọc giáo trình 1, chương 7; giáo trình 2, chương 10 Tham khảo tài liệu trên Internet
5.1.Vấn đề về dân số <i>5.1.1. Khái niệm Bùng nổ dân số?</i> <i>5.1.2.Mối quan hệ giữa vấn đề và môi trường</i>	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cơ bản nêu trong “Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020”.
5.2.Vấn đề về lương thực thực phẩm của loài người <i>5.2.1. Khái niệm an ninh lương thực?</i> <i>5.2.2. Sản xuất và tiêu dùng lương thực với vấn đề môi trường</i>	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.
5.3.Vấn đề năng lượng <i>5.3.1. Các dạng năng lượng cơ bản</i> <i>5.3.2. Tác động của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đối với môi trường;</i>	1			1	2	Đọc mở rộng mục tiêu và định hướng phát triển về năng lượng được nêu trong “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050”.
5.4. Phát triển bền vững (PTBV) <i>5.4.1. Khái niệm PTBV</i> <i>5.4.2. Nguyên tắc PTBV</i> <i>5.4.3. Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu phát triển bền vững được nêu trong “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						nhìn đến năm 2030”.
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỜNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Thị Trinh

Vũ Văn Doanh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Phương pháp tính**
Tiếng Anh: **Calculation methods.**
- Mã học phần: CME401
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Quản lý biển.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
- Bài tập: 10 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, khoa Khoa học Đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong giải tích số, hiểu được mối liên hệ giữa việc giải các bài toán thực tế và tính toán khoa học (trong khoa học - công nghệ, kinh tế và xã hội) với tin học, toán học tính toán và toán học lý thuyết; nắm được các khái niệm về sai số; các dạng bài toán cơ bản: cơ sở, nội dung chính và một số tính chất quan trọng nhất của những phương pháp thông dụng giải gần đúng các bài toán đó; nắm được thuật toán và biết một số ưu, nhược điểm chính của các phương pháp đã học (độ tin cậy, hiệu quả, khả năng thực hiện được trong thực tế). Vận dụng các phương pháp và thuật toán cơ bản để giải những bài toán liên quan.

- Về kỹ năng: Biết áp dụng các phương pháp tính gần đúng đã học (xây dựng công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số (nếu có)) vào các bài toán ví dụ đơn giản và bài toán ứng dụng, có khả năng thực hiện bài tập lớn (theo nhóm).

- Về đạo đức nghề nghiệp: Giúp người học thấy được ý nghĩa, sự cần thiết và giá trị khoa học của môn học, qua đó có thái độ học tập nghiêm túc, tìm tòi, vận dụng các kiến thức môn học vào các bài toán tính toán khoa học trong các môn học chuyên ngành.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Giới thiệu một số dạng bài toán như:

- Nội suy, xấp xỉ và sai số.
- Tính gần đúng nghiệm thực của phương trình.
- Đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất.
- Tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định.
- Phương trình vi phân; và các phương pháp tính cơ bản để giải các bài toán đó.

Tập trung vào ý tưởng và thuật toán của các phương pháp.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Dương Thủy Vỹ, 2002. *Phương pháp tính*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội
2. Tạ Văn Đĩnh, 2001, *Phương pháp tính*. NXB Giáo dục
3. Phan Văn Hạp, 1996. *Phương pháp tính*, NXB Khoa học kỹ thuật

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Kỳ Anh, 2000. *Giải tích số*. NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Phan Văn Hạp và Lê Đình Thịnh, , 2000. *Phương pháp tính và các thuật toán* . NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Hiểu được mối liên hệ giữa việc giải các bài toán thực tế và tính toán khoa học (trong khoa học – công nghệ, kinh tế và xã hội) với tin học, toán học tính toán và toán học lý thuyết; nắm được các khái niệm về sai số; các dạng bài toán giải tích số cơ bản: cơ sở, nội dung chính và một số tính chất quan trọng nhất của những phương pháp thông dụng giải gần đúng các bài toán đó; Nắm được thuật toán và biết một số ưu, nhược điểm chính của các phương pháp đã học (độ tin cậy, hiệu quả, khả năng thực hiện được theo trong thực tế). Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. SAI SỐ	3	2		4	60	
1 Sai số tuyệt đối và sai số tương đối.	1	1		2		Đọc BG PPT, Trang 3-4
2 Cách viết số xấp xỉ	1			1		
3 Sai số quy tròn						Đọc BG PPT, Trang 5 – 7
4 Xác định sai số của hàm biết các sai số của các đối số.	1					Đọc BG PPT, Trang 7 – 9 Đọc BG PPT, Trang 9 – 11
CHƯƠNG 2. GIẢI GẦN ĐÚNG PHƯƠNG TRÌNH	4	2		5	10	

ĐẠI SỐ VÀ PHƯƠNG TRÌNH SIÊU VIỆT.						
2.1. Khoảng cách ly nghiệm. 2.2. Phương pháp chia đôi. 2.3. Phương pháp lặp. 2.4. Phương pháp dây cung. 2.5. Phương pháp tiếp tuyến (New ton)	1 1 1 1	1 1		1 1 1 1		Đọc BG PPT, Trang 16 – 18 Đọc BG PPT, Trang 19 – 20 Đọc BG PPT, Trang 21 – 25 Đọc BG PPT, Trang 25 – 29 Đọc BG PPT, Trang 30 –34
CHƯƠNG 3.GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH.	3	2		5	10	
3.1. Phương pháp Gauss và phương pháp phần tử trội. 3.2. Các phương pháp lặp. 3.2.1. Phương pháp lặp đơn và lặp Jacobi. 3.2.2. Phương pháp lặp Seidel và lặp Gauss- Seidel. 3.3. Phương pháp phân tích LU.	1 1 1	1 1		1 1 1		Đọc BG PPT, Trang 39 – 44 Đọc BG PPT, Trang 45 – 55 Đọc BG PPT, Trang 55 – 58
CHƯƠNG 4. ĐA THỨC NỘI SUY VÀ PHƯƠNG PHÁP BÌNH PHƯƠNG BÉ NHẤT	3	1		7	10	
4.1. Đa thức nội suy và sơ đồ Hoocone. 4.2. Đa thức nội suy Lagrange. 4.3. Đa thức nội suy Newton. 4.3.1. Đa thức nội suy Newton trường hợp các nút nội suy không cách đều. 4.3.2. Đa thức nội suy Newton trường hợp các nút	1 1 1 1	1		1 3 1		Đọc BG PPT, Trang 60 – 62 Đọc BG PPT, Trang 62 – 65 Đọc BG PPT, Trang 65 – 75 Đọc BG PPT, Trang 75 – 82

nội suy cách đều. 4.4. Nội suy bằng đa thức trên từng đoạn: nội suy Hermite và nội suy Spline. 4.5. Phương pháp bình phương bé nhất.	1			1		Đọc BG PPT, Trang 83 – 88
CHƯƠNG 5. TÍNH GẦN ĐÚNG ĐẠO HÀM VÀ TÍCH PHÂN XÁC ĐỊNH.	3	1		4	10	
5.1. Tính gần đúng đạo hàm bằng sai phân. Ngoại suy Richardson. 5.2. Tính gần đúng tích phân xác định. 5.2.1. Công thức Newton-Cotes. Công thức hình thang. 5.2.2. Công thức Simpson. Ước lượng sai số bằng phương pháp Runge.	1 1 1			1 3		Đọc BG PPT, Trang 88 – 95 Đọc BG PPT, Trang 95 – 105
Kiểm tra			2			
CHƯƠNG 6. GIẢI GẦN ĐÚNG PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN THƯỜNG.	4	1		5	10	
6.1. Bài toán Cauchy. Phân loại phương pháp số. 6.2. Phương pháp Eule. 6.3. Phương pháp Euler cải	1 1 1					Đọc BG PPT, Trang 104 – 15 Đọc BG PPT, Trang 105

tiền. 6.4. Phương pháp Runge – Kutta. 6.5. Phương pháp sai phân giải bài toán biên.	1					– 106 Đọc BG PPT, Trang 106 –108 Đọc BG PPT, Trang 109 –115 Đọc BG PPT, Trang 116 – 124
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Xuân Hùng

Phùng Thị Kim Yến

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Cơ sở khoa học quản lý**

Tiếng Anh: **General Management Science**

Mã học phần: GMS103

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: **Bậc đại học, ngành Quản lý biển**

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Không

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết

Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết

Bài tập: 12 tiết

Kiểm tra: 02tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần cơ sở khoa học quản lý, người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản như: Tổng quan về khoa học quản lý, môi trường quản lý, quy luật và quy tắc quản lý, thông tin và các chức năng của quản lý.

Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức:* Học phần này giúp sinh viên nắm bắt được thế nào quản lý, môi trường quản lý, các chức năng trong quản lý.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Biết cách vận dụng khoa học quản lý vào thực tế hoạt động quản lý trong tổ chức.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng quản lý và hợp tác với các tổ chức khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Nắm bắt được nội dung các chức năng của quản lý. Từ đó đưa ra những quyết định quản lý đúng đắn mang lại hiệu quả cho tổ chức.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Cơ sở khoa học quản lý gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đặc điểm của quản lý và khoa học quản lý; môi trường quản lý; quy luật và quy tắc quản lý; thông tin và các chức năng của quản lý. Từ đó giúp người học có thể triển khai được hoạt động quản lý trong các tổ chức cụ thể.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2012), *Cơ sở khoa học quản lý tập 1*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2012), *Cơ sở khoa học quản lý tập 2*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
3. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2013), *Đại cương khoa học quản lý*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Giáo trình quản trị học (2013)*, Khoa kinh tế tài nguyên và môi trường.
2. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp			Tổng cộng (5)	Tự học (Giờ) (6)	
	LT (2)	BT (3)	TL, KT (4)			
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC QUẢN LÝ	4	2		6	12	
1.1. Quản lý 1.1.1. Khái niệm và vai trò của quản lý 1.1.2. Chức năng của quản lý 1.1.3. Quản lý vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật và vừa là một nghề.	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Khoa học quản lý 1.2.1. Đặc điểm, vai trò và đối tượng nghiên cứu của khoa học quản lý 1.2.2. Sự phát triển của các tư tưởng quản lý	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ	5	2		7	14	
2.1. Khái niệm và phân loại môi trường quản lý 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại môi trường quản lý	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Ảnh hưởng của môi trường quản lý đối với tổ chức 2.2.1. Ảnh hưởng của môi trường quản lý bên ngoài đối với tổ chức 2.2.2. Ảnh hưởng của môi trường quản lý bên trong đối với tổ chức	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 3. QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ	7	2		9	18	
3.1. Quy luật trong quản lý 3.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quy luật 3.1.2. Các quy luật trong quản lý	3	0		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Nguyên tắc quản lý 3.2.1. Khái niệm và vai trò của nguyên	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 3

<i>tắc quản lý</i>					
<i>3.2.2. Các nguyên tắc quản lý cơ bản</i>					
Kiểm tra			1	1	2
CHƯƠNG 4. THÔNG TIN VÀ QUY TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	5	2		7	14
4.1. Thông tin	1	1		2	4
4.1.1. Khái niệm thông tin					
4.1.2. Vai trò của thông tin					
4.1.3. Đặc điểm và yêu cầu của thông tin					
4.2. Hệ thống thông tin quản lý	2			2	4
4.2.1. Khái niệm					
4.2.2. Vai trò của hệ thống thông tin quản lý					
4.2.3. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quản lý					
4.2.4. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý					
4.3. Quyết định quản lý	1	1		2	4
4.3.1. Khái niệm và phân loại quyết định quản lý					
4.3.2. Đặc điểm quyết định quản lý					
4.3.3. Nguyên tắc ra quyết định quản lý					
4.4. Quy trình và phương pháp ra quyết định quản lý	1			1	2
4.4.1. Quy trình ra quyết định quản lý					
4.4.2. Phương pháp ra quyết định quản lý					
CHƯƠNG 5. CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ	10	4		14	28
5.1. Chức năng lập kế hoạch	2	1		3	6
5.1.1. Khái niệm và vai trò của lập kế hoạch					
5.1.2. Phân loại kế hoạch					
5.1.3. Lập kế hoạch chiến lược					
5.1.4. Lập kế hoạch tác nghiệp					
5.2. Chức năng tổ chức	2	1		3	6
5.2.1. Khái niệm và vai trò của chức năng tổ chức					
5.2.2. Một số mô hình cơ cấu tổ chức quản lý					
5.3. Chức năng lãnh đạo	3	1		4	8
5.3.1. Khái niệm và vai trò của chức năng lãnh đạo					
5.3.2. Một số phong cách lãnh đạo					

<i>trong quản lý tổ chức</i>						
5.4. Chức năng kiểm tra	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 8
5.4.1. Khái niệm và vai trò của chức năng kiểm tra						
5.4.2. Nguyên tắc và quy trình kiểm tra						
5.4.3. Các hình thức và kỹ thuật kiểm tra						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31	12	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hoàn

Nguyễn Thị Thanh Mai

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Kinh tế biển và hàng hải**
- Tiếng Anh: **Marine and Maritime Economics**
 - Mã học phần:
 - Số tín chỉ: 03
 - Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển.
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
						<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết: Cơ sở Tài nguyên và môi trường biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 37 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 06 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 02 tiết
- Tự học : 135 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ Về kiến thức:

- Sinh viên hiểu và nắm bắt những kiến thức cơ bản kinh tế biển và hàng hải biển...;
- Những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, kinh tế cảng biển. Những đặc trưng, các hình thức tổ chức trong hàng hải biển. Các

chứng từ liên quan đến hàng hoá vận chuyển bằng đường biển, nội dung các loại hợp đồng liên quan đến hàng hải biển,

+ **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên và môi trường biển làm cơ sở cho tiếp cận kinh tế trong quản tài nguyên và môi trường biển sau này.

+ **Về thái độ, chuyên cần:** Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- Hiểu biết về những vấn đề chung của kinh tế biển và hàng hải, đặc trưng của sản xuất của kinh tế biển và hàng hải.

- Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến tài nguyên biển bao gồm tài nguyên tái tạo, tài nguyên không tái tạo và tài nguyên cho phát triển ngành dịch vụ hàng hải, du lịch biển;

- Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường biển như kiến thức về giá trị kinh tế của môi trường biển, Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm biển, các công cụ kinh tế sử dụng cho quản lý tài nguyên môi trường biển;

- Vận dụng các kiến thức về giá thành, giá cước vận chuyển đường biển trong các tình huống thực tế

- Hiểu biết về kinh tế cảng biển, thương vụ vận tải biển quốc tế

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên), 2003. Kinh tế và quản lý môi trường. NXB thống kê, Hà Nội.

(2) PGS.TS. Nguyễn Văn Song (Chủ biên), 2009. Giáo trình kinh tế tài nguyên. NXB tài chính, Hà Nội.

(3) Vương Toàn Thuyên (Chủ biên), 1997. Giáo trình Kinh tế vận tải biển - Đại học Hàng hải

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Cục Môi trường, 2000. Giới thiệu về công cụ kinh tế và khả năng áp dụng trong quản lý môi trường ở Việt Nam.

(2) Nguyễn Thế Chinh, 1999. Áp dụng các công cụ kinh tế để nâng cao năng lực quản lý môi trường ở Hà Nội. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ BIỂN VÀ HÀNG HẢI.	5			3	9	Đọc TL (1) Chương mở đầu
1.1 Đối tượng nghiên cứu	1,0					
1.2 Vai trò của kinh tế biển và hàng hải trong lĩnh vực sản xuất, phục vụ	1,0					
1.3 Chức năng quốc tế của kinh tế biển và hàng hải	1,0					
1.4 Đặc điểm của kinh tế biển và hàng hải	1,0					
1.5 Hiệu quả sản xuất của kinh tế biển và hàng hải	1,0					
CHƯƠNG II: KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN.	10			10	30	Đọc TL (1) Chương 2
2.1 Tài nguyên biển	2			2	6	
2.1.1 Khái niệm.	1,0					

2.1.2 Phân loại tài nguyên biển.	1,0					
2.2.3 Tài nguyên biển không có khả năng tái tạo	2			2	6	
2.2.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển không có khả năng tái tạo: Khoáng sản biển.	1,0					
2.2.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển không có khả năng tái tạo.	1,0					
2.3 Tài nguyên biển có khả năng tái tạo	2			2	6	
2.3.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển có khả năng tái tạo: Hải sản biển.	1,0					
2.3.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển có khả năng tái tạo.	1,0					
2.4 Tài nguyên du lịch và hàng hải biển	2			2	6	
2.4.1 Tài nguyên du lịch biển.	1,0					
2.4.2 Tài nguyên hàng hải biển.	1,0					
2.5 Công cụ kinh tế và cơ chế tài chính trong quản lý tài nguyên biển	2			2	6	
2.5.1 Thuế tài nguyên biển.	0,5					
2.5.2 Phí dịch vụ tài nguyên biển	0,5					
2.5.3 Cơ chế tài chính liên quan đến tài nguyên biển.	1,0					
CHƯƠNG III: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	9	3	1	13	39	Đọc TL (1) Chương 3
3.1 Môi trường biển	1			1	3	
3.1.1 Khái niệm môi trường biển.	0,5					
3.1.2 Đặc điểm môi trường biển.	0,5					
3.2 Lượng giá kinh tế môi trường biển	2			2	6	
3.2.1 Giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.2.2 Phương pháp lượng giá giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.3 Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển.	3			3	9	
3.3.1 Khái niệm về thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển.	1,5					
3.3.2 Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển	1,5					
3.4 Công cụ kinh tế trong quản lý môi trường biển.	3			3	9	

3.4.1 Thuế ô nhiễm môi trường biển	1,0					
3.4.2 Phí ô nhiễm môi trường biển.	1,0					
3.4.3 Cota đánh bắt cá trên biển.	1,0					
Bài tập		3		3	9	
Kiểm tra lần 1			1	1	3	
CHƯƠNG IV: KINH TẾ CẢNG BIỂN	5			5	15	Đọc TL (3) Chương 4
4.1 Những vấn đề chung về cảng biển	1,0					
4.2 Tài sản cố định ở cảng biển	1,0					
4.3 Tổ chức sản xuất kỹ thuật ở cảng biển	1,0					
4.4 Chi phí sản xuất phục vụ ở cảng biển	1,0					
4.5 Hiệu quả kinh tế của sản xuất ở cảng biển	1,0					
CHƯƠNG V: GIÁ THÀNH, GIÁ CƯỚC VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BIỂN	5			5	15	Đọc TL (3) Chương 3
5.1 Khái niệm, phân loại giá thành, giá cước vận chuyển	1,0					
5.2 Các loại chi phí	1,0					
5.3 Tính toán chi phí khai thác tàu	1,5					
5.4 Lợi nhuận khai thác tàu	1,5					
CHƯƠNG VI: THƯƠNG VỤ HÀNG HẢI BIỂN QUỐC TẾ	3	3	1	9	27	Đọc TL (3) Chương 5
6.1 Hợp đồng buôn bán	1,0					
6.2 Các loại chứng từ vận tải hàng hóa đường biển	1,0					
6.3 Hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa	1,0					
Bài tập		3		3	9	
Kiểm tra			1	1	3	
TỔNG	37	6	2	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Hải dương học đại cương**
Tiếng Anh: **General Oceanography**
- Mã học phần: GOC101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thủy văn đại cương, Khí tượng đại cương và Hải dương học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết

Bài tập: 06 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết

Kiểm tra: 04 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khí tượng Thủy văn biển, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên phân tích được cấu tạo vật chất, hình thái, các tính chất lý hoá cơ bản của nước biển; giải thích được các hiện tượng, các quá trình diễn ra trong đại dương dưới ảnh hưởng của những ngoại lực và sự tương tác với lục địa và khí quyển.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học để tính toán, phân tích được sự phân bố các trường yếu tố hải văn trên đại dương nói chung và trên Biển Đông nói riêng. Sinh viên biết cách phân tích tổng hợp đáng giá tổng quan về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường biển.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Tổng quan về đại dương
- Chương 2: Các nhân tố hình thành, đặc điểm và tính chất khí tượng Hải văn và Môi trường biển.
- Chương 3: Các quá trình động lực trong đại dương
- Chương 4: Tài nguyên và quản lý tài nguyên và môi trường biển

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) Phạm Văn Huấn (1991), Cơ sở hải dương học, NXB Khoa học Kỹ thuật.
- (2) Nguyễn Văn Lai (2006), Hải dương học, NXB Xây dựng.
- (3) Phùng Ngọc Dĩnh (1999), Tài nguyên Biển Đông Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- (1) Phạm Văn Huấn (2003), Tính toán trong hải dương học, NXB ĐHQG Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập thảo luận

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠI DƯƠNG	4	0	2	6	18	
1.1. Đặc điểm chung của đại dương	2			2	6	Đọc TL (2) trang 19-44; Đọc TL (6) trang 11-20; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
1.2. Tính đới của đại dương	2			2	6	
1.3 Thảo luận:			2	2	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH, ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT KHÍ TƯỢNG, HẢI VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	8	0	2	10	30	
2.1. Thành phần hóa học và tính chất vật lý của nước biển	2			2	6	Đọc TL (1) trang 10-12;
2.1.1. Thành phần hóa học của nước biển	1			1	3	
2.1.2. Tính chất vật lý cơ bản nước biển	1			1	3	
2.2. Các trường nhiệt độ, độ muối, mật độ và áp suất trong đại dương	4			4	12	Đọc TL (2) trang 80-85
2.2.1. Trường Nhiệt độ	2			2	6	
2.2.2. Độ muối và mật độ	1			1	3	
2.2.3. Áp suất	1			1	3	
2.3. Tương tác khí quyển – đại dương	2			2	6	Đọc TL (1) trang 32-44
<i>Ôn tập/kiểm tra</i>			2	2	6	Ôn tập chương 1, 2
Chương 3. CÁC QUÁ TRÌNH ĐỘNG LỰC TRONG ĐẠI DƯƠNG	12	6	2	20	60	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Những lực cơ bản gây ra chuyển động của nước trong đại dương	2			1	6	Đọc TL (3) trang 9-13
3.2. Dòng chảy và hoàn lưu	2			1	6	Đọc TL (1) trang 78-86; Đọc TL (3) trang 13-20
3.3. Thủy triều	2	2		2	12	Đọc TL (5) trang 98-104; Đọc TL (3) trang 224-228; Đọc TL (5) trang 111-123.
3.4. Sóng	2	2		2	12	Đọc TL (1) trang 46-49; Đọc TL (5) trang 123-142
Bài tập/thảo luận		2		0	6	
3.5. Mực nước tổng hợp	2			2	6	Đọc TL (5) trang 106-109
3.5.1. Mực nước điều hòa	1			1	3	
3.5.2. Mực nước phi điều hòa	1			1	3	
3.6. Nước dâng do bão	2			2	6	
Bài kiểm tra số 2			2	2	6	Ôn tập chương 3
Chương 4. TÀI NGUYÊN VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN	9	0	0	5	18	
4.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên biển	2			1	3	Đọc TL (3) trang 150-16

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Tài nguyên sinh vật và hệ sinh thái biển	2			1	3	Đọc TL (3) trang 150-16
4.3. Tài nguyên khoáng sản biển	2			1	3	
4.4. Các dạng tài nguyên khác	2			1	3	Đọc TL (3) trang 171-175
4.5. Quản lý tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	1			1	6	Đọc TL (5) trang 250-266
Cộng	33	6	6	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lâm

ThS. Nguyễn Thị Lan

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Hóa học biển**
- Tiếng Anh: **Marine Chemistry**
 - Mã học phần: MCH403
 - Số tín chỉ: 02
 - Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển.
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hải dương học đại cương.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
 - Thời gian tự học: 90 tiết
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:
- Về kiến thức: Hiểu được các kiến thức cơ bản về thành phần hoá học nước biển; giải thích được quá trình thành tạo, tồn tại, biến đổi và mối tương tác của các hợp

phần hoá học trong biển dưới ảnh hưởng của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương.

- Về kỹ năng: Phân tích, đánh giá dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển; trình bày được dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển trên đồ thị; tính toán chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm chung thành phần hóa học nước biển và nguồn gốc các hợp phần; các khái niệm cơ bản và đặc điểm tồn tại, phân bố, biến động của các yếu tố thuộc các nhóm hợp phần hoá học nước biển (các ion chính, các khí hoà tan, các yếu tố dinh dưỡng, các nguyên tố vi lượng, các chất hữu cơ) cùng các quá trình thành tạo, tương tác và biến đổi chúng dưới tác động của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đoàn Bộ, 2003. *Hoá học biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Đoàn Văn Bộ, 2001. *Các phương pháp phân tích hoá học nước biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Ngọc Lan, 2008. *Hoá học nước tự nhiên*, NXB Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Trung Tạng, 2004. *Sinh học và sinh thái học biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Bài Mở đầu: Giới thiệu học phần			1	1	3	
Chương 1: Thành phần hoá học nước biển	4	1		5	15	
1.1. Đặc điểm thành phần hoá học nước biển; Phương pháp biểu diễn nồng độ	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.1
1.2. Các nguồn tạo nên thành phần hoá học nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.2
1.3. Tương tác hóa học của biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.3
1.4. Dòng vật chất tan của sông đưa ra biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.4
Bài tập 1: Tính toán, chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.1
Chương 2: Các ion chính và độ muối nước biển	3	1		4	12	
2.1. Đặc điểm tồn tại các ion chính trong nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.2, 2.1
2.2. Độ Clo và độ muối nước biển	2			2	6	Đọc TL (1) Ch.2, 2.2
Bài tập 2: Xác định độ muối trong các mẫu nước biển Trình bày biến động độ muối theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.2, 2.2 TL (2) Ch.1
Chương 3: Các khí hoà tan trong nước biển	2	1		3	9	
3.1. Quy luật chung hoà tan các khí vào nước biển	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.1
3.2. Khí Ôxy hoà tan trong nước biển	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1)

						Ch.3, 3.2
3.3. Khí Cacbonic hoà tan trong nước biển	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.3
3.4. Khí Nitơ 3.5. Sunfuhydro và các khí khác hoà tan	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.4, 3,5
Bài tập 3 Xác định hàm lượng ôxy, cacbonic hòa tan trong nước biển. Trình bày biến động hàm lượng ôxy, cacbonic hòa tan theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.3, 3.2-3.3 TL (2) Ch.2, 2.1
Kiểm tra			1	1	3	
Chương 4: Hệ cacbonat của biển	4	1		5	15	
4.1. pH nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.4, 4.1
4.2. Độ kiềm nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.4, 4.2
4.3. Hệ Cacbonat của biển	2			2	6	Đọc TL (1) Ch.4, 4.3
Bài tập 4: Xác định độ pH, độ kiềm trong nước biển. Trình bày biến động độ pH, độ kiềm theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.4, 4.1-4.2 TL (2) Ch.3
Chương 5: Các hợp chất dinh dưỡng vô cơ và các các nguyên tố vi lượng trong biển	4	1		5	15	
5.1. Các hợp chất dinh dưỡng phốt pho vô cơ trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.1
5.2 Các hợp chất dinh dưỡng Nitơ vô cơ trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.2
5.3. Các hợp chất dinh dưỡng Silic vô cơ	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.3
5.4. Các nguyên tố vi lượng trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.4
Bài tập 5: Xác định hàm lượng ammonia/nitrite/nitrate/phốtpho hòa tan trong nước biển. Trình bày biến động hàm lượng ammonia/nitrite/nitrate/phốtpho hòa tan theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.1-5.2 TL (2) Ch.4
Chương 6: Các chất hữu cơ trong biển	4			4	12	
6.1. Đặc trưng cơ bản của chất hữu cơ	1			1	3	Đọc TL (1)

trong biên						Ch.6, 6.1
6.2. Tổng hợp và phân giải chất hữu cơ trong biên	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.6, 6.2
6.3. Chu trình vật chất-chất hữu cơ trong biên	2			2	6	Đọc TL (1) Ch.6, 6.3
Kiểm tra			1	1	3	
Ôn tập toàn bộ học phần			1	1	3	
Cộng	21	5	4	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Hồng Lân

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Bùi Đắc Thuyết

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Cơ sở tài nguyên và môi trường biển**
- Tiếng Anh: **Introduction to Marine Natural Resources and Environment**
 - Mã học phần: MNR 403
 - Số tín chỉ: 03
 - Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển.
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hải dương học đại cương.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập, thảo luận: 10 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
 - Thời gian tự học: 135 tiết
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần:

Về kiến thức: Sinh viên có khả năng: Phân tích được đặc điểm của nước biển và thạch quyển dưới đáy các đại dương; Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm đến môi trường biển. Đồng thời, phân tích và so sánh được tầm quan trọng của các nguồn tài nguyên biển như sinh vật biển, năng lượng, khoáng sản và du

lich biển... Từ đó, đưa ra được các biện pháp khắc phục, bảo tồn tài nguyên và môi trường biển.

Về kĩ năng: Đánh giá được ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm biển đến nguồn tài nguyên biển.

Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quang chúng ta.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Tài nguyên và môi trường biển bao gồm các nội cơ bản sau:

- Môi trường biển;
- Sinh vật và du lịch biển
- Khoáng sản và năng lượng biển

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Chu Hồi (2005), *Cơ sở Tài nguyên và Môi trường Biển*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2. Phùng Ngọc Dĩnh (1999), *Tài nguyên Biển Đông Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục.

3. Lưu Đức Hải (2001), *Cơ sở khoa học Môi trường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2 Tài liệu tham khảo

1. Vũ Trung Tạng (2004), *Sinh học và sinh thái học biển*, NXB ĐH Quốc gia.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9.Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
Cách viết, trình bày bài tham luận, báo cáo	3			3	9	
Chương 1: Các vấn đề chung	6	0	0	6	18	
1.1. Một số khái niệm cơ bản	1			1	3	Đọc TL (1) Trang 14-19
1.2. Tiếp cận hệ thống trong quản lý tài nguyên biển	2			2	6	Đọc TL (1) trang 19-23
1.2.1 Quan niệm về hệ thống	1					
1.2.2 Các hệ thống tự nhiên và tài nguyên biển	0.5					
1.2.3 Đại dương thế giới – một hệ tự nhiên cấp hành tinh	0.5					
1.3. Trái Đất trong hệ Mặt Trời	2			2	6	Đọc TL (1) trang 19-31
1.3.1. Các hành tinh trong hệ Mặt Trời	0.5					
1.3.2. Cấu tạo Trái Đất	0.5					
1.3.3. Thủy quyển của Trái Đất	0.5					
1.3.4. Đại dương của Trái Đất	0.5					
1.4. Quan niệm và phân loại tài nguyên biển	1			1	3	Đọc TL (1) trang 31-34
1.4.1. Quan niệm về tài nguyên biển	0.5					
1.4.2. Phân loại tài nguyên biển	0.5					

Chương 2: Môi trường biển	6	2	0	8	24	
2.1. Thạch quyển của đại dương	3			3	9	Đọc TL (1) trang 34- 58
2.1.1. Vỏ Trái Đất dưới đại dương	0.5					
2.1.2. Hình thái & địa hình đáy đại dương thế giới	0.5					
2.1.3. Các dạng địa hình lớn dưới đáy đại dương	1					
2.1.4. Trầm tích đáy biển và đại dương	1					
2.2. Nước biển	3			3	9	Đọc TL (1) trang 58- 75
2.2.1. Đặc điểm chung của nước biển	0.5					
2.2.2. Thành phần hoá học của nước biển	0.5					
2.2.3. Các cân bằng trong nước biển	0.5					
2.2.4. Thời gian lưu tồn	0.5					
2.2.5. Một số yếu tố môi sinh trong nước biển	1					
Thảo luận		2		2	6	
Chương 3: Tài nguyên sinh vật biển	3	0	0	3	9	
3.1. Đặc trưng sinh thái biển	1			1	3	Đọc TL (1) trang 95- 75
3.2. Đa dạng sinh học biển	1			1	3	Đọc TL (1) trang 95- 106
3.2.1. Tính đa dạng trong đại dương	0,5				1,5	
3.2.2. Mô tả một số hệ sinh thái điển hình	0,5				1,5	
3.3. Nguồn lợi hải sản	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 107-110
3.4. Nuôi trồng thủy sản biển	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 110-113
Chương 4: Tài nguyên khoáng sản biển	4	2	1	7	21	
4.1. Dầu khí	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 114-122
4.2. Sa khoáng biển	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 123-128
4.3. Kết hạch sắt-mangan	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 128-135
4.4. Vật liệu xây dựng	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 136-138

4.5. Phôtphorit	0,5			0,5	1,5	Độc TL(1) Trang138-141
4.6. Bùn khoáng	0,5			0,5	1,5	Độc TL (1) trang 141-145
4.7. Nước biển-hoá phẩm tổng hợp	0,5			0,5	1,5	Độc TL (1) trang 145- 148
4.8. Các khoáng sản khác	0,5			0,5	1,5	
Thảo luận		2		2	6	
Kiểm tra lần 1			1	1	3	
Chương 5: Năng lượng biển	5	1		6	18	
5.1. Năng lượng sóng	2			2	6	Độc TL (1) trang 149-154
5.1.1 Sóng điện cũng có thể phát điện	1					
5.1.2 Phương cách tạo ra dòng điện từ sóng	1					
5.2. Năng lượng thủy triều	1			1	3	Độc TL (1) trang 154-166
5.2.1 Tiềm năng điện năng từ thủy triều	0,5					
5.2.2 Phương cách chuyển năng lượng từ thủy triều thành điện năng	0,5					
5.3. Năng lượng dòng chảy	1			1	3	Độc TL (1) trang 167-168
5.3.1 Phát điện từ dòng chảy	0,5					
5.3.2 Phương cách sử dụng nguồn năng lượng từ dòng chảy	0,5					
5.4. Các dạng năng lượng khác	1			1	3	Độc TL (1) trang 168-176
5.4.1 Điện phát ra từ chênh lệch độ mặn	0,25					
5.4.2 Biến sự chênh lệch nhiệt độ nước biển thành điện năng	0.25					
5.4.3 Nước biển có thể “đốt” được không	0.5					
Thảo luận		1		1	3	
Chương 6: Các dạng tài nguyên biển khác	6	5	1	12	36	
6.1. Tiềm năng phát triển du lịch biển	2			2	6	
6.1.1 Các giá trị du lịch biển chủ yếu	0.5					
6.1.2 Du lịch biển và du lịch ngầm dưới biển	0.5					
6.1.3 Tiềm năng du lịch biển Việt Nam	1					
6.2. Tiềm năng phát triển hàng hải	2			1	6	

6.2.1 Đại dương thế giới – tuyến giao thông đường biển	0.5					
6.2.2 Lợi nhuận	0,5					
6.2.3 Hàng hải Việt Nam	1					
6.3. Vị thế-một dạng tiềm năng p.triển	2			2	6	
6.3.1. Quan niệm về vị thế	0.5					
6.3.2. Không gian biển và bờ	0.5					
6.3.3. Phân tích vị thế	1					
Thảo luận		3		3	9	
Thảo luận		2		2	6	
Kiểm tra lần 2			1	1	3	
TỔNG	33	10	2	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hồng Lân

PGS. TS. Lê Xuân Tuấn

HANOI UNIVERSITY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT

FACULTY OF MARINE SCIENCE

MODULE SYLLABUS

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. General information of module

- Name of Module: Introduction to Marine Natural Resources and Environment (For the ĐH6QB Class)
- Name of Module in Vietnamese: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển
- Module code: SWM 403
- Number of credit: 3
- Course, Level: For 3rd year undergraduate (Marine Hydrometeorology Major) and 2nd year undergraduate (Marine Management Major)
- Type of module: Compulsory for Marine Hydrometeorology and Marine Management Majors
- Prerequisite modules: Introduction to Oceanography
- Alternative modules: None

- Schedule:
- Theory: 33 lessons
- Exercise: 10 lessons
- Discussion, exams 02 lessons
- Self learning 135 lessons

- Faculty/Department in charged: Department of Marine Management, Faculty of Marine Science

2. Objectives of the Module:

Knowledge: Students will be able to analyze characteristics of marine water and lithosphere on the seabed; to analyze and compare impacts of pollution sources on marine environment; and to analyze and compare the importance of marine resources including marine creatures, energy, mineral and marine tourism, etc. to provide solutions to conserve and restore marine environment and resources.

Skills: Students will be able to assess impacts of pollution sources on marine resources.

Behavior: Students should be hard-working, disciplinary, proactive in study and be aware of protecting marine environment as well as environment in general.

3. Summary of contents

The Marine Natural Resources and Environment Module comprises of the following key contents:

- General concepts and approaches for the management of marine natural resources;
- Marine biological resources and minerals;
- Other ocean energy and marine resources.

4. References

1. G. Carleton Ray, Jerry McCormick-Ray, 2014. Marine conservation: Science, policy, and management. Wiley Blackwell
2. Nguyen Chu Hoi (2005), Marine Natural Resources and Environment: The Basics, Hanoi National University Publishing House;
3. Luu Duc Hai (2001), Environment Science: The Basics, Hanoi National University Publishing House.

5. Teaching and learning methodologies

Methodologies include theory, exercises and discussion

6. Module policies and other requirements

Requirements and expectations: The students will be assessed based on their participation in the class and preparation for the class, 1-ratio and 2-ratio tests, . Discussion and group work, writing paper, following schedule and deadline, qualities of exercise and information searching.

7. Grading

The module will be graded at 10-scale. The Training Department will transform the scale to alphabetical scale and 4-scale for grading.

8. Assessment

8.1. Process assessment

This assessment makes up 40% of the total grade and comprises of:

- Grade for class attendance and participation (fully attending the class, altitude in discussion): 20%

- Grade of 2-ratio test: 20%

- The total grade will be the mean of the above two grades

8.2. Final exam and assessment

This assessment makes up 60% of the total grade

- Exam: writing

- Time: 90 minutes

- References are prohibited

9. Details of the module

Time	CONTENTS	Teaching mode					Student requirements	Total
		At class			TH, TN	TNC		
		LT	BT	KT				
Week1	Report and presentation writing	3				9		3
	Chapter 1: Introduction	6	0	0		18		6
Week2	1.1. Basic concepts	1				3	Reading reference 1, page 14-19	1
	1.2. Systematic approach in marine natural resources management	2				6	Reading reference 1, page 19-23	2
	1.2.1 Concepts of the system	1						
	1.2.2 Natural and marine natural resources systems	0.5						
	1.2.3 Global Ocean – Planet Natural System	0.5						
	1.3. The Earth in the Solar System	2				6	Reading reference 1, page 19-31	2
	1.3.1. Planets in the Solar System	0.5						
	1.3.2. Structure of the Earth	0.5						
	1.3.3. Hydrosphere of the Earth	0.5						
	1.3.4. Oceans of the Earth	0.5						
	1.4. Concepts and types of marine natural resources	1				3	Reading reference 1, page 31-34	1
	1.4.1. Concepts on marine natural resources	0.5						
1.4.2. Types of marine natural resources	0.5							

Time	CONTENTS	Teaching mode					Student requirements	Total
		At class			TH, TN	TNC		
		LT	BT	KT				
Week3	Chapter 2. Marine environment	6	2	0		24		8
	2.1. Ocean sealsphere	3				9		3
	2.1.1. Crust of the Earth under the seas	0.5					Reading reference 1, page 34- 58	
	2.1.2. Morphology and Topography of the seabed	0.5						
	2.1.3. Type of major topographies of the seabed	1						
	2.1.4. Sediment of the ocean	1						
	2.2. Sea water	3				9		3
	2.2.1. General characteristics of the sea water	0.5					Reading reference 1, page 58- 75	
	2.2.2. Chemicals of the sea water	0.5						
	2.2.3. Balances in the sea water	0.5						
	2.2.4. Persistence time	0.5						
	2.2.5. Biological characteristics in the sea water	1						
	Discussion		2			6		2
	Chapter 3. Marine Biological Resources	3	0	0		9		3
	3.1. Marine ecological characteristics	1				3	Reading reference 1, page 95- 75	1
	3.2. Marine biodiversity	1				3	Reading reference 1, page 95- 106	1
	3.2.1. Ocean diversity	0,5				1,5		
3.2.2. Description of major marine ecosystems	0,5				1,5			
3.3. Fishery resources	0,5				1,5	Reading reference 1, page 107-110	0,5	
3.4. Marine aquaculture	0,5				1,5	Reading reference 1, page 110-113	0,5	
Chapter 4. Marine mineral resources	4	2	1		21		7	
4.1. Oil and gas	0,5				1,5	Reading reference 1, page 114-122	0,5	

Time	CONTENTS	Teaching mode					Student requirements	Total
		At class			TH, TN	TNC		
		LT	BT	KT				
Week4	4.2. Marine placer	0,5				1,5	Reading reference 1, page 123-128	0,5
	4.3. Iron - Manganese nodular	0,5				1,5	Reading reference 1, page 128-135	0,5
	4.4. Construction materials	0,5				1,5	Reading reference 1, page 136-138	0,5
	4.5. Phosphorus	0,5				1,5	Reading reference 1, page g138-141	0,5
	4.6. Mineral mud	0,5				1,5	Reading reference 1, page 141-145	0,5
	4.7. Seas water – Cosmetics	0,5				1,5	Reading reference 1, page trang 145-148	0,5
	4.8. Other minerals	0,5				1,5		0,5
	Discussion		2			6		2
1 st Exam			1		3		1	
Week5	Chapter 5. Ocean energy	5	1			18		6
	5.1. Wave energy	2				6	Reading reference 1, page 149-154	2
	5.1.1 Wave can generate electricity	1						
	5.1.2 Method to generate electricity from wave	1						
	5.2. Tidal energy	1				3	Reading reference 1, page 154-166	1
	5.2.1 Electricity from Tidal	0,5						
	5.2.2 Method to generate electricity from tidal	0,5						
	5.3. Current energy	1				3	Reading reference 1, page 167-168	1
	5.3.1 Electricity generation from current	0,5						
	5.3.2 Method for utilization of current energy	0,5						
	5.4. Other energies	1				3	Reading reference 1, page 168-176	1
	5.4.1 Electricity from salinity gradient	0,2 5						

Time	CONTENTS	Teaching mode					Student requirements	Total
		At class			TH, TN	TNC		
		LT	BT	KT				
Week6	5.4.2 Electricity from sea water temperature gradient	0.2						
	5.4.3 Can sea water be flammable	0.5						
	Discussion		1			3	1	
	Chapter 6. Other marine resources	6	5	1		36	12	
	6.1. Marine tourism potential	2				6	2	
	6.1.1 Major marine tourism values	0.5						
	6.1.2 Marine tourism and diving	0.5						
	6.1.3 Marine tourism potential of Vietnam	1						
	6.2. Maritime development potential	2				6	1	
	6.2.1 Global ocean – marine routes	0.5						
6.2.2 Benefits	0,5							
6.2.3 Vietnam maritime	1							
Week7	6.3. Position resources - potential for development	2				6	2	
	6.3.1. Concepts of position resources	0.5						
	6.3.2. Sea and coastal spaces	0.5						
	6.3.3. Position analysis	1						
	Discussion		3			9	3	
	Discussion		2			6	2	
	2 nd exam			1		3	1	
	TOTAL	33	10	2		135	45	

Note: LT: Theory; BT: Exercise; TL, KT: Discussion and test; TH, TN: Experiment; TNC: self learning

Dean

Instructor

Dr. Nguyen Hong Lan

Assoc. Prof. Dr. Le Xuan Tuan

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Cơ sở địa chất biển**
Tiếng Anh: General Marine Geology
- Mã học phần: GMG402
- Số tín chỉ: 02 tín chỉ
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Marine Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
						<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhân tố và các quá trình địa chất địa mạo biển, đặc điểm hình thái đáy đại dương, hình thái động lực đới bờ.
- Về kỹ năng: Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học Địa chất biển vận dụng vào tính toán mô phỏng các quá trình vật lý động

biển cũng như giải thích được các nguyên nhân xói lở, bồi tụ, biến động bờ có tính nội sinh của mỗi khu vực.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, thực hành và làm bài tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: 4 chương, tập trung vào mô tả các đặc trưng địa hình đáy, cấu tạo vỏ Trái Đất ở phần đại dương. Mặt khác môn học Địa chất biển trong phạm vi chương trình này sẽ giới thiệu về sự tiến hóa của đại dương và quá trình kiến tạo ở đại dương..

4. Tài liệu học tập

4.1 Sách, giáo trình chính

1. Hoàng Văn Long, 2011. *Giáo trình địa chất biển đại cương*, NXB Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội
2. Trần Nghi, 2005. *Địa chất biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Tống Duy Thanh, 2008. *Địa chất cơ sở*. NXB Đại học quốc gia.

4.2 Tài liệu tham khảo

4. Lê Xuân Hồng, Lê Kim Thoa, 2007. *Địa mạo bờ biển Việt Nam*. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Nhập môn ĐC Biển	6			6	18	
1.1. Mục tiêu nhiệm vụ môn học địa chất, địa mạo biển	2			2	6	Đọc TL (4) trang 2-6
1.2. Các phương pháp nghiên cứu	2			2	6	Đọc TL (4) trang 6-8
1.3. Các quá trình địa mạo, địa chất biển cơ bản	2			2	6	Đọc TL (4) trang 8-10
Chương 2. Đặc điểm phân bố địa hình đáy và cấu tạo vỏ Trái Đất	8	3	3	14	42	
2.1 Đặc điểm phân bố địa hình đáy biển và đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 12-16
2.2 Đường cong độ cao sâu bề mặt Trái Đất	1			1	3	
2.3 Rìa lục địa, vùng chuyển tiếp	1			1	3	Đọc TL (4) trang 16-24
2.4 Lòng chảo đại dương	1			1	3	
2.5 Các sông núi giữa đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 28-32
2.6 Địa hình đáy các biển	1			1	3	
2.7 Cấu tạo vỏ Trái Đất đáy đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 36-43
2.8 Cấu tạo bên trong vỏ Trái Đất	1			1	6	
Bài tập lớn		3		3	9	Đọc TL (4) trang 45-55
Kiểm tra chương 1,2			3	3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. Kiến tạo, nguồn gốc và sự tiến hóa của đại dương	5	3	2	10	30	
3.1 Chuyển động của các mảng quyền đá	1			1	3	Đọc TL (4) trang 60-65
3.2 Sự di chuyển của các lục địa	1			1	3	
3.3 Nguồn gốc và sự tiến hóa của các đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 66-70
3.4 Thuyết kiến tạo mảng và nguồn gốc của đại dương	1			1	3	
3.5 Sự tiến hóa của đại dương và cơ chế hình thành đại dương	1			1	3	
Bài tập lớn		3		3	9	Đọc TL (4) trang 71-75
Kiểm tra chương 3			2	2	6	
Tổng	19	6	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Hồng Lân

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Khí tượng thủy văn biển đại cương**

Tiếng Anh: **General Marine Hydrometeorology**

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 2

- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Quản lý biển

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		
		<input checked="" type="checkbox"/>					

- Các học phần tiên quyết/học trước: Vật lý đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

Bài tập: 2 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

- Thời gian tự học: 106 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải,
Khoa Khoa học biển và hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức:** Sinh viên phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Sự hình thành và tính toán

dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều

- **Kỹ năng:** Sinh viên áp dụng những công thức đã học để làm các bài tập có ý nghĩa thực tiễn; Quan sát, nhận biết và phân biệt một số hiện tượng khí tượng thủy văn.

- **Thái độ, chuyên cần:** Sinh viên cảm nhận được nhiều điều thú vị trong tự nhiên cần được khám phá; Giải thích được một số hiện tượng xảy ra trong khí quyển cũng như trong tự nhiên, từ đó sinh viên có thái độ yêu thích môn học cũng như ngành học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm các yếu tố khí tượng cơ bản, các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...;

- Các đại lượng đặc trưng, các định luật bức xạ cơ bản của bức xạ cũng như chế độ nhiệt của mặt đất, nước và khí quyển, cho ta thấy được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí

- Quá trình hình thành dòng chảy trên lưu vực sông

- Chế độ thủy văn trong sông

- Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Vũ Thanh Hằng, ThS. Chu Thị Thu Hường (2013), *Giáo trình Khí tượng đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Hoàng Ngọc Quang, Trần Thị Dung (2005), *Giáo trình Nguyên lý thủy văn*, NXB Bản đồ
3. Lê Văn Nghinh (2000), *Nguyên lý thủy văn*, NXB Nông nghiệp.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1.. TS. Nguyễn Viết Lành (2004), *Giáo trình Khí tượng cơ sở*, Nhà xuất bản Bản đồ.

2. Nguyễn Hường Điền (2004), *Vật lý khí quyển*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

3. Phạm Ngọc Hồ - Hoàng Xuân Cơ (1993), *Khí tượng cơ sở*, NXB Khoa học kỹ thuật

4. Frederick K.Lutgens, Edward J.Tarback (1988), *The Atmosphere*, International Edittion.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Học phần được giảng dạy theo phương pháp tiên tiến, lấy người học làm trung tâm, sử dụng thiết bị như máy chiếu, bảng, phấn... và các dụng cụ mô hình trực quan như video, ảnh...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên đến lớp đầy đủ, tích cực tham gia phát biểu trên lớp; chuẩn bị bài trước khi đến lớp,

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KHÍ QUYỂN	5		1	6	12	Đọc TL (1) trang 1 – 32
Bài mở đầu	0,5			0,5	1,0	
1.1. Các yếu tố khí tượng cơ bản	0,5		0,5	1,0	2,0	
1.2. Thành phần của không khí	0,5			0,5	1,0	
1.3. Sự phân tầng theo phương thẳng đứng của khí quyển	0,5		0,5	1,0	2,0	
1.4. Sự bất đồng nhất theo phương ngang trong tầng đối lưu	0,5			0,5	1,0	
1.5. Phương trình trạng thái của không khí	1			1	1,0	

1.6. Tĩnh học khí quyển	1,5			1,5	3,0	
CHƯƠNG 2: BỨC XẠ VÀ CHẾ ĐỘ NHIỆT CỦA MẶT ĐẤT, MẶT NƯỚC VÀ KHÔNG KHÍ	4		3	7	14	
2.1. Các dòng bức xạ trong khí quyển	0,5			0,5	1,0	Đọc TL (1), trang 33-49
2.2. Các định luật bức xạ cơ bản	1,0			1,0	2,0	
2.3. Cán cân bức xạ	1,0		0,5	1,5	3,0	Đọc TL (1), trang 52-63
2.4. Nhiệt độ đất	0,5		0,5	1,0	2,0	
2.5. Nhiệt độ nước	0,5		0,5	1,0	2,0	
2.6. Nhiệt độ không khí	0,5		0,5	1,0	2,0	
Kiểm tra chương 1 và 2			1,0	1,0	1,0	Ôn tập TL (1), trang 10-63
CHƯƠNG 3: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DÒNG CHẢY	6	2	1	9	18	
3.1. Các đặc trưng dòng chảy thường dùng trong thủy văn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 31, 47÷52; [3]: 23
3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến dòng chảy	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 22÷23; [3]: 23, 100÷104
3.3. Quá trình mưa và các phương pháp tính lượng mưa bình quân lưu vực	1,0			1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 41÷53;
3.4. Sự hình thành dòng chảy trên sườn dốc	1,0			1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 67÷69; [3]: 45
3.5. Sự hình thành dòng chảy trong sông	1,0	0,5	1,0	1,5	3,0	
3.6. Chuyển động của nước trong sông	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 31, [3]: tr 47÷54
CHƯƠNG 4: CHẾ ĐỘ THỦY VĂN TRONG SÔNG	5		3	8	16	
4.1. Chế độ mực nước trong sông	0,5		0,5	1,0	2,0	Đọc trước tài liệu:

						[2]: tr 31, 47÷52; [3]: 23
4.2. Chế độ dòng chảy trong sông	0,5			0,5	1,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 22÷23; [3]: 23, 100÷104
4.3. Chế độ phù sa trong sông	2,0		1,5	3,5	7,0	
4.4 Quá trình diễn biến lòng sông	1,0		1,0	2,0	4,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 41÷53;
Kiểm tra chương 3, 4, 5			1,0	1,0	2,0	
Tổng cộng	20	2	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

ThS. Lê Văn Thiện

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Năng lượng tái tạo biển**
- Tiếng Anh: **Marine renewable energy**
 - Mã học phần: **MEN203**
 - Số tín chỉ: 02
 - Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển.
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết: Hải dương học đại cương.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
- Bài tập: 4 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
 - Thời gian tự học: 90 giờ
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:
- Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản của các dạng năng lượng mới bao gồm: cơ sở hình thành, khai thác và sử dụng hiệu quả các dạng năng lượng mới
 - Kỹ năng: Kỹ năng học nhóm, seminar.
 - Thái độ, chuyên cần: Đi học đầy đủ và đúng giờ, tích cực học tập ở lớp và ở nhà.
 - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng

tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học năng lượng tái tạo giới thiệu cho sinh viên chuyên ngành quản lý biển các dạng năng lượng tái tạo có nguồn gốc liên quan đến đại dương, biển mà có thể được sử dụng để chuyển đổi thành năng lượng dùng trong đời sống. Các dạng năng lượng tái tạo này có thể bao gồm: Năng lượng mặt trời, Năng lượng gió, Năng lượng địa nhiệt, Năng lượng thủy triều, Năng lượng sóng biển. Kiến thức về cơ sở hình thành, khai thác và sử dụng hiệu quả các dạng năng lượng này sẽ được cung cấp cho sinh viên.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

4. Bài giảng, “ Năng lượng tái tạo”, Đại học TNMTHN 2018.
5. Introduction to renewable energy, Vaughn Nelson, CRC Press, 2010.
6. Fundamentals of renewable energy processes, Academic Press, 2005.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

2. Renewable energy, Bent Sorensen, Academic Press, 1997.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Chương 1 – Giới thiệu chung	4	0	0	4	12	[1], [2]
1.1. Giới thiệu	0.5			0.5	1.5	
1.2. Khái niệm về năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.3. Nguồn gốc của năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.4. Phân loại các nguồn năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.5. Nguyên tắc cơ bản của việc sử dụng năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.6. Vai trò của năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.7. Tình hình triển khai, khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo ở Việt Nam	0.5			0.5	1.5	
1.8. Kết luận	0.5			0.5	1.5	
Chương 2 – Năng lượng gió	4	1	1	6	18	[1], [3]
2.1. Giới thiệu về năng lượng gió	0.5			0.5	1.5	
2.1.1. Sự hình thành năng lượng gió						
2.1.2. Sự lưu thông gió trên trái đất						
2.2. Các đại lượng liên quan đến năng lượng gió	0.5			0.5	1.5	
2.3. Tuabin gió	0.5			0.5	1.5	
2.3.1. Phân loại tuabin gió						
2.3.2. Cấu tạo cơ bản của tuabin gió						
2.3.3. Nguyên lý điều chỉnh tốc độ của tuabin gió						
2.4. Máy phát điện tuabin gió	0.5			0.5	1.5	
2.5. Hòa đồng bộ máy phát điện tuabin gió vào lưới điện	0.5			0.5	1.5	
2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác năng lượng gió	0.5	1		1.5	4.5	
2.7. Tình hình khai thác năng lượng gió tại Việt Nam	0.5			0.5	1.5	

2.8. Kết luận	0.5		1	1.5	4.5	
Chương 3 – Năng lượng địa nhiệt	4	1	1	6	18	[1], [3]
3.1. Giới thiệu năng lượng địa nhiệt	1			1	3	
3.2. Các ảnh hưởng của việc khai thác năng lượng địa nhiệt	0.5			0.5	1.5	
3.3. Phân loại nhà máy điện năng lượng địa nhiệt	0.5	1		1.5	4.5	
3.4. Cấu tạo cơ bản của nhà máy điện năng lượng địa nhiệt	0.5			0.5	1.5	
3.5. Tình hình khai thác năng lượng địa nhiệt tại Việt Nam	1			1	3	
3.6. Kết luận	0.5		1	1.5	1.5	
Chương 4 – Năng lượng thủy triều	4	1	1	6	18	[1], [3]
4.1. Giới thiệu	0.5			0.5	1.5	
4.2. Khái niệm năng lượng thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.3. Phân loại năng lượng thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.5. Các hình thức khai thác năng lượng điện từ thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.6. Cấu tạo cơ bản của một hệ thống điện thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.7. Tiềm năng năng lượng thủy triều tại Việt Nam	0.5	1		1.5	4.5	
4.8. Kết luận	0.5		1	1.5	4.5	
Chương 5 – Năng lượng sóng biển	4	1	1	6	18	[1], [3]
5.1. Giới thiệu	0.5			0.5	1.5	
5.2. Khái niệm năng lượng sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.3. Phân loại năng lượng sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.5. Các hình thức khai thác năng lượng điện từ sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.6. Cấu tạo cơ bản của một hệ thống điện sóng biển	0.5			0.5	1.5	

5.7. Tiềm năng năng lượng sóng biển tại Việt Nam	0.5	1		1.5	4.5	
5.8. Kết luận	0.5		1	1.5	4.5	
Ôn tập	2			2	6	
Cộng	22	4	4	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

ThS. Lê Văn Thiện

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu**
Tiếng Anh: **Climate in Vietnam and climate change**
- Mã học phần: CCV404
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Khí tượng Thủy văn Biển và Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
						<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khí hậu Việt Nam
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 27.0 tiết
 - Bài tập: 12.0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 4.0 tiết
 - Kiểm tra: 2.0 tiết
- Thời gian tự học: 90.0 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên phân tích và so sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời gian; Hiểu rõ nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng; Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên so sánh được sự giống và khác nhau giữa đặc điểm khí hậu của từng vùng trên lãnh hải Việt Nam; Áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; những nét chính về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tác động và giải pháp ứng phó.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Sinh viên nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các nhân tố hình thành khí hậu Việt Nam: Phần này giới thiệu các nhân tố cơ bản hình thành khí hậu Việt Nam bao gồm bức xạ, hoàn lưu, địa hình và mặt đệm chi phối đến sự hình thành khí hậu của từng khu vực Việt Nam;

- Quy luật phân bố một số yếu tố khí hậu trên lãnh hải Việt Nam: Giới thiệu về phân bố một số yếu tố đặc trưng khí áp, gió, nhiệt độ mặt nước biển, độ ẩm tương đối, mưa;

- Biến đổi khí hậu, tác động và các giải pháp ứng phó: Trình bày khái niệm về biến đổi khí hậu, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Đồng thời giải thích nguyên nhân của biến đổi khí hậu, các tác động và các giải pháp ứng phó trên thế giới và Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Toàn và Phan Tất Đắc (1993), *Khí hậu Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật.

2. Nguyễn Đức Ngữ và Nguyễn Trọng Hiệu (2004), *Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

3. Nguyễn Đức Ngữ (2008), *Biến đổi khí hậu*, Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Văn Cự (2011), *Những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu*, Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Nguyễn Văn Thắng và cộng sự (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

3. Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam (2009, 2012, 2016), Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Trần Thục và cộng sự (2013), *Các hành động giảm nhẹ KNK phù hợp với điều kiện Quốc gia (NAMA)*, Nhà xuất bản Bản đồ.

5. Huỳnh Thị Lan Hương (2012), *Tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*, Nhà xuất bản Bản đồ.

6. *Tài liệu hướng dẫn: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và xác định các giải pháp thích ứng* (2011), Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết trình: Áp dụng với phần lí thuyết

- Phương pháp hoạt động nhóm: Áp dụng với phần bài tập lớn

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đồ án môn học theo đúng yêu cầu, nội dung và thời hạn quy định;

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi báo cáo, thực hành và thực tập tại lớp;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Các nhân tố hình thành khí hậu Việt Nam	9,0	5,0	1,0	15,0	15,0	Đọc TL (01, 02)
1.1 Bức xạ	2,0	2,0		4,0	5,0	
1.2 Hoàn lưu	6,0	3,0		9,0	5,0	
1.2.1 Hoàn lưu chung khí quyển	1,0	1,0		2,0		
1.2.2 Hoàn lưu gió mùa	2,0	1,0		3,0		
1.2.3 Hoàn lưu gió đất - biển	1,0		1,0	2,0		
1.2.4 Hoàn lưu đại dương	2,0	1,0		3,0		
1.3 Địa hình và mặt đệm	1,0			1,0	5,0	
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			<i>1,0</i>	<i>1,0</i>		
Chương 2: Quy luật phân bố một số yếu tố khí hậu trên lãnh hải Việt Nam	6,0	4,0	4,0	14,0	15,0	Đọc TL (01, 02)
2.1 Phân bố khí áp và gió	2,0	1,0	1,0	4,0	4,0	
2.2 Phân bố nhiệt độ mặt nước biển	2,0	1,0	1,0	4,0	5,0	
2.3 Phân bố độ ẩm tương đối	1,0	1,0	1,0	3,0	3,0	
2.4 Phân bố mưa	1,0	1,0	1,0	3,0	3,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. Biến đổi khí hậu, tác động và các giải pháp ứng phó	12,0	3,0	1,0	16,0	30,0	Đọc TL (03, 04, 05, 06, 07, 08, 09)
3.1 Khí hậu trong thời kỳ địa chất 3.1.1 Phương pháp xác định 3.1.2 Biểu hiện	3,0			3,0	5,0	
3.2 Khí hậu trong thời hiện đại 3.2.1 Phương pháp xác định 3.2.2 Biểu hiện	3,0			3,0	5,0	
3.3 Kích bản biến đổi khí hậu	3,0			3,0	5,0	
3.4 Tác động biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái biển	3,0	3,0	1,0	5,0	10,0	
3.5 Ứng phó biến đổi khí hậu	3,0			3,0	5,0	
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			<i>1,0</i>	<i>1,0</i>		
Cộng	27,0	12,0	6,0	45,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Việt Thành

TS. Thái Thị Thanh Minh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý**
- Tiếng Anh: **Remote sensing and Geography Information Systeme**
- Mã học phần: GIS403
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý Biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Vật lý, Cơ sở trắc địa và bản đồ biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 Bài tập: 13 tiết
 Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 Kiểm tra: 03 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ - Viễn thám - GIS, Khoa Trắc địa - Bản đồ.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

❖ **Về kiến thức**

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám;
- Trình bày được các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám;
- Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám;
- Trình bày được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám;
- Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ và các thành phần cơ bản của GIS;
- Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS;

- Xây dựng được cơ sở dữ liệu trong GIS.

❖ **Về kĩ năng**

- Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;

- Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ thể;

- Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể.

❖ **Về đạo đức nghề nghiệp:**

- Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực;

- Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám;

- Giới thiệu về ảnh vệ tinh quang học, các phương pháp xử lý ảnh vệ tinh quang học; thuật toán phân loại ảnh vệ tinh quang học;

- Giới thiệu khái quát về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS. Trình bày những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Khắc Thời (2012), *Giáo trình viễn thám*, nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp, Hà Nội

[2] Dương Đăng Khôi (2012), *Hệ thống thông tin địa lý*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

[3]. Phạm Trọng Mạnh & Phạm Vọng Thành, 1999, *Cơ sở hệ thống thông tin địa lý*, NXB Xây Dựng.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nguyễn Ngọc Thạch, Dương Văn Khảm (2012), *Địa thông tin ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2] ArcGIS Desktop Địa chỉ www.esri.com

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp thực nghiệm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững lí thuyết sau đó làm bài tập ở nhà và chữa trên lớp

-Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Phần I: VIỄN THÁM						
Chương 1: Các khái niệm cơ bản về kỹ thuật viễn thám	7	1		8		
1.1. Khái niệm và nguyên lý cơ bản của viễn thám	2					TL [1], Chương 1
1.1.1. Khái niệm về viễn thám	0.5					
1.1.2. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển	0.5					
1.1.3. Phân loại viễn thám	0.5					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.4. Nguyên lý cơ bản của viễn thám	0.5					
1.2. Bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám	2					TL[1], Chương 7
1.2.1. Khái niệm, phân loại bộ cảm biến	0.5					
1.2.2. Vật mang và quỹ đạo bay	0.5					
1.2.3. Các vệ tinh giám sát tài nguyên	1					
1.3. Cơ sở vật lý của viễn thám	3					TL [1], Chương 2
1.3.1. Tính chất của bức xạ điện từ	1					
1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên	1					
1.3.3. Phổ phản xạ của một số đối tượng tự nhiên chính	1					
Bài tập chương 1		1				
Chương 2: Ảnh vệ tinh quang học và xử lý ảnh vệ tinh quang học	6	1		7		
2.1. Khái niệm về ảnh vệ tinh quang học	1					TL[1], Chương 3, tr39
2.2. Độ phân giải của ảnh vệ tinh	1					TL [1], Chương 3, tr 53
2.2.1. Độ phân giải không gian						
2.2.2. Độ phân giải phổ						
2.2.3. Độ phân giải bức xạ						
2.2.4. Độ phân giải thời gian						
2.3. Phân tích ảnh	4					TL [1], Chương 8
2.3.1. Phân tích ảnh bằng mắt	1					
2.3.2. Phân tích ảnh số	3					
2.3.2.1. Hiệu chỉnh ảnh	0.5					
2.3.2.2. Tăng cường chất lượng ảnh	0.5					
2.3.2.3. Chuyển đổi ảnh	0.5					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2.4. Phân loại ảnh	1.5					
Bài tập chương 1		1				
Chương 3 Viễn thám trong nghiên cứu biển	4	4		8		
3.1 Viễn thám trong nghiên cứu nhiệt độ bề mặt mực nước biển	1	1				TL [1], Chương 10
3.2 Viễn thám trong nghiên cứu chất lượng nước biển	1	1				
3.3 Viễn thám trong nghiên cứu biến động đường bờ	1	1				
3.4 Viễn thám trong nghiên cứu sử dụng đất và lớp phủ bề mặt	1	1				
Kiểm tra chương 1,2,3			1.5	1.5		
Phần II: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS)						
Chương 4: Khái niệm cơ bản về GIS	6	1		7		
4.1. Khái niệm và chức năng của GIS	2					TL[3], Chương 1, tr1
4.1.1. Khái niệm GIS	0.5					
4.1.2. Chức năng GIS	0.5					
4.1.3. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển	0.5					
4.1.4. Một số ứng dụng cơ bản của GIS	0.5					
4.2. Các thành phần cơ bản của GIS	1					TL[3], Chương 1, tr8-
4.2.1. Phần cứng						
4.2.2. Phần mềm						
4.2.3. Cơ sở dữ liệu						
4.2.4. Chuyên gia						
4.2.5. Phương pháp						
4.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu của GIS	3					TL[3], Chương 3
4.3.1. Khái quát chung	0.5					
4.3.2. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu không gian	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu thuộc tính	0.5					
4.3.4 Mô hình DEM	1					
Bài tập chương 4		1				
Chương 5: Nhập và phân tích dữ liệu trong GIS	4	2		6		
5.1. Nhập dữ liệu và biên tập dữ liệu	1					TL[3], Chương 4
5.1.1. Nhập dữ liệu						
5.1.2. Kết nối dữ liệu không gian và thuộc tính						
5.1.3. Hiển thị và xuất dữ liệu						
5.2. Phân tích dữ liệu trong GIS	3					TL[3], Chương 6
5.2.1. Tổng quan về phân tích dữ liệu GIS	1					
5.2.2. Các phép phân tích dữ liệu cơ bản	2					
Bài tập chương 5		2				
Chương 6. GIS trong nghiên cứu biển	3	3		6		TL[3], Chương 7
6.1 Xây dựng cơ sở dữ liệu cho bản đồ biển	1	1				
6.2 Thành lập bản đồ trường nhiệt bề mặt nước biển	1	1				
6.3 Thành lập bản đồ biên động đường bờ	1	1				
Kiểm tra chương 4,5,6			1.5	1.5		
Cộng	29	13	3	45		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Bùi Thị Hồng Thắm

Nguyễn Tiến Thành

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Cơ sở kỹ thuật bờ biển**
- Tiếng Anh: **General Coastal Engineering**
- Mã học phần: GCE 403
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển, Khí tượng- Thủy văn Biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không có
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 04 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khí tượng Thủy văn biển, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vùng bờ biển Việt Nam, như: quá trình thành tạo, phát triển của đường bờ biển, các yếu tố khí

tượng, thủy và hải văn. Các vấn đề về hình thái, địa mạo, ô nhiễm vùng bờ, dòng chảy và tác động của các nhân tố này đến môi trường và các giải pháp nhằm quản lý bền vững vùng bờ biển. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ biển. Các giải pháp bảo vệ vùng bờ biển.

- *Về kỹ năng:* Qua những kiến thức học được của môn này sinh viên biết phân tích và vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Khái niệm chung
- Chương 2: Quá trình hình thành bờ biển
- Chương 3: Các quá trình động lực bờ biển
- Chương 4: Cửa sông và vịnh triều
- Chương 5: Hình thái bờ biển
- Chương 6: Các dạng xói lở bờ biển và các giải pháp bảo vệ

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) Vũ Minh Cát (2013), *Cơ sở kỹ thuật bờ biển*, Trường Đại học Thủy Lợi.
- (2) Phạm Văn Huân (1991), *Cơ sở hải dương học*, NXB Khoa học Kỹ thuật.
- (3) Lương Phương Hậu và nnk, (2006) *Giáo trình Hải dương học*, NXB Xây dựng

4.2. Tài liệu tham khảo (TLĐT)

- (1) Phạm Văn Huân (2003), *Tính toán trong hải dương học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

<i>NỘI DUNG</i>	<i>Hình thức tổ chức dạy học</i>					<i>Yêu cầu đối với sinh viên</i>
	<i>Lên lớp (tiết)</i>				<i>Tự học (Giờ)</i>	
	<i>LT</i>	<i>BT</i>	<i>TL, KT</i>	<i>Tổng cộng</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CHUNG	4			4	12	
1.1 Khái quát chung về kỹ thuật bờ biển	2			2	3	Đọc TLC (1) trang 2-6
1.2 Các định nghĩa	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 6-8
1.3 Các thuật ngữ chuyên môn và ký hiệu	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 8-10
Chương 2. CÁC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BỜ BIỂN	8			8	24	
2.1 Mở đầu	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 12-16
2.2 Sự hình thành vũ trụ, trái đất, đại dương và khí quyển	3			3	9	
2.3 Phân loại đường bờ theo quan điểm địa chất kiến tạo	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 16-24
2.4 Các kiểu bờ biển	1			1	3	
2.5 Đường bờ biển Việt Nam	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 28-32
Chương 3. CÁC QUÁ TRÌNH ĐỘNG LỰC BỜ BIỂN	6	4	2	12	36	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1 Mở đầu	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 60-65
3.2 Hải lưu	1			1	6	
3.3 Dòng mật độ	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 66-70
3.4 Thủy triều	1	2		1	3	
3.5 Sóng ngắn	2	2		2	3	
Kiểm tra bài số 1			2	0	9	
Chương 4. CỬA SÔNG VÀ VỊNH TRIỀU	7	2		9	27	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.1 Sự khác nhau giữa cửa vịnh triều và cửa sông	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.2 Đặc tính cửa vịnh triều	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.3 Chuyển vận bùn cát/ bồi lắng ở cửa vịnh triều	1			1	6	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.4 Đẩy nhanh quá trình bồi tụ	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.5 Cửa sông vùng triều	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.6 Lạch triều lên và triều rút	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.7 Các cửa sông siêu mặn	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
Bài tập/thảo luận chương 4		2		2	6	
Chương 5: HÌNH THÁI HỌC BỜ BIỂN	4	2	2	8	24	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.1 Các quá trình trong vùng sóng vỡ	1			1	6	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.2 Chuyển vận của bùn cát	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 76-90

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3 Sự thay đổi của đường bờ và trạng thái cân bằng của đường bờ	1			1	9	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.4 Tính toán bùn cát ven bờ	1			1	6	Đọc TLC (1) trang 76-90
Bài tập chương 5		2		2	3	
Kiểm tra chương 3,4,5			2	2	9	
Chương 6: CÁC DẠNG XÓI LỔ BỜ BIÊN VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ	2	2	0	4	6	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.1 Các dạng xói	1			1	9	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.2 Giải pháp công trình bảo vệ bờ biển	0.5			0.5	6	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.3 Giải pháp phi công trình	0.5			0.5	3	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.4 Thảo luận/bài tập		2		0		Đọc TLC (1) trang 2-6
Cộng	31	10	4	45	135	Đọc TLC (1) trang 6-8

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

ThS. Nguyễn Thị Lan

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Cơ sở trắc địa và bản đồ biển**

Tiếng anh: **General Surveying and Marine Cartography**

- Mã học phần: GSM 402

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bachelor degree ĐH5QB, KB,

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đại số tuyến tính, giải tích 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
- Bài tập: 03 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Trắc địa Cao cấp- Công trình, Khoa Trắc địa Bản đồ

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức:

+ Sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản của cơ sở trắc địa và bản đồ biển. Nắm được các đơn vị thường dùng trong trắc địa cùng với các mặt chuẩn quy chiếu độ cao và các hệ tọa độ được dùng trong trắc địa

+ Trình bày được các nguyên lý và nội dung của công tác định vị trên biển. Như phương pháp định vị mặt bằng và độ cao, cùng với phương pháp định vị vệ tinh GNSS và các kỹ thuật xác định vị trí

+ Biết vận dụng được những kiến thức cơ bản về quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển. Như phương pháp đo sâu, phân loại đáy biển và biết viết được báo cáo kết quả.

Về kỹ năng:

+ Sinh viên phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản để thành lập bản đồ địa hình đáy biển và vận dụng các kỹ thuật trắc địa cơ bản vào công tác quản lý biển.

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để làm được các bài tập như như các bài toán trắc địa cơ bản trên mặt phẳng mà cụ thể là tính tọa độ vuông góc từ chiều dài và góc phương vị, cũng như tính chiều dài và góc phương vị tọa độ từ tọa độ vuông góc.

+ Sinh viên viết được báo cáo kết quả trong quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển để phục vụ cho chuyên ngành biển và hải đảo của mình.

Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

+ Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, thực hành và làm bài tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức khái quát về:

- Bản đồ địa hình: Bao gồm các khái niệm về bản đồ và các hệ tọa độ thường dùng trong trắc địa. Các phương pháp biểu diễn địa hình và địa vật trên bản đồ địa hình. Như phương pháp giải tích, phương pháp đồ giải và phương pháp nội suy. Cùng với các kiến thức về định hướng đường thẳng và làm được các bài tập về các bài toán trắc địa cơ bản trên mặt phẳng.

- Lưới khống chế trắc địa mặt bằng và độ cao, cùng với các nguyên lý định vị trên biển, như định vị mặt bằng và định vị độ cao, định vị bằng GNSS và kỹ thuật xác định vị trí.

- Khảo sát và đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển, xác định các đặc trưng và phân loại đáy biển cùng với việc xác định bờ biển và định vị hàng hải. Cùng với các kiến thức về đo sâu hồi âm đa tia và Side scan sonar.

- Thành lập bản đồ địa hình đáy biển, xác định bờ biển và định vị hàng hải từ các phương pháp và các kỹ thuật định vị. Quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển và viết báo cáo kết quả

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Xuân Vinh, Trần Duy Kiêu, Nguyễn Xuân Thủy, Cao Minh Thủy, 2014, *Trắc địa biển*, Giáo trình Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Hà Nội.
2. Trần Viết Tuấn, , 2011, *Trắc địa biển*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
3. Phạm Văn Chuyên, 2001, *Trắc địa*, NXB KHKT Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thế Thuận, Nguyễn Thạc Dũng, 1999, *Trắc địa và Bản đồ kỹ thuật số trong xây dựng*, NXB Giáo dục.
2. Trần Văn Quảng, 2000 *Trắc địa đại cương*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
3. Lê Ánh, 1999, *Bài tập trắc địa*, NXB KHKT.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dưới hình thức: giảng dạy lý thuyết, tham quan bằng hình ảnh và video trên lớp, làm bài tập và thảo luận.

- *Phương pháp giảng dạy:*

+ Giảng viên thông báo mục tiêu và nội dung khái quát của môn học cơ sở trắc địa và bản đồ biển cho sinh viên, hình thành nên các nội dung nghiên cứu và hướng dẫn cách tra cứu tài liệu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đó. Giảng viên đặc biệt khuyến khích các ý tưởng mới của sinh viên liên quan đến nội dung môn học;

+ Giảng viên vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy sau: Phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp dạy học dựa trên vấn đề; Phương pháp dạy học theo nhóm; Phương pháp dạy học thông qua làm đồ án môn học

- *Phương pháp học:*

+ Sinh viên chủ động, tích cực trong việc đọc các tài liệu tham khảo để hoàn thành nội dung của môn học do giảng viên đặt ra.

+ Trong quá trình đọc nên có tư duy phản biện, nên phân tích, tổng hợp, đánh giá để có thể phát hiện ra các vấn đề mới hoặc cách giải quyết mới.

+ Tham gia các buổi thảo luận nhóm trên lớp và giờ tự học đầy đủ để mở rộng kiến thức và nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, thuyết phục.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, bài kiểm tra hệ số 1.

- Trao đổi kỹ năng học tập theo nhóm, làm tiểu luận và trình bày trước lớp. Chấp hành các quy định về thời gian trên lớp, thời hạn nộp bài tập, chất lượng bài tập và tìm kiếm thông tin.

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Phối hợp khi làm việc nhóm;
- Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài tập lớn môn học;
- Hoàn thành các bài tập lớn môn học, bài kiểm tra và các thông tin tự tìm kiếm liên quan đến nội dung của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá: Thang điểm 10

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ) (6)	Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp (tiết)					
	LT (2)	BT (3)	TL, KT (4)	Tổng cộng (5)		
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ TRẮC ĐỊA	8	2	1	11	24	
<i>1.1 Khái niệm về bản đồ, Tỷ lệ bản đồ</i>	1				3	
<i>1.2 Các hệ tọa độ cầu trong trắc địa và phép chiếu bản đồ</i>	1				3	Đọc TL (1) trang 2-30. Yêu cầu hiểu rõ các hệ tọa độ và phép chiếu. Phương pháp biểu diễn địa hình địa vật
<i>1.3 Phương pháp biểu thị địa hình trên bản đồ đại hình</i>	1				3	
<i>1.4 Phương pháp biểu diễn địa vật trên bản đồ địa hình</i>	1				3	
<i>1.5 Định hướng đường thẳng</i>	2				6	
<i>1.6 Các phép tính tọa độ phẳng</i>	2				6	

Kiểm tra chương 1			1			
CHƯƠNG 2. ĐỊNH VỊ TRÊN BIỂN	9		1	10	22	Đọc TL (2) trang 2-54. Sinh viên phân biệt nguyên lý định vị và kỹ thuật định vị
<i>2.1 Nguyên lý định vị trên biển</i>	3				8	
<i>2.2 Phương pháp định vị mặt bằng</i>	3				7	
<i>2.3. Phương pháp định vị độ cao</i>	3				7	
Kiểm tra chương 2			1			
CHƯƠNG 3 . QUAN TRẮC VÀ THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH ĐÁY BIỂN	7	1	1	9	14	Đọc TL (2) trang 55-110. Sinh viên nắm vững đặc trưng và phân loại đáy biển. Thành lập bản đồ đáy biển theo dữ liệu thu thập trong khảo sát biển.
<i>3.1 Xác định đặc trưng và phân loại đáy biển</i>	3				6	
<i>3.2 Bản đồ địa hình, xác định bờ biển và định vị hàng hải</i>	2				4	
<i>3.3 Thu thập dữ liệu và quy trình xử lý dữ liệu, báo cáo kết quả</i>	2				4	
Kiểm tra chương 3			1			
Cộng	24	3	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

PHÓ TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Bùi Thị Hồng Thắm

Nguyễn Xuân Thủy

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Sinh thái và bảo tồn biển**
- Tiếng Anh: **Marine Ecology and Conservation**
- Mã học phần: MEC 204
- Số tín chỉ: 03
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập, thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản về sinh thái biển (quần thể, quần xã hệ sinh thái biển), đa dạng sinh học biển (các khái niệm, định nghĩa, những giá trị mà đa dạng sinh học biển đem lại cho môi trường và con người,..); đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển đặc trưng (rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn); về sự mất đa dạng sinh học biển, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài (do mất nơi cư trú, nơi cư trú bị ô nhiễm, khai thác quá mức, sự du nhập của các loài ngoại

lai hay sự lây lan của bệnh dịch,...); Tính cấp thiết của việc bảo tồn đa dạng sinh học biển, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, vấn đề bảo tồn và kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Việt Nam; Hệ thống các khu bảo tồn biển Việt Nam

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức được học để đánh giá và lập kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học biển, tham gia và tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học biển, đánh giá hiệu quả quản lý công tác bảo tồn biển

Về đạo đức nghề nghiệp:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

- Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.

- Sinh viên có ý thức cao hơn trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, không gây ô nhiễm trong khu vực mà mình đang sinh sống.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Bảo tồn các hệ sinh thái biển trang bị cho sinh viên các kiến thức về:

- Các khái niệm, định nghĩa về sinh thái và đa dạng sinh học: Các khái niệm cơ bản (đa dạng sinh học, đa dạng di truyền, loài và hệ sinh thái,...); Đa dạng của các khu sinh học biển điển hình; Những giá trị mà đa dạng sinh học biển đem lại (giá trị cho sản xuất, tiêu thụ, văn hóa, du lịch, giải trí,...); Mục đích, yêu cầu và phương pháp của việc nghiên cứu đa dạng sinh học biển.

- Sự suy thoái và các tổn thất về đa dạng sinh học biển hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới: Các khái niệm về sự tuyệt chủng (tuyệt chủng tự nhiên, cục bộ, toàn cầu, do con người gây ra, tuyệt chủng hàng loạt...); Các nguyên nhân gây nên sự tuyệt chủng của các loài (do mất nơi cư trú, nơi cư trú bị chia cắt và cách ly, do ô nhiễm, khai thác quá mức, bệnh dịch,...), Sự suy thoái đa dạng sinh học biển của Việt Nam hiện nay (do mất nơi sống, khai thác quá mức, ô nhiễm, chiến tranh,...).

- Các vấn đề về bảo tồn đa dạng sinh học: Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn (thông qua những giá trị mà đa dạng sinh học đem lại như giá trị về sử dụng, sinh thái, đạo đức, thẩm mỹ,...); Các công ước quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học biển (bảo tồn loài, quần xã, quần thể và hệ sinh thái); Luật pháp của Việt Nam liên quan đến vấn đề bảo tồn và kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Việt Nam; Các hình thức bảo tồn đang được áp dụng hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam (bảo tồn nguyên vị và chuyển vị), thiết kế và quản lý các khu bảo tồn biển, tuyên truyền giáo dục ý thức của người dân địa phương trong vấn đề bảo tồn biển; đánh giá hiệu quả quản lý các khu bảo tồn biển.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Trung Tạng (2004) *Sinh học và sinh thái học biển*, ĐH Quốc gia Hà Nội
2. Peter Castro and Michael E. Huber Dr. (2015), *Marine Biology 10th Edition*, McGraw-Hill Education
3. Đặng Ngọc Thanh và Nguyễn Huy Yết (2010), *Bảo tồn đa dạng sinh học biển*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Chu Hồi (2006), *Quản lý tài nguyên và môi trường biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Vũ Trung Tạng (2007), *Cơ sở sinh thái học*, NXB Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần được tổ chức giảng dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày nhóm, kiểm tra viết.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Tiết)	
	LT	BT, TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ SINH THÁI	8	3	0	11	33	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Tiết)	
	LT	BT, TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HỌC						chương 1,2
1.1. Sơ lược lịch sử phát triển của sinh học biển và sinh thái học	1	1		2	6	
1.2 Các nhân tố môi trường và sự thích nghi	1	1		2	6	
1.3. Quần thể	2			2	6	
1.4. Quần xã	2			2	6	
1.5. Hệ sinh thái	2	1		3	9	
Chương 2. ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ HỆ SINH THÁI BIỂN	8	3	1	12	36	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
2.1 Đặc trưng của đa dạng sinh học biển	2			2	6	
2.2 Khái niệm về sinh thái, các hệ sinh thái biển đặc trưng	2			2	6	
2.3 Các giá trị của đa dạng sinh học biển	2	1		3	9	
2.4 Hiện trạng và nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học trên thế giới và Việt Nam	2	2		4	12	
Kiểm tra chương 1, 2			1	1	3	
Chương 3. BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ HỆ SINH THÁI BIỂN	8	3	0	11	33	Đọc TLC 1, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 2
3.1 Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn biển	2			2	6	
3.2 Các nguyên tắc bảo tồn đa dạng sinh học biển	2			2	6	
3.3 Các công cụ bảo tồn hệ sinh thái biển						
3.3.1 Danh lục đỏ và sách đỏ						
3.3.2 Thiết lập các khu bảo tồn biển	4	3		7	21	
3.3.3 Bảo tồn đa dạng sinh học chuyển vị (EX-SITU)						
Chương 4. BẢO TỒN BIỂN TẠI VIỆT NAM	7	3	1	11	33	Đọc TLC 3, chương 2,3
4.1 Những nỗ lực trong hoạt động bảo tồn biển ở Việt Nam	2	1		3	9	
4.2 Hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam	2			2	6	
4.3 Đánh giá hiệu quả quản lý các khu bảo tồn biển Việt Nam	3	2		5	15	
Kiểm tra chương 3,4			1	1	3	
Cộng	31	12	02	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lâm

PGS.TS. Lê Xuân Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý tài nguyên và môi trường biển**
- Tiếng Anh: **Management to Marine Natural Resources and Environment**
 - Mã học phần: MRE203
 - Số tín chỉ: 03
 - Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển.
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
						<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết: Cơ sở Tài nguyên và môi trường biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 37 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 06 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 02 tiết
- Tự học : 132 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ **Về kiến thức:**

- Sinh viên hiểu và nắm bắt những kiến thức cơ bản về kinh tế như thị trường, phúc lợi xã hội, ngoại ứng, hàng hóa công cộng, quyền tài sản,...
- Những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, hiểu được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển;

Trang bị những kiến thức cơ bản về phân tích chi phí-lợi ích, chi phí hiệu quả đối với tài nguyên và môi trường biển; Lượng giá tài nguyên biển.

+ **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên và môi trường biển làm cơ sở cho tiếp cận kinh tế trong quản tài nguyên và môi trường biển sau này.

+ **Về thái độ, chuyên cần:** Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Ngoài chương mở đầu có tính chất giới thiệu. Học phần được chia thành 4 chương;

Chương 1. Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến tiếp cận kinh tế đối với tài nguyên và môi trường biển;

Chương 2. Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến tài nguyên biển bao gồm tài nguyên tái tạo, tài nguyên không tái tạo và tài nguyên cho phát triển ngành dịch vụ hàng hải, du lịch biển;

Chương 3. Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường biển như kiến thức về giá trị kinh tế của môi trường biển, Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm biển, các công cụ kinh tế sử dụng cho quản lý tài nguyên môi trường biển;

Chương 4. Trình bày nội dung phân tích chi phí và lợi ích và lượng giá tài nguyên biển làm cơ sở cho hoạch định chính sách biển dựa trên tiếp cận kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên), 2003. Kinh tế và quản lý môi trường. NXB thống kê, Hà Nội.

(2) PGS.TS. Nguyễn Văn Song (Chủ biên), 2009. Giáo trình kinh tế tài nguyên. NXB tài chính, Hà Nội.

(3) Trần Võ Hùng Sơn (Chủ biên), 2003. Nhập môn phân tích lợi ích-chi phí. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Cục Môi trường, 2000. Giới thiệu về công cụ kinh tế và khả năng áp dụng trong quản lý môi trường ở Việt Nam.

(2) Nguyễn Thế Chinh, 1999. Áp dụng các công cụ kinh tế để nâng cao năng lực quản lý môi trường ở Hà Nội. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
MỞ ĐẦU: GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	3			3	9	Đọc TL (1) Chương mở đầu
<i>I. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN.</i>	1			1	3	
1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học.	0,5					
2. Kinh tế tài nguyên và môi trường biển.	0,5					
<i>II. ĐỐI TƯỢNG MÔN HỌC</i>	0,5			0,5	1,5	
<i>III. NHIỆM VỤ MÔN HỌC</i>	0,5			0,5	1,5	

<i>III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC</i>	1			1	1	
CHƯƠNG I: TIẾP CẬN KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	9		1	10	30	Đọc TL (1) Chương 1
<i>1.1 MỐI QUAN HỆ CON NGƯỜI – MÔI TRƯỜNG BIỂN.</i>	1			1	3	
1.1.1 Con người và hoạt động kinh tế biển.	0,5					
1.1.2 Tiếp cận kinh tế tài nguyên và môi trường biển .	0,5					
<i>1.2 THỊ TRƯỜNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ.</i>	2			2	6	
1.2.1 Cầu thị trường-Thặng dư tiêu dùng.	0,5					
1.2.2 Cung thị trường-Thặng dư sản xuất.	0,5					
1.2.3 Hiệu quả kinh tế-Thặng dư xã hội.	1,0					
<i>1.3 NGOẠI ỨNG VÀ THẤT BẠI THỊ TRƯỜNG.</i>	2			2	6	
1.3.1 Khái niệm ngoại ứng.	0,5					
1.3.2 Ngoại ứng tiêu cực và thất bại thị trường	1,0					
1.3.3 Ngoại ứng tích cực và thất bại thị trường.	0,5					
<i>1.4 QUYỀN TÀI SẢN, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ CẠN KIẾT TÀI NGUYÊN BIỂN.</i>	2			2	6	
1.4.1 Quyền tài sản.	0,5					
1.4.2 Ô nhiễm môi trường biển	0,5					
1.4.3 Cạn kiệt tài nguyên biển.	1,0					
<i>1.5 HÀNG HÓA CÔNG CỘNG VÀ THẤT BẠI THỊ TRƯỜNG.</i>	2			2	6	
1.5.1 Khái niệm hàng hóa công cộng.	0,5					
1.5.2 Đặc điểm hàng hóa công cộng.	0,5					
1.5.3 Hàng hóa công cộng và thất bại thị trường.	1,0					
Kiểm tra lần 1			1	1	3	
CHƯƠNG II: KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN.	10			10	30	Đọc TL (1) Chương 2
<i>2.1 TÀI NGUYÊN BIỂN.</i>	2			2	6	

2.1.1 Khái niệm.	1,0					
2.1.2 Phân loại tài nguyên biển.	1,0					
2.2 TÀI NGUYÊN BIỂN KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TÁI TẠO.	2			2	6	
2.2.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển không có khả năng tái tạo: Khoáng sản biển.	1,0					
2.2.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển không có khả năng tái tạo.	1,0					
2.3 TÀI NGUYÊN BIỂN CÓ KHẢ NĂNG TÁI TẠO.	2			2	6	
2.3.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển có khả năng tái tạo: Hải sản biển.	1,0					
2.3.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển có khả năng tái tạo.	1,0					
2.4 TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ HÀNG HẢI BIỂN.	2			2	6	
2.4.1 Tài nguyên du lịch biển.	1,0					
2.4.2 Tài nguyên hàng hải biển.	1,0					
2.5 CÔNG CỤ KINH TẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BIỂN.	2			2	6	
2.5.1 Thuế tài nguyên biển.	0,5					
2.5.2 Phí dịch vụ tài nguyên biển	0,5					
2.5.3 Cơ chế tài chính liên quan đến tài nguyên biển.	1,0					
CHƯƠNG III: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	9	3	1	13	39	Đọc TL (1) Chương 3
3.1 MÔI TRƯỜNG BIỂN.	1			1	3	
3.1.1 Khái niệm môi trường biển.	0,5					
3.1.2 Đặc điểm môi trường biển.	0,5					
3.2 LƯỢNG GIÁ KINH TẾ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	2			2	6	
3.2.1 Giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.2.2 Phương pháp lượng giá giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.3 THIẾT HẠI KINH TẾ DO Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN.	3			3	9	
3.3.1 Khái niệm về thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển.	1,5					
3.3.2 Đánh giá thiệt hại kinh tế do	1,5					

ô nhiễm môi trường biển						
3.4 CÔNG CỤ KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	3			3	9	
3.4.1 Thuế ô nhiễm môi trường biển	1,0					
3.4.2 Phí ô nhiễm môi trường biển.	1,0					
3.4.3 Cota đánh bắt cá trên biển.	1,0					
Bài tập		3		3	9	
Kiểm tra lần 2			1	1	3	
CHƯƠNG IV: PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ HIỆU QUẢ.	6	3		9	27	Đọc TL (1) Chương 4
4.1 PHÂN TÍCH CHI PHÍ-LỢI ÍCH (CBA)	2			2	6	
4.1.1 Khái niệm CBA.	0,5					
4.1.2 Các bước tiến hành phân tích chi phí-lợi ích	1,0					
4.1.3 Các chỉ tiêu sử dụng trong phân tích chi phí-lợi ích.	0,5					
4.2 PHÂN TÍCH CHI PHÍ HIỆU QUẢ (EC).	2			2	6	
4.2.1 Khái niệm EC.	0,5					
4.2.2 Nội dung tiến hành phân tích chi phí hiệu quả.	1,0					
4.2.3 Các chỉ tiêu sử dụng trong EC.	0,5					
4.3 SỬ DỤNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHI PHÍ-LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ HIỆU QUẢ CHO HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH BIỂN.	2			2	6	
4.3.1 Phân tích chi phí-lợi ích và hoạch định chính sách tài nguyên và môi trường biển.	1,0					
4.3.2 Phân tích chi phí-hiệu quả và hoạch định chính sách tài nguyên và môi trường biển.	1,0					
Bài tập		3		3	9	
TỔNG	37	6	2	45	132	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Thủy văn đảo**
- Tiếng Anh: **Island Hydrology**
- Mã học phần: IHY 403
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor, Quản lý Biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thủy văn đại cương, Khí tượng đại cương và Hải dương học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 00 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
- Kiểm tra: 05 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khí tượng Thủy văn biển, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức cơ bản về thủy văn đảo, phương pháp đánh giá tài nguyên nước và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến chế độ thủy văn và tài nguyên nước đảo.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên biết cách phân tích và đánh giá tình hình thủy văn, tài nguyên nước và tác động của biến đổi khí hậu đến thủy văn đảo.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Mở đầu
- Chương 2: Thủy văn đảo

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) Hydrology and water management on tropical small islands. A. C. FALKLAND, Hydrology and Water Resources Branch, ACT Electricity and Water, Australia 2001.
- (2) Lê Đức An, 2008. *Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam: Tài nguyên và Phát triển*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội.
- (3) Phạm Văn Huân (2003), *Tính toán trong hải dương học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- (1) Ban Tuyên giáo Trung ương và Quân chủng Hải quân, 2007. *Biển và Hải đảo Việt Nam*. NXB xí nghiệp bản đồ I, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL/KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHẦN 1: CẤU TRÚC KHÔNG GIAN CỦA NƯỚC ĐẠI DƯƠNG VÀ CÁC KHỐI NƯỚC	11	3	2	16	48	
1.1 Các đới cấu trúc của Đại dương Thế giới	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 264-269
1.2 Cấu trúc thẳng đứng của các tham số trạng thái của đại dương	1	1		2	6	Đọc TL C(1) trang 269-284
1.3 Khái niệm về các khối nước. Phân định các khối nước trên cơ sở phân tích nhiệt muối	3			3	9	Đọc TLC (1) trang 284-291
1.4. Những khối nước cơ bản của Đại dương Thế giới	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 291-297
1.5. Về những cơ chế hình thành và tiến triển của các khối nước đại dương	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 297-302
1.6 Cấu trúc phương ngang của các tham số	2	1		3	9	Đọc TLC (1) trang 302-310

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL/KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trạng thái đại dương						
1.7. Thảo luận		1		1	3	
1.8. Kiểm tra			2	2	6	
PHẦN 2: CÁC TÍNH CHẤT ÂM HỌC BIÊN	9	2	3	14	42	
2.1. Sự truyền âm trong nước biển	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 140-144
2.2. Sự khúc xạ các tia âm. Kênh âm ngầm	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 144-148
2.3. Sự tắt dần âm trong nước biển	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 148-150
2.4. Đặc điểm phân bố tốc độ âm trong các đại dương	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 150-153
2.5. Tiếng ồn của đại dương	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 153-155
2.6 Thảo luận	1	2		3	9	
2.7. Kiểm tra			3	3	9	
Cộng	20	5	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Hồng Lân

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về biển**
- Tiếng Anh: **Marine State Manegement**
 - Mã học phần: **MSM 203**
 - Số tín chỉ: 03
 - Đối tượng học: **Bậc Đại học, ngành Quản lý biển.**
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: **Cơ sở tài nguyên và môi trường biển; Hải dương học đại cương**

- Các môn học kế tiếp: **Theo chương trình đào tạo của ngành Quản lý biển**
- Các môn học song hành: **không có**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 38 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 05 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra : 02 tiết
 - Tự học : 135 tiết

- BM phụ trách môn học: **BM Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.**

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của biển và đại dương với đời sống Trái đất và nhân loại. Vị trí địa chính trị, địa kinh tế và địa văn hóa của biển Đông và vị thế của biển Việt Nam. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Các cơ hội và thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về biển, bao gồm các tác động của thiên tai và nhân tai,

cũng như nhu cầu phải quản lý nhà nước về biển Việt Nam. Phân biệt quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo.

Về kỹ năng: Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ và biện pháp quản lý thuộc các lĩnh vực biển. Giới thiệu một số công cụ chủ lực áp dụng trong quản lý biển và quản lý nhà nước tổng hợp về biển.

Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quang chúng ta.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này có 2 phần và 4 chương, không tính mở đầu và phụ lục:

+ Phần I đề cập đến các vấn đề chung và gồm 3 chương.

- Chương 1 giới thiệu về vai trò của đại dương, biển đối với đời sống Trái đất và cuộc sống của con người.
- Chương 2 khái quát về vị thế và tiềm năng của biển Đông đối với sự phát triển của các nước quanh khu vực biển Đông và các vấn đề toàn cầu của biển Đông (vị trí địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa-xã hội). Trình bày kỹ hơn về lợi thế so sánh, tình hình khai thác, sử dụng và những cơ hội, thách thức đối với biển Việt Nam.
+ Phần II bàn về quản lý nhà nước về biển ở Việt Nam và gồm 2 chương.
- Chương 3 giới thiệu khái quát về quản lý (management) và quản trị (governance) biển và đại dương trên thế giới, nhấn mạnh đến Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS 1982) và các điều ước quốc tế khác về biển và quản lý biển trên thế giới; các thể chế quản lý biển trên thế giới và các bài học thực tiễn tốt ở một số nước,...Chương này cũng phân tích sâu hơn về quản lý biển theo ngành và quản lý tổng hợp, thống nhất về biển.
- Chương 4 đi sâu giới thiệu về một số vấn đề quản lý nhà nước về biển: Vai trò của quản lý nhà nước về biển; cơ cấu tổ chức, bộ máy QLNN về biển; chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về biển; xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về biển; quản lý nhà nước đối với công tác điều tra, nghiên cứu và hoạt động KHCN biển; vấn đề quản lý môi trường biển; quản lý khai thác, sử dụng biển, bao gồm giám sát biển; công tác tuyên truyền về biển, hải đảo,...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1).Nguyễn Hữu Hải, 2014. *Đại cương về quản lý nhà nước*. Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội.

(2) Lê Đức Tố, 2005. *Quản lý biển*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

(3) Chua Thia-Eng (2006). The dynamics of Intergrated Coastal Management: Practical Applications in the Sustainable Coastal Development in East, GEF/UNDP/IMO PEMSEA.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Ban tuyên giáo Trung ương, 2010. Chiến lược biển Việt Nam: Từ quan điểm đến thực tiễn. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(2) Nguyễn Hồng Thao, 2008. Công ước biển 1982 và Chiến lược biển của Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(6) Biliiana Cicin-Sain B and KnechtR, 1998. Intergrated Coastal and Ocean Managment. Concepts and Practices Island Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Mở đầu	0.5			0.5	1.5	
PHẦN 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG						
CHƯƠNG 1: VAI TRÒ CỦA BIỂN, ĐẠI DƯƠNG ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG	3.5			3.5	10.5	Đọc TL (1) Chương 1

TRÁI ĐẤT VÀ CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI						
1.1. Đại dương của Trái đất	0,5				1,5	
1.2. Đại dương cung cấp không gian sống cho các loài và các hoạt động phát triển	0,5				1,5	
1.3. Vai trò điều hòa của đại dương trong môi trường tác với khí quyển	1				3	
1.4. Đại dương – nơi dự trữ cuối cùng của loài người về tài nguyên thiên nhiên	0,5				1,5	
1.5. Các vấn đề đại dương toàn	1				3	
CHƯƠNG 2: BIỂN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KHU VỰC	8	1	9	27		Đọc TL (1) Chương 2
2.1. Khái quát về vị thế và tiềm năng của biển Đông	3		3	9		
2.1.1. Biển Đông – Ngã ba đường của thế giới	1			3		
2.1.2. Vị trí địa chính trị và địa kinh tế của biển Đông	1			3		
2.1.3. Tiềm năng phát triển của biển Đông	1			3		
2.2. Biển Việt Nam trong bối cảnh khu vực	1		1	3		
3.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1		1	3		
3.2. Lợi thế so sánh trong phát triển	1		1	3		
3.3. Tình hình khai thác, sử dụng biển, vùng ven biển và hải đảo	1		1	3		
3.4. Các thách thức, cơ hội và vấn đề quản lý biển Việt Nam.	1		1	3		
Kiểm tra chương 1, 2			1	1	3	
PHẦN II: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIỂN						
CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ THEO NGÀNH VÀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP, THỐNG NHẤT VỀ BIỂN Ở VIỆT NAM	8		8	24		Đọc TL (1) Chương 3
3.1. Quản lý và quản trị biển, đại dương trên thế giới	4		4	12		

3.1.1. Khái niệm	1				3	
3.1.2. Công ước Liên hiệp quốc về biển 1982 (UNCLOS 1982)	1				3	
3.1.3. Các điều ước quốc tế khác về đại dương và biển	1				3	
3.1.4. Quản trị tổng hợp đại dương và biển quốc gia	1				3	
3.2. Quản lý biển theo ngành và quản lý tổng hợp, thống nhất về biển ở Việt Nam	4			4	12	
3.2.1. Quản lý biển theo ngành	1				3	
3.2.2. Quản lý biển theo vấn đề chuyên biệt	1				3	
3.2.3. Quản lý biển tổng hợp và thống nhất quản lý nhà nước về biển	2				6	
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIỂN Ở VIỆT NAM	18	5	1	24	72	Đọc TL (1) Chương 4
4.1. Các vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước về biển	3			3	9	
4.1.1. Vai trò của quản lý nhà nước (QLNN) về biển	1				3	
4.1.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy QLNN về biển	1				3	
4.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan QLNN về biển	1				3	
4.2. Xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về biển	3			3	9	
4.2.1. Xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật biển quốc gia	1				3	
4.2.2. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020	1				3	
4.2.3. Thực hiện các cam kết quốc tế về quản lý biển tại Việt Nam	1				3	
4.3. Quản lý nhà nước đối với công tác điều tra, nghiên cứu (ĐTNC) và khoa học-công nghệ (KHCN) biển	3			3	9	
4.3.1. Đặc điểm của công tác ĐTNC, KHCN biển	1				3	
4.3.2. Tổ chức hoạt động QLNN về ĐTNC	1				3	

4.3.3 Quản lý KHCN biển (bao gồm cấp phép tàu thuyền nước ngoài vào khảo sát, nghiên cứu biển Việt Nam)	1			3	
4.4. Quản lý môi trường biển	3		3	9	
4.4.1. Quan trắc và kiểm soát môi trường biển	0.5			1.5	
4.4.2. Quản lý ô nhiễm biển nguồn từ đất liền	0.5			1.5	
4.4.3. Quản lý ô nhiễm biển nguồn trên biển	0.5			1.5	
4.4.4. Xác định “điểm nóng môi trường biển” và xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường biển	0.5			1.5	
4.4.5. Áp dụng các công cụ quản lý môi trường biển: đánh giá rủi ro, ĐTM, ĐCM,...	0.5			1.5	
4.4.6. Quản lý đa dạng sinh học và các khu bảo tồn biển	0.5			1.5	
4.5. Quản lý khai thác, sử dụng biển, hải đảo	3		3	9	
4.5.1. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội biển và các tác động ở Việt Nam	0.5			1.5	
4.5.2. Quan niệm về kinh tế biển “xanh”	0.5			1.5	
4.5.3. Chính sách, pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng biển	0.5			1.5	
4.5.4. Các thể lệ quản lý: cấp và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển; thuế, lệ phí và phí sử phạt trong khai thác, sử dụng biển, hải đảo	0.5			1.5	
4.5.5. Công tác quy hoạch: quy hoạch quản lý không gian biển và vùng ven biển; quy hoạch khai thác, sử dụng biển, vùng ven biển và hải đảo	0.5			1.5	
4.5.6. Giám sát tình trạng khai thác,	0.5			1.5	

<i>sử dụng biển (hải giám): kế hoạch và phương tiện giám sát, tổ chức giám sát</i>					
4.6. Công tác tuyên truyền về biển, hải đảo	2		4	12	
4.6.1. Tuyên truyền và truyền thông về biển, hải đảo	0.5			1.5	
4.6.2. Quan điểm và nguyên tắc tuyên truyền	0.5			1.5	
4.6.3. Các phương tiện và hình thức tuyên truyền	0.5			1.5	
4.6.4. Tổ chức Ngày Đại dương Thế giới (8/6) và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (1-7/6), các sự kiện bên lề.	0.5			1.5	
4.7. Các công tác khác	1		1	3	
4.7.1. Hệ thống QLNN về biển/hải đảo cấp địa phương	0.5			1.5	
4.7.2 Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về biển	0.5			1.5	
Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp)		2	3	9	
Thảo luận		2	6	6	
Kiểm tra chương 3, 4			1	1	3
TỔNG SỐ	38	5	2	45	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Lê Xuân Tuấn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự - do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quan trắc tổng hợp môi trường biển**
- Tiếng Anh: **Integrated Marine Environment Monitoring**
 - Mã học phần: IMO203
 - Số tín chỉ: 03
 - Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản lý biển
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hóa học biển, Thủy văn đại cương
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
- Bài tập: 2 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 7 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được các kiến thức, khái niệm cơ bản về quan trắc môi trường và vận dụng vào hoạt động quan trắc tổng hợp môi trường biển; trình bày được các nguyên tắc và các bước cơ bản trong thiết kế, thực hiện và đánh giá một chương trình/kế hoạch quan trắc tổng hợp môi trường biển; tổng hợp, phân tích được các dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển; và áp dụng được quy trình đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong thiết kế, thực hiện, phân tích dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển.

- Về kỹ năng: Thiết kế được mạng lưới thu mẫu, thông số và tần suất lấy mẫu; biết cách bảo quản và vận chuyển mẫu từ thực địa về các phòng thí nghiệm. Tổng hợp, phân tích được dữ liệu trên máy tính và trình bày, đánh giá được các số liệu thông qua bảng biểu, đồ thị. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về quan trắc môi trường nói chung và quan trắc môi trường biển nói riêng; các bước cơ bản và những nội dung trong xây dựng kế hoạch, chương trình quan trắc môi trường biển; những nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát, đảm bảo chất lượng trong quan trắc môi trường và cách xử lý, đánh giá kết quả và viết báo cáo quan trắc môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2011. *Quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước biển (bao gồm cả trầm tích đáy và sinh vật biển)*. Thông tư số 31/2011/TT-BTNMT.
2. Trương Mạnh Tiến, 2005. *Quan trắc Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Quốc Hùng, 2006. *Các phương pháp và thiết bị quan trắc môi trường nước*, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đoàn Văn Bộ, 2001. *Các phương pháp phân tích hoá học nước biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. ASEAN, 2008. *ASEAN Marine Water Quality Management Guidelines and Monitoring Manual*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thực hành và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với
	Lên lớp (tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng	học (giờ)	sinh viên
Bài Mở đầu: Giới thiệu học phần			1	1	3	
Chương 1: Các khái niệm chung và tổng quan về quan trắc môi trường	5		2	7	21	
1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ thường dùng	1			1	3	
1.2. Vai trò của quan trắc môi trường	1			1	3	
1.3. Tổng quan mạng lưới quan trắc môi trường thế giới và Việt Nam	3			3	9	
Thảo luận về một số hoạt động quan trắc môi trường ở Việt Nam			2	2	6	
Chương 2: Các vấn đề cơ bản trong quan trắc môi trường biển	10		1	11	33	
2.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường biển	2			2	6	
2.2. Các đặc trưng cơ bản của môi trường biển	2			2	6	
2.3. Ô nhiễm và suy thoái môi trường biển	2			2	6	
Thảo luận về ô nhiễm và suy thoái môi trường biển			1	1	3	
2.4. Hệ thống quản lý, quan trắc môi trường biển	2			2	3	
2.5. Nhu cầu và ý nghĩa của hệ thống quan trắc môi trường biển Việt Nam	2			2	6	
Chương 3: Xây dựng chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển	7		2	9	27	
3.1. Các bước thiết lập chương trình quan trắc môi trường biển	1			1	3	
3.2. Xây dựng các nội dung cụ thể trong chương trình quan trắc môi trường biển	3			3	9	
3.3. Yêu cầu cơ bản đối với chương trình quan trắc biển	1			1	3	
3.4. Xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) đối với chương trình quan trắc biển	2			2	6	
Thảo luận nhóm về xây dựng chương trình quan trắc tổng hợp			2	2	6	

môi trường biển						
Chương 4: Thực hiện chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển	8			8	24	
4.1. Phương pháp thu, bảo quản và vận chuyển mẫu; biểu mẫu, nhật ký quan trắc	2			2	6	
4.2. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quan trắc tại hiện trường	2			2	6	
4.3. Phương pháp đo đạc, phân tích các thông số môi trường; biểu mẫu và nhật ký phân tích môi trường	2			2	6	
4.4. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong phòng thí nghiệm	2			2	6	
Chương 5: Xử lý số liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển	6			8	18	
5.1. Xử lý số liệu quan trắc môi trường biển	2			2	6	
5.2. Đánh giá kết quả quan trắc và viết báo cáo quan trắc môi trường biển.	2			2	6	
5.3. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quản lý số liệu và lập báo cáo quan trắc môi trường biển.	2			2	6	
Trình bày bài tập nhóm về chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển		2		2	6	
Ôn tập toàn bộ học phần			1	1	3	
Cộng	36	2	7	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Bùi Đắc Thuyết

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý tổng hợp vùng bờ biển**
- Tiếng Anh: **Integrated Coastal Management**
- Mã học phần: ICM 203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Coastal Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển, Quản lý nhà nước về biển, Hải dương học đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
- Bài tập: 04 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB. Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng*: Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện QLTHVB; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB; kỹ năng phân vùng chức năng vùng bờ biển,...

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

+ Chương 1: giới thiệu chung về các khái niệm cơ bản liên quan: đường bờ biển, đới bờ biển, vùng bờ biển, các thuộc tính cơ bản của đới bờ và vùng bờ, khái niệm vùng bờ quản lý và ranh giới QLTHVB; Bản chất các hệ thống tài nguyên vùng bờ, cách tiếp cận hệ thống trong quản lý vùng bờ; phát triển bền vững và phát triển bền vững vùng bờ. Trong chương này còn đề cập đến nhu cầu quản lý và QLTHVB. Phân tích tầm quan trọng của vùng bờ, các thách thức và bối cảnh kinh tế-xã hội, thể chế-chính sách quản lý vùng bờ và xác định các vấn đề bức xúc/ưu tiên quản lý của vùng bờ.

+ Chương 2: về lập kế hoạch QLTHVB đề cập đến bản chất sử dụng đa ngành và bối cảnh quản lý; các nguyên tắc trong lập kế hoạch QLTHVB; phân biệt khái niệm quản lý theo ngành và QLTHVB; các mục tiêu và nguyên tắc chỉ dẫn QLTHVB; Lập kế hoạch QLTHVB.

+ Chương 3: Các công cụ hỗ trợ QLTHVB bao gồm công cụ quản lý thông tin, công cụ phân tích đánh giá tiến độ và công cụ quy hoạch quản lý.

+ Chương 4: Tổng quan về QLTHVB ở Việt Nam, những tiềm năng thách thức và áp dụng QLTHVB ở Việt Nam. Phần cuối nêu lên một số ví dụ điển hình, những bài học về QLTHVB trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Chua Thia-Eng (2006), *The Dynamics of Integrated Coastal Management: Practical Applications in the Sustainable Coastal Development in East Asia*, GEF/UNDP/IMO PEMSEA.

2. Nguyễn Lâm Anh (2011). Quản lý tổng hợp vùng ven biển. Đại học Nha Trang.

3. Lê Đức Tô (2005), *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2003), *Quản lý tổng hợp đới bờ: Kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam*

2. Nguyễn Chu Hồi và nnk (2000), *Nghiên cứu xây dựng giải pháp quản lý tổng hợp vùng bờ biển Việt Nam, bảo đảm an toàn sinh thái và phát triển bền vững*, Báo cáo đề tài cấp nhà nước KH-06-07, lưu trữ tại Bộ KH&CN, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần được tổ chức giảng dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày nhóm, kiểm tra viết.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHU CẦU QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ	8	1	3	12	36	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1. Các đặc điểm của vùng bờ <i>1.1.1. Một số khái niệm liên quan</i> <i>1.1.2. Các quá trình tự nhiên vùng bờ</i>	1			1	3	
1.2. Tài nguyên vùng bờ <i>1.2.1. Sinh vật</i> <i>1.2.2. Phi sinh vật</i> <i>1.2.3. Nhân văn</i>	2		1	3	9	
1.3. Tầm quan trọng về kinh tế và môi trường của vùng bờ <i>1.3.1. Cảng biển - giao thông</i> <i>1.3.2. Khai thác khoáng sản và dầu mỏ</i> <i>1.3.3. Du lịch và giải trí</i> <i>1.3.4. Thủy sản</i> <i>1.3.5. Các ngành khác</i>	2		1	3	9	
1.4 Các vấn đề vùng bờ <i>1.4.1. Ô nhiễm</i> <i>1.4.2. Suy giảm tài nguyên và mất dần hệ sinh thái</i> <i>1.4.3. Thiên tai và sự cố</i> <i>1.4.4. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng</i>	2		1	3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.5. Bùng nổ dân số và đô thị hóa 1.4.6. Mâu thuẫn trong sử dụng tài nguyên và môi trường vùng bờ						
1.5 .Các cách tiếp cận quản lý vùng bờ	1	1		2	6	
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ	8	1	2	11	33	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
2.1. Phát triển bền vững 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Quá trình hình thành 2.1.3. Nguyên tắc PTBV	2			2	6	
2.2. Khái niệm và lịch sử phát triển QLTBVB 2.2.1. Các định nghĩa 2.2.2. Lịch sử phát triển 2.2.3. Phân định ranh giới QLTHVB	2			2	6	
2.3. Một số nguyên tắc trong lập kế hoạch QLTHVB	1			1	3	
2.4. Các mục tiêu của QLTHVB	1			1	3	
2.5. Lập kế hoạch QLTHVB 2.5.1. Chu trình 4 bước Delft 2.5.2. Chu trình 6 bước PEMSEA	2	1	1	4	12	
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. CÁC CÔNG CỤ	8	1	3	12	36	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HỖ TRỢ QLTHVB						chương 6; Đọc TLC 2, chương 3.
3.1 Công cụ phân tích thông tin 3.1.1. Hồ sơ vùng bờ 3.1.2.Đánh giá nhanh môi trường vùng bờ (RACE) 3.1.3. Đánh giá rủi ro môi trường 3.1.4. Phương pháp đánh giá năng lực chịu tải 3.1.5. Hệ thống thông tin tổng hợp (IIMS) 3.1.6. Chương trình quan trắc môi trường tổng hợp 3.1.7. Đánh giá tác động môi trường (EIA)	4		2	6	18	
3.2 Công cụ quản lý 3.2.1. Chiến lược vùng bờ 3.1.2. Quy hoạch sử dụng biển 3.1.3. Kế hoạch truyền thông/giáo dục 3.1.4. Lượng giá kinh tế 3.1.5 Hợp tác công tư trong đầu tư môi trường 3.1.6. Cơ cấu tổ chức thực hiện 3.1.7. Cơ chế tài chính bền vững	4	1	1	6	18	
Chương 4. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ VIỆT NAM	8	1	1	10	30	Đọc TLC 2, chương 4.
4.1. Hiện trạng quản lý vùng bờ	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tại Việt Nam						
4.2. Nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ tại Việt Nam	1			1	3	
4.3. Các nguyên tắc cơ bản về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Việt Nam	1			1	3	
4.4. Tổ chức thực hiện QLTHVB tại Việt Nam	2			2	6	
4.5. Một số dự án điển hình QLTHVB trên thế giới 4.5.1. Hà Lan 4.5.2. Hạ Môn, Trung Quốc 4.5.3. Philippines	3	1		3	9	
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	32	04	09	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Trần Thị Minh Hằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

SYLLABUS

1. General Information

- Module name:
In English: **Integrated Coastal Management**
In Vietnamese: **Quản lý tổng hợp vùng bờ biển**
- Module code: ICM 203
- Module credit: 03
- Course: Undergraduate student, Major: Marine Management
- Prerequisites: Introduction to marine resources and environment, Marine state management, General Oceanography
- Course organization:

Total: 45 credit hours
Lecture: 32 credit hours
Assignment: 04 credit hours
Group discussion: 07 credit hours
Test: 02 credit hours
Self-study: 135 credit hours
- Department in-charge: Department of Marine Management, Faculty of Marine Science

2. Module objectives

- *Knowledge outcome:* Upon completion of the course, students are equipped with knowledge about coastal zone, characteristics of coastal zone, coastal management, the importance of coastal zone, socio-economic problems of coastal zone, coastal policy. From acquiring the knowledge, students will be able to identify the demand of integrated coastal management (ICM); the ICM principles, ICM cycles, the content and outcome of ICM program; develop and implement an ICM program, tools used in ICM program. Lastly, the module covers experiences and case-study of ICM around the world and the situation of ICM in Vietnam.
- *Skill outcome:* students are able to use different tools and techniques in developing and implementing ICM program; skill in coastal use zoning...

3. Course description

The course includes 4 chapters:

+ Chapter 1: introduction of coastline, coastal zone, characteristics of coastal zone, concept of coastal management, coastal zone boundary; coastal ecosystem; importance of coastal zone, challenges and issues of coastal zone

+ Chapter 2: concept of sustainable development and integrated coastal management; principles, demands and objectives for integrated coastal management; ICM cycles according to PEMSEA and DELFT; develop ICM program

+ Chapter 3: Technical tools and management tools used in developing and implementing ICM program

+ Chapter 4: Overview of ICM in Vietnam, demands, challenges, issues of applying ICM in Vietnam; Pilot ICM program in Vietnam and the world.

4. Teaching materials

4.1. Main textbook (M)

1. Chua Thia-Eng (2008), *The Dynamics of Integrated Coastal Management: Practical Applications in the Sustainable Coastal Development in East Asia*, GEF/UNDP/IMO PEMSEA.
2. Vietnam Island and Sea Administration (2012). *Approaches and Implementation of ICM*
3. Martin L.T, Dik R., Maarten B. and Leontine V. (2011). *Integrated Coastal Management: From post-graduate to professional coastal manager - A teaching manual*. Eburon Academic Publishers.

4.2. Supplementary materials (S)

1. Ministry of Natural Resources and Environment (2003), *Integrated coastal management: Experiences of Vietnam*
2. Nguyen Chu Hoi (2000), *Research on integrated coastal management in harmonizing conservation and sustainable development*, National Research Project Report KH-06-07

5. Teaching methods

Main teaching methods are: lecture, individual assignment, group assignment, group discussion, presentation and test.

6. Student responsibility

- Attend all lectures
- Actively prepare for the class lecture: read materials before each class meeting.
- Actively participate in the class activities in term of sharing ideas.
- Participate actively, listen actively and answer respectfully in group discussion.
- Complete all the assignments required by instructor.

7. Assessment scale

Module evaluation is conducted using 10-mark scale by lecturer; the final mark will be converted into 4-mark scale according to credit education regulation.

8. Module assessment

<i>No.</i>	<i>Types</i>	<i>Weight</i>	<i>Note</i>
1	Assignment 1	0,2	Assignment 1 + Assignment 2: 40%
2	Assignment 2	0,2	
3	Examination test	0,6	Final exam: 60%

- Examination mode:
 Writing Multiple choices Practical

9. Contents and Schedules

Content	Teaching modes					Requirements for student
	Class (credit hours)				Self-study (credit hours)	
	L	A	D,T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1. DEMAND OF INTEGRATED COASTAL MANAGEMENT	8	1	3	12	36	
1.1. Characteristics of coastal zone <i>1.1.1. Concepts</i> <i>1.1.2. Coastal natural processes</i>	1			1	3	Read M1, chapter 1; Read M2, chapter 1.
1.2. Coastal resources <i>1.2.1. Biological resources</i> <i>1.2.2. Non-living resources</i> <i>1.2.3. Human and cultural resources</i>	2		1	3	9	Read M1, chapter 1; Read M2, chapter 1.
1.3. Coastal zone economic activities <i>1.3.1. Port and sea transportation</i>	2		1	3	9	Read M1, chapter 1; Read M2, chapter 1.

Content	Teaching modes					Requirements for student
	Class (credit hours)				Self-study (credit hours)	
	L	A	D,T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.2. Mineral exploitation and oil extraction 1.3.3. Tourism 1.3.4. Fisheries and aquaculture 1.3.5. Others						
1.4 Issues of coastal zone 1.4.1. Pollution 1.4.2. Ecosystem degradation 1.4.3. Coastal hazards 1.4.4. Climate change 1.4.5. Overpopulation and urbanization 1.4.6. Resource use conflict	2		1	3	9	Read M1, chapter 1; Read M2, chapter 1.
1.5 Coastal management approach	1	1		2	6	Read M1, chapter 1; Read M2, chapter 1.
Chapter 2. INTEGRATED COASTAL MANAGEMENT PLANNING	8	1	2	11	33	
2.1. Sustainable development 2.1.1. Concept 2.1.2. History 2.1.3. Principle	2			2	6	Read M1, chapter 3; Read M2, chapter 2.
2.2. Integrated coastal management concept 2.2.1. Definition 2.2.2. History 2.2.3. ICM boundary	2			2	6	Read M1, chapter 3; Read M2, chapter 2.
2.3. Principle in ICM planning	1			1	3	Read M1, chapter 3; Read M2, chapter 2.
2.4. ICM objectives	1			1	3	Read M1, chapter 3; Read M2, chapter 2.

Content	Teaching modes					Requirements for student
	Class (credit hours)				Self-study (credit hours)	
	L	A	D,T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5. Planning for ICM 2.5.1. Delft 4-phase cycle 2.5.2. PEMSEA 6-phase cycle	2	1	1	4	12	Read M1, chapter 3; Read M2, chapter 2.
Test for Chapter 1 & 2			1	1	3	
Chapter 3. Tools for ICM	8	1	3	12	36	
3.1 Information analysis tools 3.1.1. Coastal profile 3.1.2. Rapid assessment of coastal environment (RACE) 3.1.3. Environmental risk assessment 3.1.4. Carrying capacity assessment 3.1.5. Integrated information system (IIMS) 3.1.6. Integrated coastal monitoring program 3.1.7. Environmental impact assessment (EIA)	4		2	6	18	Read M1, chapter 6; Read M2, chapter 3.
3.2 Management tools 3.2.1. Coastal strategy 3.1.2. Sea-use planning 3.1.3. Communication/Education 3.1.4. Economic evaluation 3.1.5 Public-Private Partnership (PPP) 3.1.6. Institution organization 3.1.7. Sustainable financing mechanism	4	1	1	6	18	Read M1, chapter 6; Read M2, chapter 3.
Chapter 4. ICM in Vietnam	8	1	1	10	30	

Content	Teaching modes					Requirements for student
	Class (credit hours)				Self-study (credit hours)	
	L	A	D,T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Demand for ICM in Vietnam	1			1	3	Read M2, chapter 4.
4.2. Status of ICM implementation in Vietnam	1			1	3	Read M2, chapter 4.
4.3. Principles for ICM implementation in Vietnam	1			1	3	Read M2, chapter 4.
4.4. Policy and institution arrangement to implement ICM in Vietnam	2			2	6	Read M2, chapter 4.
4.5. ICM case-study 4.5.1. <i>The Netherlands</i> 4.5.2. <i>Xiemen, China</i> 4.5.3. <i>Philippines</i>	3	1		3	9	Read M2, chapter 4.
Test for Chapter 3 & 4			1	1	3	
Total	32	04	09	45	135	

Note: L: Lecture; A: Assignment; D, T: Discussion, Test.

Dean of Faculty

Lecturer

Dr. Nguyen Hong Lan

Dr. Tran Thi Minh Hang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quy hoạch sử dụng không gian biển**
- Tiếng Anh: **Marine Spatial Planning**
- Mã học phần: **MSP203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: Cơ sở TN&MT, Thủy văn đại cương, Hải dương học,
Quản lý nhà nước về biển, ICM

- Các môn học kế tiếp: Theo chương trình đào tạo của ngành Quản lý biển

- Các môn học song hành: không có

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 40 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 3 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 2 tiết
- Tự học : 120 tiết

- BM phụ trách môn học: BM Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ *Về kiến thức*: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy hoạch không gian biển và vùng bờ (CMSP) và cách tiếp cận từng bước khi thực hiện một chu trình CMSP. Phân biệt các khái niệm cơ bản như phân vùng và quy hoạch, tiếp cận dựa vào vùng và hệ sinh thái (area-based và ecosystem-based approaches), và vùng quy hoạch (planned area). Giới thiệu các nguyên tắc và chu trình CMSP, nội dung và sản phẩm đầu ra của CMSP. Các công cụ thường áp dụng trong quá trình triển khai CMSP. Lấy ví dụ một số bài học kinh nghiệm về CMSP trên thế giới, cũng như đánh giá nhu cầu và thực tế áp dụng CMSP ở Việt Nam.

+ *Về kỹ năng*: Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện CMSP; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một CMSP thông qua làm bài tập và thực tế.

+ *Về thái độ, chuyên cần*: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề trong quy hoạch.

3. Tóm tắt nội dung môn học

+ Học phần này được xây dựng theo các bước quy hoạch (trương đương các chương) và có thể đưa vào 2 phần chính sau (không tính mở đầu và phụ lục):

+ Phần I: Giới thiệu chung về các khái niệm cơ bản liên quan đến quy hoạch, quy hoạch không gian và quy hoạch không gian bờ và biển, mà bản chất là quy hoạch sử dụng không gian ở vùng bờ và biển. Phân biệt các khái niệm: CMSP và quản lý tổng hợp vùng bờ biển, CMSP với phân vùng sử dụng vùng bờ và biển (coastal and marine zoning), CMSP với quản lý không gian biển và vùng bờ biển (CMSM). Đề cập đến nhu cầu CMSP và các cách tiếp cận được áp dụng trong quá trình triển khai một chương trình CMSP. Xác định vị trí pháp lý của CMSP ở cấp quốc gia và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thực hiện CMSP ở cấp quốc gia, vùng và tỉnh.

+ Phần II: Giới thiệu chu trình quy hoạch (3 giai đoạn và 10 bước). Bước 1 là xác định nhu cầu và thành lập cơ quan thực hiện CMSP; Bước 2 - xác định nguồn tài chính; Bước 3 đề cập đến giai đoạn trước quy hoạch (preplanning), tập trung giới thiệu 06 nhiệm vụ mang tính nguyên tắc cơ bản trong lập CMSP; Bước 4 giới thiệu sự tham gia của các bên liên quan/cộng đồng dân trong (liên quan đến) vùng quy hoạch; Bước 5: xác định và phân tích hiện trạng vùng quy hoạch; Bước 6: xác định và phân tích các điều kiện (nhu cầu) tương lai; Bước 7: Chuẩn bị và phê duyệt CMSP; Bước 8: Thực thi

CMSP (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Bước 9: Giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch; và Bước 10: Rà soát và điều chỉnh CMSP.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Ehler C. và F. Douvère, 2009. *Quy hoạch không gian biển: Tiếp cận từng bước hướng tới quản lý dựa vào hệ sinh thái*. IOC UNESCO – MAB xuất bản (Bản dịch tiếng Việt năm 2010).

(2) Spatial Planning in the Coastal Zone of the East Asian Seas Region: *Integrating Emerging Issues and Modern Management Approaches*. Interim Edition, UNEP-Sida-COBSEA published in November, 2011.

(3) Nguyễn Chu Hồi, 2013. *Quy hoạch không gian biển và vùng bờ biển*. NXB Nông Nghiệp

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Blair T. Bower, Charles N. Ehler and Daniel J. Basta , 1994. A Framework of Integrated Coastal Management Planning. NOAA/IUCN.

(2) Biliana Cicin-Sain B. and Knecht R., 1998. Integrated Coastal and Ocean Management: Concepts and Practices. Island Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân và bài tập nhóm và thảo luận và trình bày nhóm.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	

3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%
---	----------------------------	-----	---------------------------------

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHẦN I: QUAN NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VỀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN	4			4	12	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
Mở đầu	0.5					
1.1. Quy hoạch không gian biển là gì? Khái niệm và các tiếp cận.	0.5					
1.2. Tại sao chúng ta cần quy hoạch không gian biển?	0.5					
1.3. Tại sao không gian và thời gian lại quan trọng?	0.5					
1.4. CMSP ảnh hưởng thế nào đến hàng hóa và giá trị dịch vụ của hệ sinh thái?	0.5					
1.5. Các lợi ích của CMSP	0.5					
1.6. Các sản phẩm của CMSP	0.5					
1.7. CMSP và các quy hoạch khác liên quan. Phân vùng chức năng trong QLTHVB. Câu hỏi thảo luận	0.5					
PHẦN II: CHU TRÌNH QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN	28		2	28	84	
2.1. Xác định nhu cầu và thành lập cơ quan thực hiện	2					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CMSP						
2.1.1. Xác định lý do vì sao cần CMSP?	1					
2.1.2. Xác định và thành lập cơ quan quy hoạch và triển khai quy hoạch	1					
2.2. Tiếp nhận nguồn hỗ trợ kinh phí	2					
2.2.1. Xác định cơ chế cấp kinh phí	1					
2.2.2. Phân tích tính khả thi của cơ chế cấp kinh phí. Thảo luận	1					
2.3. Tiến hành công tác chuẩn bị quy hoạch	6			6	18	
2.3.1. Thành lập Nhóm chuyên gia CMSP	1					
2.3.2. Xây dựng kế hoạch triển khai	1					
2.3.3. Xác định ranh giới và thời kỳ quy hoạch. Thảo luận	1					
2.3.4. Xác định các nguyên tắc quy hoạch. Thảo luận	1					
2.3.5. Xác định mục đích và mục tiêu	1					
2.3.6. Xác định các rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng phó	1					
2.4. Tổ chức cho các bên liên quan tham gia	3			3		
2.4.1. Xác định các bên liên	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quan đến CMSP						
2.4.2. Xác định khi nào các bên tham gia. Thảo luận	1					
2.4.3. Xác định các bên liên quan tham gia bằng cách nào	1					
2.5. Xác định và phân tích các điều kiện hiện tại (hiện trạng)	3			3		
2.5.1. Thu thập và lập bản đồ về các yếu tố môi trường tự nhiên và sinh thái	1					
2.5.2. Thu thập và lập bản đồ thông tin về hoạt động của con người	1					
2.5.3. Xác định các mâu thuẫn và tương thích. Thảo luận	1					
2.6. Xác định và phân tích các điều kiện tương lai (dự báo)	4			4		
2.6.1. Dự đoán khuynh hướng về nhu cầu không gian và thời gian của các hoạt động của con người hiện tại	1					
2.6.2. Dự tính nhu cầu mới về không gian biển và thời gian của các hoạt động của con người trong tương lai	1					
2.6.3. Xác định các kịch bản thay thế trong tương lai đối với vùng quy hoạch	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.6.4. Lựa chọn kịch bản sử dụng không gian biển tối ưu. Thảo luận	1					
2.7. Chuẩn bị và phê duyệt quy hoạch quản lý không gian biển	4			4		
2.7.1. Xác định các giải pháp quản lý không gian biển và theo thời gian, động cơ và thiết chế	1					
2.7.2. Cụ thể hóa tiêu chí lựa chọn giải pháp quản lý không gian biển	1					
2.7.3. Xây dựng kế hoạch phân vùng	1					
2.7.4. Đánh giá kế hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.7.5. Phê duyệt kế hoạch quản lý không gian biển. Thảo luận	0.5					
2.8. Thực hiện quy hoạch không gian biển	1.5			1.5		
2.8.1. Thực hiện quy hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.8.2. Bảo đảm tuân thủ quy hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.8.3 Thực thi quy hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.9. Giám sát và đánh giá	1.5			1.5		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quá trình thực hiện						
2.9.1. Xây dựng chương trình giám sát	0.5					
2.9.2. Đánh giá dữ liệu giám sát việc thực hiện	0.5					
2.9.3. Báo cáo kết quả đánh giá việc thực hiện (cho cơ quan có thẩm quyền)	0.5					
2.10. Điều chỉnh kế hoạch quản lý không gian biển. Thảo luận	1			1		
2.10.1. Rà soát và thiết kế lại CMSP	0.5					
2.10.2. Xác định nhu cầu nghiên cứu đã áp dụng 2.10.3. Bắt đầu triển khai chu trình tiếp theo của CMSP	0.5					
<i>Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp)</i> Kiểm tra		3	1	4		
PHẦN III: ÁP DỤNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN TRÊN THẾ GIỚI	4			4	12	
3.1 Xác định vị trí pháp lý của QHKGB	1					
3.2 Mở rộng áp dụng QHKB	1					
3.3 Đóng góp của các tổ chức quốc tế	1					
3.4 Một số thực hành tốt về QHKGB trên thế giới. Thảo	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
luận						
PHẦN IV: QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN Ở VIỆT NAM	4			4	12	
4.1 Nhu cầu QHKGB ở Việt Nam	1					
4.2 Khung pháp lý thực hiện QHKGB tại Việt Nam	1					
4.3 Một số hoạt động QHKGB tại Việt Nam	1					
4.4 Định hướng QHKGB Việt Nam trong tương lai. Thảo luận	1					
<i>Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp) Kiểm tra</i>			1	1		
TỔNG SỐ	40	3	2	45	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

PGS.TS Lê Xuân Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển**
- Tiếng Anh: **Marine Pollution Control and Management**
- Mã học phần: MPM203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học, Quản lý nhà nước về biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
- Bài tập: 04 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường biển, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, phương pháp quản lý nguồn thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển; các sự cố môi trường biển và phương pháp quản lý sự cố môi trường biển; các vấn đề trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển và cách giải quyết.

- *Về kỹ năng:*

- Kỹ năng cứng: Hiểu được và có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển.

- Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển.

Về đạo đức nghề nghiệp:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

- Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia xử lý rác thải, nước thải, bảo vệ môi trường biển.

- Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Môi trường biển và ô nhiễm môi trường biển: giới thiệu khái niệm chung về ô nhiễm môi trường biển, các nguồn gây ô nhiễm biển, các chất gây ô nhiễm biển và tác hại của ô nhiễm biển;

- Chương 2: Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn thải đất liền: hiện trạng ô nhiễm biển từ các nguồn thải đất liền trên thế giới, các phương thức quản lý và kiểm soát ô nhiễm từ nguồn thải đất liền ;

- Chương 3: Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn thải trên biển: hiện trạng ô nhiễm biển từ các nguồn thải trên biển, các phương thức quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn thải trên biển, kế hoạch ứng phó tràn dầu, một số công ước và tổ chức quốc tế về quản lý và kiểm soát ô nhiễm từ nguồn thải trên biển;

- Chương 4: Quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tại Việt Nam: hiện trạng ô nhiễm biển hiện nay ở Việt Nam, một số case-study, quản lý nhà nước và các giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển ở Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Định (2014), *Kiểm soát và quản lý ô nhiễm môi trường biển*, NXB Giao thông Vận tải.
2. R.B.Clark (2011), *Marine Pollution*, 5th edition, Oxford University Press.
3. Lê Đức Tố (2005), *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Chu Hồi (2005), *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần được tổ chức giảng dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày nhóm, kiểm tra viết.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. MÔI TRƯỜNG	7	1	4	12	36	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
BIỂN VÀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN						chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1. Khái niệm về môi trường biển và ô nhiễm môi trường biển <i>1.1.1 Khái niệm môi trường biển</i> <i>1.1.2 Khái niệm ô nhiễm môi trường biển</i>	1			1	3	
1.2. Tổng quan về nguồn ô nhiễm môi trường biển <i>1.2.1 Nguồn ô nhiễm từ đất liền</i> <i>1.2.2 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên trên thềm lục địa và đáy đại dương</i> <i>1.2.3 Hoạt động đổ thải các chất độc hại trên biển</i> <i>1.2.4 Nguồn ô nhiễm từ hoạt động vận tải hàng hải</i> <i>1.2.5 Nguồn ô nhiễm từ không khí.</i>	2		1	3	9	
1.3. Tổng quan về các chất gây ô nhiễm biển <i>1.3.1 Rác thải</i> <i>1.3.2 Chất dinh dưỡng (N & P)</i> <i>1.3.3 Kim loại</i> <i>1.3.4 Dầu và các hợp chất liên quan (PAH: hydrocacbua thơm đa vòng)</i> <i>1.3.5 Chất phóng xạ</i>	2		2	4	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.6 Thuốc trừ sâu (DDT) và các hóa chất hữu cơ công nghiệp (PCB) 1.3.7 Khí nhà kính 1.3.8 Ô nhiễm nhiệt						
1.4. Tác động của ô nhiễm môi trường biển 1.4.1 Tác động sinh thái 1.4.2 Tác động đối với kinh tế xã hội 1.4.3 Tác động đối với sức khỏe con người	2	1	1	4	12	
Chương 2. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM BIỂN TỪ CÁC NGUỒN THẢI ĐẤT LIỀN	8	1	2	11	33	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.1. Tổng quan về nguy cơ ô nhiễm biển từ các nguồn thải đất liền	2			2	6	
2.2 Các nguồn thải chính từ đất liền 2.2.1 Hoạt động công nghiệp 2.2.2 Hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản 2.2.3 Hoạt động du lịch, dịch vụ và đô thị	3	1		4	12	
2.3. Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn đất liền 2.3.1 Công ước và luật quốc tế 2.3.2 Giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ	3		1	4	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguồn đất liền</i>						
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM BIỂN TỪ CÁC NGUỒN THẢI TRÊN BIỂN	8	1	3	12	36	Đọc TLC 1, chương 2,3; Đọc TLC 2, chương 4.
3.1. Tổng quan về nguy cơ ô nhiễm từ nguồn thải trên biển	1			1	3	
3.2 Các nguồn thải chính từ các hoạt động trên biển 3.2.1 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động hàng hải 3.2.2 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động nhận chìm 3.2.3 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động khai thác khoáng sản và dầu khí	2		1	3	9	
3.3 Quản lý và kiểm soát nguồn thải từ các hoạt động kinh tế - xã hội trên biển có khả năng gây ô nhiễm môi trường biển 3.3.1 Công ước và pháp luật liên quan đến ô nhiễm từ các nguồn trên biển 3.3.2 Giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm từ các nguồn thải trên biển	3	1	1	5	15	
3.4 Sự cố tràn dầu 3.4.1 Cơ chế lan tỏa và hậu quả của tràn dầu 3.4.2 Quy trình ứng phó và xử lý sự cố tràn dầu	2		1	3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN TẠI VIỆT NAM	6	1	3	10	30	Đọc TLC 1, chương 4.
4.1 Hiện trạng ô nhiễm biển ở Việt Nam	1			1	3	
4.2 Hệ thống pháp luật, chính sách quản lý ô nhiễm môi trường biển Việt Nam	2		1	3	9	
4.3 Các giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tại Việt Nam <i>4.3.1. Từ hoạt động công nghiệp</i> <i>4.3.2. Từ hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản</i> <i>4.3.3. Từ hoạt động du lịch, dịch vụ, đô thị</i> <i>4.3.4. Từ hoạt động hàng hải và cảng biển</i> <i>4.3.5. Từ hoạt động khai thác dầu khí và khoáng sản</i>	3	1	1	5	15	
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	29	04	12	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lĩnh

TS. Trần Thị Minh Hằng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển**
Tiếng Anh: **Managing Marine Environmental Disasters**
- Mã học phần: MED 203
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học: Hệ đại học
- Ngành/chuyên ngành: Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở sinh học và hệ sinh thái

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 7 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 4tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về thiên tai và tai biến môi trường biển, rủi ro thiên tai và tai biến môi trường biển; tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường biển;

+ Các giải pháp quản lý để giảm thiểu rủi ro và tính dễ bị tổn thương do thiên tai và tai biến môi trường biển.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng: Nắm được và có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển.

+ Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật thiên tai và tai biến môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

+ Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển.

+ Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung của học phần sẽ được trình bày trong 4 chương:

Chương 1: Thiên tai và tai biến môi trường biển;

Chương 2: Rủi ro thiên tai và tai biến môi trường;

Chương 3: Tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường;

Chương 4: Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Lê Đức Tó, 2005. *Quản lý biển*, Nxb ĐH QGHN, Hà Nội

(2) Lê Văn Khoa, 2012. *Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu*, NXB Giáo dục Việt Nam.

(3) *Tài liệu hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm, 2010* – Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (DMC), Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão TW.

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Công Minh, Nguyễn Đức Tú, 2006. *Sổ tay đánh giá tiến độ và kết quả của công tác quản lý biển và vùng bờ biển*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT (2)	BT (3)	TL,KT (4)	Tổng cộng (5)		
MỞ ĐẦU	1	0	0	1	3	(7)
CHƯƠNG 1: THIÊN TAI VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG BIỂN	6	1	0	7	21	
1.1. Thiên tai và thảm họa tự nhiên	4				12	
1.1.1 Bão/Áp thấp nhiệt đới	1				3	
1.1.2 Sóng lớn/ sóng thần	1				3	
1.1.4 Xói lở bờ biển	0.5				1.5	
1.1.5 El nino	0.5				1.5	
1.1.6 Các thiên tai khác	1				3	
1.2 Tai biến môi trường biển có nguồn gốc từ con người	2				6	
1.2.1. Tai biến từ các hoạt động công nghiệp	0.5				1.5	

1.2.2. Tai biến từ các hoạt động khai thác khoáng sản và dầu khí	0.5				1.5	
1.2.3. Tai biến từ các hoạt động hàng hải	0.5				1.5	
1.2.4. Tai biến từ các hoạt động nông lâm ngư nghiệp	0.5				1.5	
Bài tập		1			3	
CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ RỦI RO DO THIÊN TAI	12	2	2	16	48	
2.1 Tổng quan về quản lý rủi ro thiên tai	4				12	
2.1.1 Thành phần của rủi ro thiên tai	2				6	
2.1.2 Các yếu tố gây ra rủi ro thiên tai	2				6	
2.2 Đánh giá rủi ro thiên tai	4				12	
2.2.1 Các khái niệm	1				3	
2.2.2 Mục đích đánh giá rủi ro thiên tai	1				3	
2.2.3 Các nội dung cần đánh giá	1				3	
a. Đánh giá thiên tai	0.5				1.5	
b. Đánh giá tình dễ bị tổn thương	0.5				1.5	
2.2.4 Đánh giá khả năng	1				3	
2.3 Chu trình quản lý rủi ro thiên tai	4				12	
Bài tập Chương 2		2			6	
Kiểm tra			2		6	
CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ RỦI RO DO TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG	6	2	0	8	24	
3.1 Tổng quan quản lý rủi ro tai biến môi trường biển	2				6	
3.2 Đánh giá rủi ro tai biến	2				6	

môi trường biển						
3.3 Chu trình quản lý rủi ro tai biến môi trường biển	2				6	
Bài tập		2			6	
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ THIÊN TAI VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG BIỂN Ở VIỆT NAM	9	2	2	13	36	
4.1. Quản lý thiên tai ở Việt Nam	4				12	
4.1.1. Các văn bản pháp luật, quy định	2				6	
4.1.2. Cơ cấu tổ chức	2				6	
4.2. Quản lý tai biến môi trường ở Việt Nam	4				12	
4.2.1. Các văn bản pháp luật, quy định	2				6	
4.2.2. Cơ cấu tổ chức	2				6	
Bài tập		2			6	
Kiểm tra			2		6	
Ôn tập	1				3	
Tổng	34	7	4	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

ThS. Nguyễn Thị Hương Liên

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo**

Tiếng Anh: **Marine and coastal project management**

- Mã học phần: MPM204

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên năm thứ 3, ngành Quản lý biển

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý nhà nước về biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
- Bài tập và thảo luận trên lớp : 05 tiết
- Kiểm tra : 05 tiết
- Tự học : 90 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên biết phương pháp điều tra thu thập thông tin, xử lý thông tin và biết xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý dự án thuộc lĩnh vực quản lý biển đảo, có thể xây dựng và quản lý các dự án thuộc các lĩnh vực khác của quốc gia và quốc tế.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng xây dựng được các đề xuất chương trình, đề án của Quốc gia, Bộ; ngành, địa phương phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trong lĩnh vực biển đảo.

+ Có khả năng tổ chức thực hiện việc tiếp xúc cộng đồng, cư dân các địa phương để điều tra đánh giá nhu cầu và các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực biển đảo.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

+ Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia xử lý rác thải, nước thải, bảo vệ môi trường biển.

+ Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm về dự án quản lý biển đảo, mối quan hệ giữa chương trình, dự án và kế hoạch; đầu tư và dự án; đánh giá nhu cầu của địa phương để lựa chọn và xây dựng dự án. Vấn đề quan trọng nhất mà học viên cần quan tâm là xây dựng tốt bản đề xuất dự án, làm thế nào để nhà đầu tư đồng ý đầu tư cho dự án, sau khi đã thẩm định. Sau khi dự án được duyệt, đồng ý đầu tư, cần có kiến thức về quản lý dự án, như: Thành lập Ban quản lý dự án; chọn người vào các bên tham gia; xây dựng kế hoạch cụ thể để khi thực hiện dự án đạt được kiến quả tốt nhất. Tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế, xã hội và môi trường... Kiến thức về giám sát và đánh giá dự án để dự án được thực hiện tốt hơn...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Joseph Heagney (2016), *Fundamentals of Project Management*, AMACOM
2. Từ Quang Hiển, Vũ Tùng Hoa, Tạ Thị Thanh Phương. Vũ Khắc Sơn (2007), *Giáo trình xây dựng và quản lý dự án*, Nhà xuất bản Nông nghiệp..

3. Từ Quang Phương (2014). *Giáo trình quản lý dự án*. Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Kim Chung (2003), *Giáo trình Dự án phát triển nông thôn*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần được tổ chức giảng dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày nhóm, kiểm tra viết.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng	học (Tiết)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN	6			6	18	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1,2
1.1 Một số khái niệm liên quan, đặc điểm dự án quản lý biển đảo	1			1	3	
1.2 Nội dung cơ bản và kết quả cần đạt của quản lý dự án	2			2	6	
1.3 Chu trình dự án và các giai đoạn của quản lý dự án	2			2	6	
1.4 Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của dự án	1			1	3	
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG DỰ ÁN	8			13	39	Đọc TLC 1, chương 2,3 Đọc TLC 2, chương 3
2.1 Lập kế hoạch của dự án <i>2.1.1. Phân tích các bên liên quan</i> <i>2.1.2. Phân tích vấn đề</i> <i>2.1.3. Phân tích mục tiêu</i> <i>2.1.4. Phân tích khả năng</i> <i>2.1.5. Lập kế hoạch theo khung theo khung logic</i> <i>2.1.6. Thu thập thông tin để xây dựng dự án</i>	4			4	12	
2.2 Cách viết một bản đề xuất dự án <i>2.2.1. Cách viết mục đích, mục tiêu dự án</i> <i>2.2.2. Cách viết nội dung (hoạt động)</i> <i>2.2.3. Cách thiết lập, tính toán dự trù kinh phí của dự án</i>	4			4	12	
Bài tập nhóm		5		5	15	
CHƯƠNG 3. THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN	6		5	11	33	Đọc TLC 2, chương 4,5 Đọc TLC 3, chương 4
3.1 Thực hiện và quản lý dự án <i>3.1.1. Thiết lập hệ thống tổ chức của dự án</i> <i>3.1.2. Hệ thống thông tin cho quản lý dự án</i>	3				9	

3.1.3. Quản lý thực hiện dự án						
3.2 Giám sát và đánh giá dự án 3.2.1 Xây dựng các chỉ tiêu giám sát đánh giá dự án 3.2.2. Phương pháp giám sát và đánh giá dự án 3.2.3. Tổ chức giám sát và đánh giá dự án	3				9	
Trình bày seminar nhóm			5	5	15	
Cộng	20	5	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. NGUYỄN HỒNG LÂN

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý nguồn lợi hải sản**
- Tiếng Anh: **Marine fisheries resources management**
 - Mã học phần:
 - Số tín chỉ: 02
 - Đối tượng học: Bachelor's degree, Marine Management
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hóa học biển, Thủy văn đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
- Bài tập: 3 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được các kiến thức về đa dạng thành phần loài thủy sinh vật trong biển và vùng ven bờ; sự phân bố thành phần loài, nguồn lợi hải sản theo các vùng địa lý, vùng sinh thái; tiềm năng nguồn lợi hải sản và thực trạng khai thác hải sản trên thế giới và ở Việt Nam; vận dụng vào bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản.

- Về kỹ năng: Hiểu được điều tra thực địa, phỏng vấn và thu thập mẫu vật thủy sinh trên biển và vùng bờ; tổng hợp, phân tích được dữ liệu về nguồn lợi hải sản và trình bày, đánh giá được các số liệu thông qua bảng biểu, đồ thị. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường và nguồn lợi hải sản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm các kiến thức, khái niệm cơ bản về đa dạng thành phần loài hải sản, tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản, nguyên nhân gây suy giảm nguồn lợi hải sản và một số định hướng chiến lược nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Thủy sản, 1996. Nguồn lợi thủy sản Việt Nam. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
2. Vũ Trung Tạng, 1997. Biển đông: Tài nguyên thiên nhiên và môi trường. NXB khoa học kỹ thuật, Hà Nội
3. Vũ Trung Tạng, Nguyễn Đình Mão, 2006. Khai thác và sử dụng bền vững đa dạng sinh học thủy sinh vật và nguồn lợi thủy sản Việt nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Luật Thủy sản.
2. Luật Đa dạng sinh học.
3. Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/2/2012 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020.
4. FAO, 2002. A Fishery Manager's Guidebook - Management Measures and Their Application. FAO, Rome.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thực hành và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
Bài Mở đầu: Giới thiệu học phần			1	1	3	
Chương 1: Tổng quan về nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam	8	2	1	11	33	
1.1. Khái niệm về nguồn lợi hải sản và một số thuật ngữ liên quan	1			1	3	
1.2. Đa dạng về thành phần loài hải sản trên thế giới và ở Việt Nam	2			2	6	
1.3. Trữ lượng về nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam	2			2	6	
1.4. Vai trò và ý nghĩa của nguồn lợi hải sản với con người	1			1	3	
1.5. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản trên thế giới	1			1	3	
1.6. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản ở Việt Nam	1			1	3	
<i>Bài tập và trình bày về đa dạng thành phần loài và nguồn lợi hải sản</i>		2	1	3	9	
Chương 2: Nguồn lợi hải sản và những điều kiện cho sự phát triển nghề cá ở Việt Nam	5			5	15	

2.1. Điều kiện tự nhiên của vùng nước thêm lục địa	1			1	3	
2.2. Cấu trúc về thành phần loài và nguồn lợi sinh vật biển	1			1	3	
2.3. Phân bố nguồn lợi theo các vùng sinh thái ven bờ ở nước ta	2			2	6	
2.4. Nguồn lợi hải sản ở một số hệ sinh thái biển đặc trưng	1			1	3	
Chương 3: Nguyên nhân làm suy giảm nguồn lợi hải sản	3	1	1	5	15	
3.1. Khai thác nguồn lợi quá mức và mang tính hủy diệt	0,5			0,5	1,5	
3.2. Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	1			1	3	
3.3. Di nhập các loài sinh vật ngoại lai	0,5			0,5	1,5	
3.4. Thất thoát đa dạng sinh học	0,5			0,5	1,5	
3.5. Những hạn chế trong quản lý, chính sách phát triển nghề cá	0,5			0,5	1,5	
<i>Bài tập và trình bày về nguyên nhân gây ảnh hưởng tới nguồn lợi hải sản</i>		1	1	2	6	
Chương 4: Một số định hướng chiến lược nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản ở Việt Nam	7			7	21	
4.1. Điều tra, nghiên cứu, đánh giá nguồn lợi, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái thủy vực	1			1	3	
4.2. Ngăn chặn sự suy giảm nguồn lợi hải sản	1			1	3	
4.3. Thiết lập và quản lý các khu bảo tồn biển	1			1	3	
4.4. Phục hồi, tái tạo nguồn lợi hải sản và các hệ sinh thái	1			1	3	
4.5. Ban hành và thực thi các văn	1			1	3	

bản pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản						
4.6. Truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản	1			1	3	
4.7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản	1			1	3	
Ôn tập toàn bộ học phần			1	1	3	
Cộng	23	3	4	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lâm

TS. Bùi Đắc Thuyết

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý hệ thống đảo Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: Island System Management
- Mã môn học: ISM 203
- Số tín chỉ : 3
- Đối tượng học: Hệ đại học; Ngành/chuyên ngành: Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý Nhà nước về biển

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
- Kiểm tra: 3 tiết

Thời gian tự học: 135 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đảo, quần đảo và hệ thống đảo ở Việt Nam; phân loại hệ thống đảo theo các tiêu chí. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của đảo, quần đảo và hệ thống đảo; tình hình kinh tế-xã hội các huyện đảo;

+ Phân tích tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam – lợi ích về kinh tế, chính trị, quân sự

+ Phân tích tiềm năng phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam

- Về kỹ năng:

+ Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân loại, nhận dạng các đảo, cơ sở pháp lý quản lý đảo. Phân tích các vấn đề môi trường đảo và cách tiếp cận giải quyết vấn đề hướng tới tính bền vững, đặc biệt đối với các đảo nhỏ..

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tiếp cận các vấn đề liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung của học phần sẽ được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam

Chương 2: Tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam

Chương 3: Tiềm năng phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Lê Đức An, 2008. *Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam: Tài nguyên và Phát triển*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội

(2) Lê Đức Tô (2005), *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.

(3) Trần Đức Thanh (Chủ biên), 2011. *Biển đảo Việt Nam – Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu*. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam, Hà Nội.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Nguyễn Văn Kim (Chủ biên), 2011. *Người Việt với biển*. NXB Thế giới, Hà Nội.

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương và Quân chủng Hải quân, 2007. *Biển và Hải đảo Việt Nam* (Tài liệu dùng cho Báo cáo viên). NXB xí nghiệp bản đồ I, Hà Nội.

(3) Nguyễn Hồng Thao (Chủ biên), 2008. *Công ước Biển 1982 và Chiến lược biển của Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.

- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MỞ ĐẦU	0.5	0	0	0.5	1.5	
Chương 1: Tổng quan về hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam	11.5	3	0	14,5	43.5	Đọc TL(1) Chương 1
1.1 Những vấn đề chung	2.5				7.5	
1.1.1. Khái niệm về đảo và quần đảo	1.5				4.5	
1.1.2. Khái quát về các nghiên cứu đảo và quần đảo Việt Nam	1				3	
1.2 Phân bố, số lượng và đặc điểm khái quát hệ thống đảo và quần đảo	2				6	
1.2.1. Hệ thống đảo ven bờ	1				3	
1.2.2. Các quần đảo khơi xa Hoàng Sa và Trường Sa	1				3	
1.3 Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội các vùng đảo Việt Nam	7				21	
1.3.1. Tổ chức hành chính	1				3	
1.3.2. Vùng đảo ven bờ Bắc Bộ	1				3	
1.3.3. Vùng đảo ven bờ Bắc Trung Bộ	1				3	
1.3.4. Vùng đảo ven bờ Nam Trung Bộ	1				3	
1.3.5. Vùng đảo ven bờ Nam Bộ	1				3	
1.3.6. Nhận định chung về phát triển kinh tế biển trên các vùng đảo ven bờ	1				3	
1.3.7. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	1				3	
Bài tập		3			9	
Chương 2: Tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam	9	2	1	12	36	Đọc TL(1) Chương 2
2.1 Khái niệm về vị thế và tài nguyên vị thế	0.5				1.5	
2.2 Khái quát về tài nguyên vị thế hệ thống đảo ven bờ Việt Nam	2				6	

2.2.1 Những yếu tố vị thế của hệ thống đảo ven bờ	0.5				1.5	
2.2.2 Vị thế và các lợi ích về kinh tế	0.5				1.5	
2.2.3 Vị thế và các lợi ích về chính trị-quân sự	1				3	
2.3 Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Bắc Bộ	1.5				4.5	
2.3.1 Tài nguyên vị thế của lớp đảo tiền tiêu và tiền tiêu-biên giới	0.5				1	
2.3.2 Tài nguyên vị thế của các đảo tuyến trong	0.5				1	
2.3.3 Tài nguyên vị thế đặc trưng của vùng đảo ven bờ Bắc Bộ và một vài đề xuất	0.5				1	
2.4. Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Bắc Trung Bộ	1				3	
2.4.1. Tài nguyên vị thế của một số đảo tiêu biểu	0.5				1.5	
2.4.2. Một số đề xuất	0.5				1.5	
2.5. Tài nguyên vị thế đảo ven bờ Nam Trung Bộ	1				3	
2.5.1. Tài nguyên vị thế các đảo tiền tiêu	0.5				1.5	
2.5.2 Đặc điểm chung của tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Nam Trung Bộ và một vài đề xuất	0.5				1.5	
2.6. Tài nguyên vị thế đảo ven bờ Nam Bộ	2				6	
2.6.1. Tài nguyên vị thế của các đảo tiền tiêu-biên giới	0.5				1.5	
2.6.2. Tài nguyên vị thế của các đảo tiền tiêu	0.5				1.5	
2.6.3. Tài nguyên vị thế của các đảo tuyến trong	0.5				1.5	
2.6.4. Đặc điểm chung của tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Nam Bộ và một vài đề xuất	0.5				1.5	
2.7. Tài nguyên vị thế hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	1				3	
2.7.1. Vị thế Biển Đông	0.5				1.5	
2.7.2. Tài nguyên vị thế quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	0.5				1.5	
Bài tập		2			6	
Kiểm tra			1		3	
Chương 3: Tiềm năng phát	11	0	7	18	54	Đọc TL(1)

triển kinh tế-xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam						Chương 3
3.1 Tiềm năng phát triển nông-lâm-ngư nghiệp	2				6	
3.1.1. Tiềm năng phát triển nông-lâm nghiệp	0.5				1.5	
3.1.2. Tiềm năng phát triển ngư nghiệp	0.5				1.5	
3.1.3. Định hướng phát triển nông - lâm - ngư nghiệp bền vững trên các đảo và quần đảo Việt Nam	1				3	
3.2 Tiềm năng phát triển giao vận tải biển	2				4	
3.2.1. Tiềm năng phát triển giao thông thủy và cảng biển	0.5				1.5	
3.2.2. Tiềm năng phát triển cảng hàng không	0.5				1.5	
3.2.3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải trên các đảo và quần đảo	0.5				1.5	
3.2.4. Định hướng phát triển giao thông vận tải biển	0.5				1.5	
3.3. Tiềm năng phát triển các ngành dịch vụ	1.5				4.5	
3.3.1. Dịch vụ hậu cần nghề cá	0.5				1.5	
3.3.2. Dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, dẫn đường	0.5				1.5	
3.3.3. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, hội nghị, sự kiện	0.5				1.5	
3.4. Tiềm năng phát triển du lịch	2.5				7.5	
3.4.1. Tài nguyên du lịch từ các giá trị tự nhiên	0.5				1.5	
3.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	0.5				1.5	
3.4.3. Cơ sở hạ tầng và các loại hình du lịch	0.5				1.5	
3.4.4. Tiềm năng phát triển du lịch một số đảo trọng điểm	0.5				1.5	
3.4.5. Định hướng phát triển du lịch	0.5				1.5	
3.5. Vai trò của các đảo và quần đảo trong bảo vệ chủ quyền và lợi	2				6	

ích quốc gia trên các vùng biển Việt Nam						
3.5.1. Phân loại chức năng quốc phòng của các đảo và quần đảo	1				3	
3.5.2. Các tuyến đảo và cụm đảo trong vai trò an ninh quốc phòng	1				3	
Thảo luận			5		15	
Kiểm tra			2		6	
Ôn tập	1				3	
Tổng	32	5	8	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lâm

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Anh chuyên ngành**
- Tên tiếng Anh: Marine Management
- Mã môn học: SEN203
- Số tín chỉ : 3
- Đối tượng học: Hệ đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và đồ án tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các học phần tiên quyết/học trước: Đã hoàn thành học phần tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 14,5 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
- Thực hành: 0 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
- Bài tập: 24,5 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Chú ý:

- Một giờ thực dạy là 50 phút.
- Mỗi giờ thực học trên lớp tương ứng với 2 giờ tự học ở nhà.
- Số giờ kiểm tra đánh giá là 2 giờ.
- Các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng về chuyên ngành Thủy văn được dạy trong các giờ kỹ năng và thực hành

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của môn học

- **Về kiến thức:** Sinh viên có vốn từ vựng khái quát chung về chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển như định nghĩa đới bờ biển, vai trò của đới bờ biển và chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ biển; trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về việc quản lý tổng hợp đới bờ biển nhằm đạt được sự phát triển bền vững.

- **Về kỹ năng:** Sinh viên có khả năng đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu chuyên ngành cũng như giải thích được một số vấn đề liên quan đến chuyên ngành quản lý tổng hợp đới bờ biển bằng tiếng Anh; Sinh viên có khả năng sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở cho việc tự học ở các lĩnh vực từ vựng, đọc, viết, dịch, nghe giảng và thuyết trình;

- **Về thái độ,** chuyên cần: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động và phải nhận thức được tầm quan trọng của việc học tiếng Anh chuyên ngành đối với công việc sau này; Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển dành cho hệ Đại học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật về các chủ đề khác nhau của Quản lý tổng hợp đới bờ biển với dẫn chứng cụ thể là quản lý tổng hợp đới bờ biển của nước Anh, như:

- Định nghĩa về Quản lý tổng hợp đới bờ biển theo quy định chung của Châu Âu.
- Tầm nhìn về đới bờ biển
- Chính sách và những định hướng chiến lược
- Quá trình lên kế hoạch và đưa ra quyết định
- Khuôn khổ quốc gia cho việc hòa nhập ven biển

- Sự tham gia và hợp tác của các bên liên quan
- Tầm quan trọng của thu thập số liệu, bằng chứng và thông tin về đới bờ biển

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

* Huw Irranca-Davies MP, 2007, *A strategy for promoting an integrated approach to the management of coastal areas in England*, Department for Environment, Food and Rural Development, England, United Kingdom.

4.2. Tài liệu đọc thêm

* Carwyn Jones AM, 2007, *Making the Most of Wales' Coast The Integrated Coastal Zone Management Strategy for Wales*, Department for Environment, Food and Rural Development, Wales, United Kingdom.

* Haines-Young, R. and M. Potschin, 2011, *Integrated Coastal Zone Management and the Ecosystem Approach*, Deliverable D2.1, PEGASO Grant agreement n°: 244170. CEM Working Paper No 7, 17pp.

4.3. Các websites:

*http://www.coastalwiki.org/wiki/The_Integrated_approach_to_Coastal_Zone_Management

*http://www.doeni.gov.uk/iczm_document-2.pdf

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập, xếp loại trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo	0,2	

	luận; chuyên cần)		
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học	
	LT	BT	TL, KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Unit 1: Integrated Coastal Zone Management						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	1		1	6	Try to answer the question: What’s Integrated Coastal Zone Management? Re –read the text and translate it into Vietnamese
Drilling	0,5	0,5		1		
Unit two: Vision for coastal management						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	1		1	6	Try to answer the question: What’s vision for coastal management? Re –read the text and translate it into Vietnamese
Drilling	0,5	0,5		1		
Unit three: Policy and strategic direction						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1,5	1,5		3	6	Try to answer the question: What’s

						policy and strategic direction?
Unit four: Planning and decision making process						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	2		3	6	Find information to answer the question: What’s planning and decision making process?
Unit five: National framework for coastal integration						
Lead –in and vocabulary	1	2		3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	1	1	3	6	Try to answer the question: What’s national framework for coastal integration?
Unit six: Partnership working and participation						
Lead-in and vocabulary	1	1	1	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	1		2	6	Try to answer the question: What’s national framework for coastal integration?
Drilling	0,5	0,5		1		Re –read the text and translate it into Vietnamese
Unit seven: Data, evidence and information						
Lead–in and vocabulary	1	1	1	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	2		3	6	Look through the text and try to answer the question: What’s data, evidence and information?
Revision and Test	0,5	1,5	1	3	6	Do the revision guided by the teacher
TỔNG	14,5	24,5	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Đặng Đức Chính

Đinh Thị Hoài Ly

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
 Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Đánh giá tác động môi trường**
 - + Tiếng Anh: **Environmental Impact Assessment**
- Mã học phần: EIA 223
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành BDKH&PTBV
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Để học học phần này, sinh viên phải học qua các học phần trong Khối kiến thức chung bắt buộc, Khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý Tài nguyên nước: Cơ sở khoa học môi trường.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.

- *Về kỹ năng*: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến tài nguyên và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đánh giá tác động môi trường
- Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2013), *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường* (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.

3. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2007), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB ĐHQG HN.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Lê Xuân Hồng (2006), *Cơ sở đánh giá tác động môi trường*, NXB Thống kê.

2. Cục Môi trường (biên dịch) (1995), *Đánh giá tác động môi trường*.

3. UNEP/NEA (1997), *Đánh giá tác động môi trường*, Tài liệu hướng dẫn nguồn lực đào tạo.

4. SEACAM (2000), *Environmental assessment for Coastal Aquaculture Development*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận nhóm, case study.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra giữa kì. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	3		1	4	8	
Định nghĩa, mục đích, ý nghĩa, đối tượng của đánh giá tác động môi trường	1			1	2	Đọc TL (1) trang 07-27; Đọc TL (2) trang 01-17; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
Nội dung cơ bản của đánh giá tác động môi trường						
Phân biệt các hình thức đánh giá môi trường						
Hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường	1		1	2	4	
Tổ chức và quản lý công tác đánh giá tác động môi trường	1			1	2	
Sử dụng kết quả đánh giá tác động môi trường						
CHƯƠNG 2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	7	1	4	12	24	
* Quy trình chung	1				2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Lược duyệt						
2.2. ĐTM sơ bộ (Xác định mức độ, phạm vi đánh giá)	1			1	2	
2.3. ĐTM chi tiết, đầy đủ 2.3.1. Chuẩn bị tài liệu và lập đề cương 2.3.2. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	3	1	3	7	14	
2.4. Tham vấn cộng đồng	1			1	2	
2.5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường						Đọc TL (1) trang 33-71;
2.6. Quản lí và giám sát môi trường (hậu thẩm định) 2.6.1. Nghiệm thu công trình môi trường trước giai đoạn vận hành dự án 2.6.2. Quản lí và giám sát môi trường khi thực hiện dự án	1			1	2	Đọc TL (2) trang 27-75;
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập chương 1, 2
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	10	2	2	14	28	
3.1. Phương pháp phân tích logic (LFA)	1			1	2	Đọc TL (1) trang 73-94
3.2. Phương pháp liệt kê số liệu	1			1	2	Đọc TL (3) trang 165-231;
3.3. Phương pháp danh mục	1		1	2	4	Đọc TL (4) trang 103-151;
3.4. Phương pháp ma trận môi trường	1	1		2	4	
3.5. Phương pháp chấp bản đồ môi trường	1			1	2	
3.6. Phương pháp sơ đồ mạng	3		1	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lưới						
3.7. Phương pháp đánh giá nhanh bằng ước tính tải lượng ô nhiễm		1				
3.8. Phương pháp mô hình hóa môi trường	1				2	
3.9. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích mở rộng	1				2	
Cộng	20	3	7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Thị Trinh

Vũ Văn Doanh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN **LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khảo sát khí tượng thủy văn biển**
 - Tiếng Anh: **Surveying in Marine Meteorology and Hydrology**
- Mã học phần: SUM403
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: **Bậc đại học, ngành Khí tượng thủy văn biển, Quản lý biển**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: -Hải dương học đại cương, Khí tượng đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập: 4 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
- Kiểm tra: 4 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khí tượng thủy văn biển, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Nhận biết được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển; nắm rõ các quy phạm về quan trắc khí tượng hải văn.

Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng, thủy văn và hải văn. Sinh viên tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đo khí tượng và lắp đặt các thiết bị đo tại trạm khí tượng, thủy văn và hải văn thành thạo.

Về đạo đức nghề nghiệp: Thái độ, chuyên cần: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các quy phạm quan trắc khí tượng hải văn ven bờ và quy phạm quan trắc khí tượng hải văn môi trường trên tàu biển.và công tác khảo sát biển
- Các thiết bị máy quan trắc khí tượng hải văn môi trường và các thiết bị hải dương học
- Lý thuyết về thực hành quan trắc các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển và cách quy toán số liệu quan trắc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Minh Huân, Giáo trình Dự báo thủy văn biển, Đại học Khoa học Tự nhiên 2002.
2. Quy phạm quan trắc hải văn trên tàu. Tổng Cục Khí tượng Thủy văn, 2001.
3. Phạm Văn Huân, Phương pháp thống kê trong hải dương học, Đại học quốc gia Hà Nội, 2011.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1] Quy phạm quan trắc hải văn ven bờ. Tổng Cục Khí tượng Thủy văn, 1991.
- [2] Ostroukhov A. V., Samriaev Y. I., Morskaia Hydrometria. Leningrad, Hydrometeoizdat, 1981.
- [3] Deriugin K. K., Stepanhiuk I. A., Morskaia Hydrometria. Leningrad, Hydrometeoizdat, 1974.
- [4] Coastal Oceanographic Inc. Hypack Max – Hydrographic Survey Software.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thực hành máy.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ KHẢO SÁT HẢI VỂN	3	0	0	3	15	Đọc TLC 1, chương 1;2
1.1 Định nghĩa	1			1	5	
1.2 Phân bố các mặt cắt hải văn chuẩn	1			1	5	
1.3 Hệ thống liên kết toàn cầu các trạm hải văn	1			1	5	
CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC TỔ CHỨC KHẢO SÁT BIỂN	4	0	0	4	15	
2.1 Công tác chuẩn bị cho đợt điều tra biển	2		0	2	5	
2.2 Thứ tự quan trắc tại các trạm hải văn	1			1	5	
2.3 Tài liệu báo cáo tổng kết	1			1	5	
CHƯƠNG 3: NHỮNG THIẾT BỊ CỦA TÀU HẢI DƯƠNG HỌC	4	0	0	4	20	Đọc TLC 3, chương 4;
3.1 Tời hải văn, cần dầm, dầm cong và cần vọt	1			1	5	
3.2 Ròng rọc, máy đếm., dụng cụ đo góc nghiêng của dây cáp, các trọng vật	1			1	5	
3.3 Các loại dây dùm trong công tác khảo sát hải văn	1			1	5	
3.4. Hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu	1			1	5	
CHƯƠNG 4: CÁC TRẠM PHAO ĐỘC LẬP	4	0	0	4	10	
4.1 Trạm phao vùng nước nông	1			1	2	
4.2 Trạm phao vùng nước trung bình và nước sâu	1			1	2	
4.3 Tính toán tải trọng thủy động lực khi thả các trạm phao	1			1	3	
4.4 Các phương pháp thả và thu hồi trạm phao	1			1	5	

CHƯƠNG 5: QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG TRÊN TÀU NGHIÊN CỨU BIỂN	3	0	1	4	15	
5.1 Tổ chức quan trắc khí tượng trên tàu	1			1	5	
5.2 Quan trắc nhiệt độ và độ ẩm không khí	1			1	5	
5.3 Quan trắc gió trên tàu	1			1	5	
CHƯƠNG 6: XÁC ĐỊNH ĐỘ MUỐI CỦA NƯỚC BIỂN	3	2	0	5	10	Đọc TLC 5, chương 6;
6.1 Phương pháp đo lượng bạc để xác định độ Clo và độ muối của nước biển	2	2		4	6	
6.2 Phương pháp xác định độ muối bằng phù kế	1			1	2	
6.3 Phương pháp điện từ xác định độ muối	1			1	2	
CHƯƠNG 7: XÁC ĐỊNH NHIỆT ĐỘ CỦA NƯỚC BIỂN	4	2	1	7	15	
7.1 Đo nhiệt độ lớp nước bề mặt bằng nhiệt kế có vỏ bọc	1	1		2	5	
7.2 Quan trắc nhiệt độ bằng nhiệt kế đảo	1	1		2	5	
7.3 Kiểm định nhiệt kế đảo và nhiệt kế đo sâu	1			1	5	
Kiểm tra chương 5, 6, 7			1	1		
CHƯƠNG 8: CÔNG TÁC LẤY MẪU NƯỚC BIỂN	2	0	0	2	10	
8.1 Đặc điểm của công tác lấy mẫu nước biển, các ống lấy mẫu nước	1			1	5	
8.2 Phương pháp tính khoảng cách giữa các ống và lấy mẫu nước	1			1	5	
CHƯƠNG 9: QUAN TRẮC DÒNG CHẢY BIỂN	2	2	0	4	15	
9.1 Quan trắc dòng chảy bằng phao	0.5	1		1.5	5	
9.2 Phương pháp đo dòng chảy bằng các chong chóng	0.5	1		1.5	5	
9.3 Máy tự ghi dòng chảy DNC-2M	1			1	5	

CHƯƠNG 10: QUAN TRẮC SÓNG BIỂN	2	2	0	4	15	
10.1. Thuật ngữ và giải thích	0.5	1		1.5	5	
10.2. Địa điểm quan trắc sóng	0.5	1		1.5	5	
10.3. Máy đo sóng phối cảnh Ivanov	1			1	5	
10.4. Máy tự ghi sóng và thủy triều DNW-5M	1			1	5	
CHƯƠNG 11: QUAN TRẮC MỰC NƯỚC BIỂN	2	0	2	4	10	
11.1 Thuật ngữ và giải thích	0.5			0.5	2	
11.2 Địa điểm quan trắc mực nước biển	0.5			0.5	2	
11.3 Các loại số “0”, mốc của trạm đo mực nước biển	0.5			0.5	2	
11.4 Nội dung và giờ quan trắc mực nước biển	0.2 5			0.25	2	
11.5 Hướng dẫn sử dụng và bảo quản triều ký SYM	0.2 5			0.25	2	
Kiểm tra chương 8, 9, 10, 11			2	2		
TỔNG	33	8	4	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

Ths. Vũ Văn Lân

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tin học ứng dụng trong quản lý biển**
Tiếng Anh: **Information Technology in marine management**
- Mã học phần: ITA 202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập, thực hành: 9 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 8 tiết
 - Thực hành: 6 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học Biển & Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:* Vận dụng các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực viễn thám, hệ thống thông tin địa lý vào quản lý biển và hải đảo.
- Về kỹ năng:* Sử dụng tốt các phần mềm chuyên dụng trong quản lý biển và hải đảo.
- Về đạo đức nghề nghiệp:* Sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc, logic trong giải quyết các vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý biển, bảo vệ môi trường biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực xử lý bản đồ, ảnh viễn thám, quản lý biển, hải đảo và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu biển, hải đảo.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Ngọc Thạch, Dương Văn Khảm (2012), Địa thông tin ứng dụng, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2] Nguyễn Ngọc Thạch (2005), Cơ sở viễn thám, nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội

[3] Dương Đăng Khôi (2012), Hệ thống thông tin địa lý, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phạm Trọng Mạnh & Phạm Vọng Thành, 1999, Cơ sở hệ thống thông tin địa lý, NXB Xây Dựng.

[2] ArcGIS Dekstop, Địa chỉ www.esri.com.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết và thực hành trên máy tính, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh	
	Lên lớp				Tổng cộng		Tự học
	LT	BT	TL,	TH			

			KT				viên
Bài mở đầu: Giới thiệu học phần			1		1	3	
CHƯƠNG 1. Tổng quan về tin học ứng dụng trong quản lý biển	6				6	18	
1.1. Tổng quan về tin học ứng dụng trong quản lý biển trên thế giới	3				3	9	
1.2. Tổng quan về tin học ứng dụng trong quản lý biển tại Việt Nam	3				3	9	
CHƯƠNG 2. Ứng dụng viễn thám trong quản lý biển	7	3	2	3	15	45	
2.1. Giới thiệu về viễn thám	2				2	6	
2.2. Ứng dụng viễn thám trong quản lý biển	2	3	2		7	21	
2.3. Một số phần mềm sử dụng trong xử lý ảnh viễn thám	3			3	6	18	
CHƯƠNG 3. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý biển	7	3	2	3	15	45	
3.1. Giới thiệu về GIS	2				2	6	
3.2. Ứng dụng GIS trong quản lý biển	2	3	2		7	21	
3.3. Một số phần mềm GIS sử dụng	3			3	6	18	
CHƯƠNG 4. Tích hợp công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý biển	2	3	3		8	24	
Tích hợp công nghệ viễn thám và GIS trong giải quyết một số vấn đề trong quản lý biển	2				2	6	
Bài tập ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý biển		3			3	9	
Báo cáo và trình bày bài tập			3		3	8	
Tổng	22	9	8	6	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lĩnh

TS. Bùi Đức Thuyết

SYLLABUS

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. General information

- Course: Information Technology Application
- Code: ITA202
- Credits: 03
- Prerequisites: General Informatics; Remote Sensing and Geography Information Systems (GIS).
- Course organization: 45 credit hours
- + Lectures: 21 credit hours
- + Discussion and exercises: 24 credit hours
- Self-study: 135 credit hours
- Division: Marine Management – Faculty of Marine Science.

2. Objectives

- **Knowledge:** Upon the completion of the course, students are expected to apply information technology (e.g. remote sensing and GIS) in marine management.
- **Skills:** Upon the completion of the course, students will be able to use specified software for marine management.
- **Attitudes:** Student will be actively applied of information technology for marine protection.

3. Course description

The course covers topics on the application of information technology in analyzing maps, images and database for marine management.

4. Textbooks

4.1. Required textbooks

[1] Tran Thi Bang Tam, 2006. Handbook of Geography Information Systems, Agricultural Publishing House, Hanoi.

[2] Vu Danh Tuyen, 2013. Basic of Remote sensing. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

[3] Duong Dang Khoi, 2012. Geography Information Systems. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

4.2. Recommended books

[1] Pham Trong Manh & Pham Vong Thanh, 1999. Basic of Geography Information Systems, Construction Publishing House, Hanoi.

[2] ArcGIS Desktop, at www.esri.com.

5. Teaching methods

Main teaching methods applied in this course include in-class lectures, in-class discussion and exercises.

6. Grading

Grading on scale of 10; then be converted to A, B, C, D, F grades and scale of 4 according to the current university regulation.

7. Course policy

A bonus point is added to the final mark of students those participating in the course teaching in English as the current university regulation.

8. Course Evaluation

8.1. Midterm exams: 40%

- Class attendance and in-class discussion: 20%
- Group work assignment and presentation: 20%

8.2. Final exam: 60%

- Type of examination: working on computer.

9. Detail content and schedule

Main contents	Teaching and learning activities					Requirements for students
	In-class (credit-hour)				Self-study (credit-hour)	
	Lecturing	Exercise	Discussion, exams	Total		
Course Introduction			1	1	3	
Chapter 1. Overview on the application of information technology in marine management	1		3	4	12	
Overview on the application of information technology in marine management	1		3	4	12	
Chapter 2. Application of remote sensing in marine management	9	3	3	15	45	
2.1. Remote sensing introduction	1			1	3	
2.2. Remote sensing application in marine management	2		3	5	15	
2.3. Image analysis	6	3		9	27	
Chapter 3. Application of GIS in marine management	9	3	3	15	45	

3.1. GIS introduction	1			1	3	
3.2. GIS application in marine management	2		3	5	15	
3.3. GIS analysis	6	3		9	27	
Chapter 4. Other software using in marine management	2			2	6	
Introduction of other software using for data analysis in marine management	2			2	6	
Assignment on the application of remote sensing and GIS in marine management		5		5	15	
Assignment report and presentation			3	3	9	
Total	21	11	13	45	135	

Dean

Instructor

Dr. Nguyen Hong Lan

Dr. Bui Duc Thuyet

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA
HỘI CHU
VIỆT
Độc lập
Hạnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam**
Tiếng Anh: **Vietnam Sea Sovereignty**
- Mã học phần: VSS204
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý Biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: Cơ sở TN&MT biển, Quản lý nhà nước về biển, ICM, Hải dương học,

- Các môn học kế tiếp: Theo chương trình đào tạo của ngành Quản lý biển

- Các môn học song hành: không có

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 23 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 5 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 2 tiết
- Tự học : 90 tiết

- BM phụ trách môn học: BM Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ *Về kiến thức*: Sinh viên hiểu rõ bản chất và hiện trạng các tranh chấp về chủ quyền và các vùng biển chồng lấn trên Biển Đông; quan điểm, lập trường các bên tranh chấp; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết hoà bình các tranh chấp trên Biển Đông.

+ *Về kỹ năng*: Sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.

+ *Về thái độ, chuyên cần*: Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

+ Một số vấn đề chung về chủ quyền biển, đảo theo luật pháp và thực tiễn quốc tế.

+ Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực nói chung, với Việt Nam nói riêng.

+ Hiện trạng các tranh chấp về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên Biển Đông; yêu sách và quan điểm của các bên tranh chấp.

+ Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết hoà bình các tranh chấp trên Biển Đông.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (Đồng Chủ biên), 2013. *Biển đông: Quản lý tranh chấp và định hướng giải pháp*. NXB Thế giới, 2013

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương, 2010. *Chiến lược biển Việt nam: Từ quan điểm đến thực tiễn*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

(3) Đặng Đình Quý (Chủ biên), 2011. *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*. NXB Thế giới.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Nguyễn Hồng Thao, 1997. Những điều cần biết về Luật Biển. Nhà xuất bản công an nhân dân, Hà Nội.

(2) Hệ thống văn bản pháp luật liên quan:

<http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>

(3) Ban Tuyên giáo Trung ương, 2008. Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

(4) Nguyễn Chu Hồi, 2013. Quy hoạch không gian biển và vùng bờ biển. NXB Nông Nghiệp.

(5) Blair T. Bower, Charles N. Ehler and Daniel J. Basta , 1994. A Framework of Integrated Coastal Management Planning. NOAA/IUCN.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân và bài tập nhóm và thảo luận và trình bày nhóm.

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐÔNG	3			3	9	
1.1. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực.	1					
1.2. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam	1					
1.3. Vị trí chiến lược của Biển Đông và vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông	1					
CHƯƠNG 2: CÁC VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM THEO CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982 VÀ CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ BIỂN CỦA VIỆT NAM	3			3	9	
2.1. Vùng nội thủy	1					
2.2. Lãnh hải	0.5					
2.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải	0.5					
2.4. Vùng đặc quyền kinh tế	0.5					
2.5. Thềm lục địa	0.5					
CHƯƠNG 2: CÁC VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM THEO CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982 VÀ CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ BIỂN CỦA VIỆT NAM (Tiếp)	3			3	9	
2.6. Các văn bản pháp lý về biển của Việt Nam	2					
Ôn tập, làm bài tập		1				
<i>Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp)</i> Kiểm tra	1	1	1	3	9	
CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TRANH CHẤP TRÊN BIỂN ĐÔNG	3			3	9	
3.1. Tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và Trường Sa						
3.2. Vị trí địa lý chiến lược của hai quần đảo	1					
3.3. Lập trường của các bên tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo	1					
CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TRANH CHẤP TRÊN BIỂN ĐÔNG (Tiếp)	3			3	9	
3.4. Hiện trạng các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các nước trên Biển Đông	1					
3.5. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 giữa ASEAN (DOC) và Trung Quốc, triển khai xây dựng Quy tắc ứng xử (COC)	1					
3.6. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 giữa ASEAN (DOC)	1					
CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TRANH CHẤP TRÊN BIỂN ĐÔNG (Tiếp)	3			3	9	
3.7. Quy tắc hướng dẫn triển khai DOC	1					
3.8. Quá trình triển khai xây dựng COC	1					
Bài tập thảo luận nhóm		1				
CHƯƠNG 4. THỎA THUẬN VỀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRÊN BIỂN VIỆT NAM – TRUNG QUỐC VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI BIỂN ĐÔNG	3			3	9	
4.1. Các nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc	1					
4.2. Nội dung thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quyết các vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc						
Bài tập thảo luận nhóm	1					
CHƯƠNG 4. THỎA THUẬN VỀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRÊN BIỂN VIỆT NAM – TRUNG QUỐC VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI BIỂN ĐÔNG (tiếp)	3			3	9	
4.3. Chủ trương của Việt Nam đối với Biển Đông	1					
4.4. Bảo vệ chủ quyền các vùng biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới	2					
CHƯƠNG 4. THỎA THUẬN VỀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRÊN BIỂN VIỆT NAM – TRUNG QUỐC VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI BIỂN ĐÔNG (Tiếp)	3			3	9	
Bài tập thảo luận nhóm		2				
Kiểm tra chương 3, 4			1			
Tổng	23	5	2	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Lê Xuân Tuấn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Hợp tác trong quản lý và khai thác biển Đông**
- Tiếng Anh: **Vietnam Sea Cooperation and Management**
- Mã học phần: VCM 204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Luật pháp và chính sách biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên hiểu rõ về khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực hợp tác quốc tế trên Biển Đông.
- Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.
Về đạo đức nghề nghiệp:
 - Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

- Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.

- Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 4 chương nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức:

+ Khái niệm cơ bản về hợp tác quốc tế về biển.

+ Luật pháp và thực tiễn quốc tế về hợp tác quốc tế về biển.

+ Hiện trạng các lĩnh vực và các biện pháp triển khai hợp tác quốc tế trên Biển Đông.

+ Phương thức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý Biển Đông

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BIỂN

Chương 2: VAI TRÒ CỦA BIỂN ĐÔNG VÀ MỤC TIÊU HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC BIỂN ĐÔNG

Chương 3: CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ TRÊN BIỂN ĐÔNG

Chương 4: TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ BIỂN

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Bá Diên (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, NXB Tư Pháp.
2. Đặng Đình Quý (2011), *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*, NXB thế giới.
3. Đặng Đình Quý (2012), *Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên liên quan*, NXB Thế giới.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 13/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Hợp tác quốc tế về biển đến 2020”.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần được tổ chức giảng dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày nhóm, kiểm tra viết.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BIỂN	5		1	6	18	Đọc TLC 1, phần 1 Đọc TLC 2, chương 1,2.
1.1 Khái niệm chung về hợp tác quốc tế về biển	2			2	6	
1.2 Quy định về hợp tác quốc tế về biển theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982	1			1	3	
1.3 Các tổ chức về hợp tác quốc tế trên biển	2		1	3	9	
Chương 2. VAI TRÒ CỦA BIỂN ĐÔNG VÀ MỤC TIÊU HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC BIỂN ĐÔNG	6	1	4	11	33	Đọc TLC 1 Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.1. Vai trò của Biển Đông đối với Việt Nam	2		1	3	9	
2.2 Những thách thức trong khai thác và quản lý Biển Đông	2	1	1	4	12	
2.3 Mục tiêu hợp tác quốc tế trong quản lý và khai thác Biển Đông	2		1	3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ TRÊN BIỂN ĐÔNG	9	1	4	14	42	Đọc TLC 1, phần 2,3,4; Đọc TLC 2, chương 4.
3.1 Hợp tác quốc tế bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	1		1	2	6	
3.2 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về biển	1		1	2	6	
3.3 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế và xuất nhập khẩu - Dầu khí - Thủy hải sản - Du lịch	1			1	3	
3.4 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp và khu chế xuất	1		1	2	6	
3.5 Hợp tác trong lĩnh vực hàng hải	1			1	3	
3.6 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thăm dò tài nguyên và phát triển khoa học - công nghệ biển	1			2	6	
3.7 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên môi trường biển	1	1	1	2	6	
3.8 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, an toàn trên biển	1			1	3	
3.9 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nhân lực cho ngành biển	1			1	3	
Chương 4. TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ BIỂN	9	2	3	14	42	
4.1 Các dự án Hợp tác Quản lý Biển diêm của Việt Nam	3			3	9	
4.2 Kỹ năng viết đề xuất dự án	3	1	1	5	15	
4.3 Chu trình quản lý dự án	3	1	1	5	15	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	29	04	12	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Trần Thị Minh Hằng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **An toàn và an ninh trên biển**
- Tiếng Anh: **Marine Safety and Security**
- Mã học phần: VSM204
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Luật pháp và chính sách biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Bài tập: 02 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên hiểu rõ về khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực đảm bảo an ninh, an toàn trên biển.

- Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.

Về đạo đức nghề nghiệp:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

- Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.

- Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 3 chương nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức:

+ Khái niệm cơ bản về an ninh, an toàn trên biển.

+ Luật pháp và thực tiễn quốc tế về đảm bảo an ninh, an toàn trên biển.

+ Hiện trạng các lĩnh vực và các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trên

Biển Đông.

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ AN NINH, AN TOÀN TRÊN BIỂN

Chương 2: LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN AN NINH TRÊN BIỂN

Chương 3: HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN TRÊN BIỂN ĐÔNG

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2013), *Biển Đông Quản lý tranh chấp và định hướng giải pháp*, Nhà xuất bản thế giới.
2. Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2011), *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*, Nhà xuất bản thế giới.
3. Nguyễn Bá Diên (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, NXB Tư Pháp.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Các công ước quốc tế về an ninh, an toàn trên biển.
2. *Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần được tổ chức giảng dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày nhóm, kiểm tra viết.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ AN NINH, AN TOÀN TRÊN BIỂN	5		1	6	18	Đọc TLC 1, phần 1,2; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1 Khái niệm chung về an ninh, an toàn trên biển	2			2	6	
1.2 Tự do hàng hải theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982	1			1	3	
1.3 Tổ chức hàng hải quốc tế IMO 1.3.1. Cơ cấu tổ chức 1.3.2. Nhiệm vụ và vai trò 1.3.3. Các công ước an toàn an ninh	2		1	3	9	
Chương 2. ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN BIỂN THEO LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH	10	1	3	14	42	Đọc TLC 1, phần 3, 4; Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.1 An ninh chung trên biển	1			1	3	
2.2 An ninh, an toàn các tuyến đường biển	1			1	3	
2.3 Cướp biển và trộm cắp có vũ trang trên biển	1		1	2	6	
2.4 Buôn lậu, buôn người có vũ trang và khủng bố trên biển	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5 An ninh cảng biển	2		1	3	9	
2.6 An ninh và an toàn tính mạng con người và tàu thuyền trên biển	1		1	2	6	
2.7 Tìm kiếm - cứu nạn trên biển	1			1	3	
2.8 Bảo vệ môi trường biển	2	1		3	9	
Chương 3. HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN TRÊN BIỂN ĐÔNG	6	1	3	10	30	Đọc TLC 1, phần 5; Đọc TLC 2, chương 4.
3.1 Hợp tác chống cướp biển và tội phạm vũ trang trên biển	1			1	3	
3.2 Hợp tác bảo đảm an ninh, an toàn các tuyến hàng hải trên Biển Đông	1		1	2	6	
3.3 Hợp tác chống buôn lậu, buôn người có vũ trang và khủng bố trên biển	1			1	3	
3.4 Hợp tác an ninh cảng biển	1		1	2	6	
3.5 Hợp tác tìm kiếm - cứu nạn trên Biển Đông	1	1		2	6	
3.6 Hợp tác bảo vệ môi trường trên biển Đông	1			1	3	
Kiểm tra chương 1, 2 & 3			1	1	3	
Cộng	21	02	07	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Trần Thị Minh Hằng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển**
Tiếng Anh: **Prediction of Atmospheric and Oceanic pollution**
- Mã học phần: PAO403
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý Biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khí tượng đại cương, Hải dương học đại cương,
Các phương pháp thống kê trong KTTVB.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
Bài tập: 04 tiết
Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 75 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn quản lý Biển, Khoa Khoa học biển và
Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên hiểu, vận dụng được các quy luật phân bố, truyền tải vật chất ô nhiễm trong các điều kiện khí quyển và môi trường nước biển khác nhau để vận hành các mô hình dự báo ô nhiễm. Môn học trình bày những kiến thức về mô hình hoá toán, vật lý được ứng dụng để mô hình hoá lớp biên khí quyển và lớp nước tầng nông ở biển nhằm đánh giá sự lan truyền và dự báo chất ô nhiễm phát thải từ các nguồn điểm.

- Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức cơ bản về mô hình toán để tìm hiểu các mô hình mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển và mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong các vùng nước biển. Sinh viên hướng tới các kỹ năng khai thác các mô hình dự báo ô nhiễm điểm và ô nhiễm trường khi phải tiếp cận các bài toán đánh giá ô nhiễm từ một điểm và ô nhiễm từ nhiều điểm khác tới khu vực nghiên cứu.

- Về đạo đức nghề nghiệp: Nghe giảng, làm bài tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Phương pháp mô hình hóa

Chương 2. Mô hình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển

Chương 3. Mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong môi trường nước biển

Chương 4. Khai thác các mô hình dự báo lan truyền ô nhiễm dầu sự cố tràn dầu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Hồ (2009), *Giáo trình Động lực học lớp biên khí quyển*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Dương Ngọc Hải (2003), *Một số vấn đề cơ sở Tính toán ô nhiễm môi trường không khí và nước*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

3. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (1991), *Cơ sở khí tượng học*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, tập II

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Jetske H., Hans J. A., Frank A. A (1989), *Air pollution modeling and its application*, Plenum Press, phương pháp

2. Jerald L. Schnoor (1990), *Environment modeling, fate and transport of pollutants in water, air and soil*. New York

3. Marpolser, (1999), *The Chemistry and Physics of Oil Behaviour at Sea: Weathering and Incorporation into Spill Models*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập và thảo luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận.

- Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên +

2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	điểm thi giữa học phần: 40 %
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. PHƯƠNG PHÁP MÔ HÌNH HÓA	3			3	9	Đọc TL (2) trang 19-44; Đọc TL (6) trang 11-20; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
1.1. Các khái niệm và định nghĩa về mô hình hoá. tầm quan trọng và ý nghĩa của mô hình hoá, lịch sử và hướng phát triển của mô hình hoá	2			2	6	
1.2. Phân loại mô hình hoá	0.5			0.5	1.5	
1.3. Tiến trình chạy mô hình	0.5			0.5	1.5	
Chương 2. DỰ BÁO Ô NHIỄM TRONG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ	12	3	4	19	48	Đọc TL (1) trang 10-12; Đọc TL (2) trang 80-85
2.1 Vai trò của không khí và khái niệm về ô nhiễm môi trường không khí	2			2	6	
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình lan truyền chất ô nhiễm	1			1	3	
2.3 Các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí	3			3	9	
2.4 Các mô hình tính toán sự ô nhiễm môi trường không khí	6			6	18	
2.2.1. Mô hình cơ bản						
2.2.2 Mô hình Gauss						
2.2.3 Chiều cao hiệu quả của ống khói						
2.2.4 Sự lắng đọng bụi trong quá trình khuếch tán khí thải từ các nguồn điểm cao						
2.4.5 Mô hình Berliand						
2.4.6 Tính toán nồng độ trung bình của chất ô nhiễm						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trên mặt đất do các nguồn thải gây ra</i>						
2.4.7 Xác định nồng độ tương đối tổng cộng trên mặt đất do nhiều nguồn điểm cao gây ra						
Bài tập Chương 2		3		3	9	
Thảo luận			4	4	12	Ôn tập chương 2
Chương 3. MÔ HÌNH DỰ BÁO LAN TRUYỀN DẦU SỰ CỐ TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC BIỂN	6	4	1	11	33	
3.1 Các khái niệm về mô hình	2			2	6	Đọc TL (3) trang 9-13 Đọc TL (1) trang 78-86; Đọc TL (3) trang 13-20
3.2 Cơ sở vật lý toán của mô hình	2.5			2.5	7.5	
3.2.1. Các phương trình bình lưu và khuếch tán dầu						
3.2.2. Các quá trình vận chuyển dầu, vết dầu loang và phân hủy dầu						
3.2.3. Mô hình dòng chảy hai chiều						
3.2.4. Mô hình khí tượng						
3.3. Điều kiện biên và điều kiện ban đầu	0.5			0.5	1.5	
3.4. Sơ đồ sai phân và lời giải số trị	0.5			0.5	1.5	
3.5. Một số thông tin về đầu vào và kết quả mô phỏng	0.5			0.5	1.5	
Bài tập Chương 3		1		1	3	
Kiểm tra			1	3	9	Ôn tập chương 2, 3
Cộng	21	4	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỜNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

ThS. Lê Văn Thiện

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Công nghệ điều tra, kiểm soát biển và đại dương**

Tiếng Anh: **Marine surveying and control technology**

- Mã học phần: OTG 204

- Số tín chỉ: 2 Tín chỉ

- Đối tượng học: Hệ đại học, Ngành Quản Lý Biển

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương, Cơ sở kỹ thuật bờ biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết

Bài tập: 0 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 01 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

+ Về kiến thức: Vai trò, vị trí và định hướng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ biển và đại dương

- Giúp sinh viên hiểu biết các khái niệm về nghiên cứu khoa học – công nghệ biển; khái niệm về kỹ thuật, công nghệ và phân loại công nghệ biển và đại dương; nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế giới và ở Việt Nam. Giới thiệu các loại công nghệ trong các lĩnh vực chủ yếu, như: công nghệ áp dụng trong nghiên cứu khoa học biển; trong điều tra cơ bản và tổng hợp biển; trong thám hiểm đại dương, trong khai thác các mỏ biển, trong phát triển năng lượng biển.

+ *Về kỹ năng*: Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý, nguyên tắc vận hành của một số công nghệ biển và đại dương chủ yếu; phạm vi ứng dụng của từng nhóm công nghệ; biết phân tích và vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn nghiên cứu và quản lý sau này.

+ *Về thái độ, chuyên cần*: Sinh viên tích cực tham gia học tập nghiêm túc và đầy đủ, biết làm việc theo nhóm, tự tìm hiểu thêm các tài liệu tham khảo có liên quan trong quá trình học tập nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau (ngoài mở đầu và phụ lục):

+ Khái niệm về: nghiên cứu khoa học biển, kỹ thuật biển, công nghệ biển và đại dương; phân loại công nghệ biển và đại dương.

+ Nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương

+ Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế giới và ở Việt Nam

+ Công nghệ áp dụng trong nghiên cứu khoa học biển

+ Công nghệ áp dụng trong điều tra cơ bản và tổng hợp biển và thám hiểm đại dương

+ Công nghệ áp dụng trong khai thác các mỏ biển

+ Công nghệ áp dụng trong phát triển năng lượng biển

+ Công nghệ áp dụng trong bảo vệ

+ Công nghệ áp dụng trong bảo vệ bờ biển và môi trường biển

+ Công nghệ áp dụng trong vận tải biển

+ Công nghệ áp dụng trong khai thác hải sản

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Đinh Văn Ưu, 2006. *Kỹ thuật biển* – quyển 1, 2, Nxb ĐH QGHN.

(2) Đinh Văn Ưu, 2006. *Thủy lực biển*, Nxb ĐH QGHN.

(3) Nguyễn Minh Huân, 2001. Hải dương học thực hành. Đại học Khoa học Tự nhiên.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) P. G. Bunhit, 1977. *Kinh tế của Đại dương thế giới*. Nxb. Khoa học Maxcova (bản tiếng Nga)

(2) Seibold E. and Berger W.H., 1982. *The Sea Floor: An Introduction to Marine Geology*. Springer-Verlag, Berlin-Heidelberg-New York

(3) Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên. Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà. Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7.Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL/KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG	19			19	57	
1.1. Khái niệm cơ bản	4			4	12	
1.1.1. Nghiên cứu khoa học biển,	1			1	3	
1.1.2. Kỹ thuật biển,	1			1	3	
1.1.3. Công nghệ biển và đại dương,	1			1	3	
1.1.4. Phân loại công nghệ biển và đại dương	1			1	3	
1.2. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.3. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế giới	2			2	6	

1.4. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương tại khu vực biển Đông	2			2	6	
1.5. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương ở Việt Nam	1			1	3	
1.6. Nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.7. Nhu cầu nghiên cứu công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.8. Tình hình ứng dụng công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.9. Các hướng phát triển công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
CHƯƠNG 2: CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG TRONG ĐIỀU TRA – NGHIÊN CỨU BIỂN VÀ THĂM HIỂM ĐẠI DƯƠNG	10			10	30	
2.1. Trong nghiên cứu khoa học biển, đại dương	5			5	15	
2.1.1. Mục đích và nội dung của nghiên cứu khoa học biển	1			1	3	
2.1.2. Phương tiện, thiết bị lấy mẫu và phân tích tại hiện trường	2			2	6	
2.1.3. Quy trình công nghệ nghiên cứu biển	2			2	6	
2.2. Trong điều tra cơ bản biển và đại dương	5			5	15	
2.2.1. Mục đích và nội dung công tác điều tra cơ bản và tổng hợp	1			1	3	
2.2.2. Quy trình công nghệ điều tra cơ bản biển và đại dương	2			2	6	
2.2.3. Phương pháp mặt cắt chuẩn	2			2	6	
Kiểm tra			1			
Tổng	29		1	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lâm

TS. Nguyễn Hồng Lâm

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
- Tiếng Anh: **Practices of graduation**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 6
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Management of Resources
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tất cả các môn học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Hội đồng tốt nghiệp, Khoa Khoa học biển và Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi thực tập xong học phần này sinh viên sẽ đạt được một hoặc một số trong những kiến thức sau:
 - Hiểu thực tiễn về hoạt động Quy hoạch, Quản lý Tài nguyên môi trường biển thuộc chuyên ngành đã được đào tạo.
 - Hiểu rõ kiến thức về Quy hoạch không gian biển; Quản lý tổng hợp vùng bờ; Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển; An toàn an ninh trên biển
 - Biết được nguyên lý phân bổ Tài nguyên môi trường biển.
 - *Về kỹ năng*:
Biết được quy trình xây dựng một báo cáo nghiên cứu khoa học, viết chuyên đề để làm đề án tốt nghiệp.
 - Biết cách xây dựng 1 đề cương thực hiện đề án, đề tài nghiên cứu khoa học.
 - Biết cách lựa chọn một vị trí xây dựng trạm quan trắc, giám sát Tài nguyên môi trường biển.
 - Biết được các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn
 - *Về đạo đức nghề nghiệp*: hoàn thiện năng lực và phẩm chất đạo đức của một người cán bộ khi ra trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên sẽ đi thực tập tại các Cơ quan, ban ngành liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên môi trường biển, Viện nghiên cứu Biển và Hải đảo.

4. Tài liệu tham khảo

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Nghe các chuyên viên của đơn vị báo cáo
- Tìm hiểu và nghiên cứu, thu thập tài liệu
- Phỏng vấn các chuyên viên
- Khảo sát, nghiên cứu thực tế

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực tập tại các Cơ quan, Viện nghiên cứu ... liên quan đến Tài nguyên môi trường biển.
- Kiểm tra và bảo vệ thực tập tốt nghiệp.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá: Báo cáo thực tập tốt nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau

- Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài
- Phương pháp, kỹ năng, tài liệu
- Kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng
- Bố cục và hình thức trình bày

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

. 8.1. Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%

8.2. Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Phần 1/Tìm hiểu cơ quan đến thực tập			
Bài 1. Nghe các chuyên gia hướng dẫn, định hướng nghề nghiệp và các vấn đề thực tiễn ngành nghề và thời gian sinh viên đi thực tập tại cơ sở	2	4	
Bài 2. Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của cơ sở nơi thực tập	2	4	
Bài 3. Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động quản lý, khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên môi trường biển	2	4	
Bài 4. Xây dựng đề cương thực tập và định hướng nghiên cứu đồ án tốt nghiệp	3	6	
Bài 5. Xây dựng đề xuất kết hoạch nghiên cứu tại cơ quan thực tập	3	6	
Phần 2/Viết chuyên đề báo cáo			
Bài 6. Tìm hiểu các nội dung: Nghị định, thông tư đang được áp dụng liên quan đến Tài nguyên môi trường biển. Đọc và thu thập tài liệu, số liệu phục	18	36	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
vụ làm đồ án tốt nghiệp Mục đích và nội dung các bước thực hiện quy hoạch không gian biển, Quản lý tổng hợp vùng bờ (bước lập đề cương dự án và tổ chức triển khai thực hiện) Tham gia công tác nghiên cứu, tư vấn các đề án, đề tài liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên nước Tìm hiểu các mô hình Quản lý tổng hợp Tài nguyên môi trường biển Bài 7. Viết chuyên đề báo cáo niên luận.			
Phần 3/Bảo vệ thực tập tốt nghiệp			
Bài 8. Hoàn thiện báo cáo, in và nộp cho người hướng dẫn tại Cơ quan/giáo viên hướng dẫn	8	16	
Bài 9. Bảo vệ thực tập tốt nghiệp.	2	4	
Cộng	40	80	

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Đồ án tốt nghiệp**
- Tiếng Anh: **Graduation thesis**
 - Mã học phần:
 - Số tín chỉ: 06
 - Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản lý biển
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 160 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển; Khoa Khoa học biển và Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Tiếp cận được với thực tế, bước đầu làm quen với các công tác quản lý biển tại địa phương
 - + Nắm bắt được một phần tình hình quản lý biển tại địa phương, tình hình thực hiện QLNN về biển tại địa phương và việc thực hiện các nội dung khác về quản lý nhà nước về biển.

+ Vận dụng các kiến thức đã học và thu thập tại địa phương để giải quyết các công tác nghiệp vụ trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về biển

-Về kỹ năng:

+ Bám sát đề cương chi tiết để điều tra, thu thập các tài liệu, số liệu, quy hoạch không gian biển tại địa phương một cách trung thực, khách quan;

+ Biết xử lý các nguồn tài liệu, số liệu thu thập được. Tổng hợp được số liệu một cách đầy đủ, chính xác vào hệ thống biểu mẫu theo quy định và viết báo cáo tổng hợp.

+ Thu thập số liệu tại địa phương và thực tập các nội dung theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

+ Tham gia cùng địa phương thực hiện các nhiệm vụ, các công việc có liên quan đến các nội dung quản lý nhà nước về biển.

-Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao.

+ Góp phần nâng cao ý thức cho sinh viên sử dụng, bảo vệ đất đai một cách hợp lý, hiệu quả.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch không gian biển, Quản lý tổng hợp vùng bờ, Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển, Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển, Cơ sở Tài nguyên và Môi trường biển. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa

4. Tài liệu tham khảo

Danh mục các chuyên đề lựa chọn Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, điều tra thực tế, thảo luận nhóm và sinh viên tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe hướng dẫn
- Thực tập tại địa phương
- Thu thập tài liệu, số liệu
- Viết báo cáo và bảo vệ trước hội đồng

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Ý thức của sinh viên;

- + Tài liệu, số liệu thu thập;
- + Chất lượng báo cáo
- + Trình bày của sinh viên

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1. Công tác chuẩn bị	3	12	
1. Phổ biến mục đích, yêu cầu	1	4	Nghe và ghi chép
2. Hướng dẫn kiến thức chuyên môn			
3. Hướng dẫn sinh viên làm đề cương chi tiết	2	8	- Sinh viên viết đề cương theo hướng dẫn của giảng viên theo chuyên đề mình lựa chọn và gửi lại cho giảng viên. - Giảng viên sửa chữa và giải đáp thắc mắc về đề cương chi tiết.
Nội dung 2. Điều tra, khảo sát thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	27	108	
1. Khảo sát địa bàn nghiên cứu	2	8	Sinh viên đi thực tế tại địa phương
2. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến chuyên đề nghiên cứu	6	24	Thu thập tài liệu, số liệu
3. Khảo sát và chỉnh lý biến động	3	6	Sinh viên chỉnh lý biến động
4. Phân tích và xử lý số liệu thu thập	10	40	Sinh viên xử lý số liệu thu thập được
5. Viết bản thảo báo cáo thuyết minh	6	24	Sinh viên viết báo cáo thuyết minh
Nội dung 3. Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo TTTN	7	28	
1. Viết và gửi bản thảo báo cáo thuyết minh cho GVHD	4	16	Viết báo cáo và gửi cho GVHD

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
2. Thu thập, xử lý số liệu bổ sung hoàn thiện báo cáo	1	4	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung
3. Hoàn thiện báo cáo theo theo đề cương đã được phê duyệt	2	8	Chỉnh sửa báo cáo
Nội dung 4. Nộp và báo cáo kết quả thực tập	3	12	Báo cáo kết quả thực tập
Tổng	40	160	

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kỹ thuật công trình bờ biển**
Tiếng Anh: **Coastal Engineering**
- Mã học phần: CEN 203
- Số tín chỉ: 3 Tín chỉ
- Đối tượng học: Hệ đại học, Ngành Quản Lý Biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương, Cơ sở kỹ thuật bờ biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 Nghe giảng lý thuyết: 38 tiết
 Bài tập: 03 tiết
 Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 Kiểm tra: 02 tiết
 Thời gian tự học: 129 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nhận biết được các nguyên nhân gây sự biến hình bờ biển qua đó đánh giá và đề xuất được các giải pháp công trình bảo vệ bờ biển. Nắm rõ được quy trình tính toán thiết kế đê và kè biển.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về công trình bảo vệ bờ được học áp dụng cho đưa ra những nhận xét đánh giá chung về công tác xây dựng và giải pháp bảo vệ bờ.

- *Về đạo đức nghề nghiệp:* Thái độ, chuyên cần: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề

3. Tóm tắt nội dung môn học

- Một vài nét về bờ biển Việt Nam. Sự cần thiết bảo vệ bờ biển. Các yêu cầu chung đối với công trình bảo vệ bờ. Giải pháp bảo vệ bờ biển và công trình bảo vệ bờ.

Chương 1: Giới thiệu chung

Chương 2: Giới thiệu tác động của tải trọng sóng đến công trình biển

Chương 3: Sự biến đổi đường bờ và Giải pháp bảo vệ bờ biển

Chương 4: Thiết kế đê biển và kè mái.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Trần Thanh Tùng (2014) Hình thái bờ biển. Khoa học tự nhiên và công nghệ.

(2) Vũ Minh Cát (2013), Cơ sở kỹ thuật bờ biển, Trường Đại học Thủy Lợi.

(3) Phạm Văn Huân, Phương pháp thống kê trong hải dương học, Đại học quốc gia Hà Nội

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Lương Phương Hậu, Hoàng Xuân Lương, Nguyễn Sỹ Nuôi và Lương Gia Vũ: (2001), ‘Công trình bảo vệ bờ biển và hải đảo’, NXB Xây dựng, Hà Nội, Việt Nam.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên. Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà. Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)	Tự	

	LT	BT	TL/KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU	6	0	1	7	18	
1.1 Một vài nét về bờ biển Việt Nam	1			1	3	
1.2 Các tác động phá hoại bờ biển	1			1	3	
1.3 Sự cần thiết bảo vệ bờ biển	1			1	3	
1.4 Một số giải pháp bảo vệ bờ biển	1	0	0	1	3	
1.5 Điều kiện làm việc và yêu cầu đối với công trình bảo vệ bờ	1		1	2	3	
1.6 Nhìn nhận như thế nào về dải bờ biển	0.5			0.5	1.5	
1.7 Giải quyết như thế nào để bảo vệ bờ biển	0.5			0.5	1.5	
CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU TÁC ĐỘNG CỦA TẢI TRỌNG SÓNG TRONG KỸ THUẬT BIỂN	6	0	0	6	18	
2.1 Phân loại sóng và ý nghĩa	1			1	3	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL/KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Các tham số sóng và phổ sóng	1			1	3	
2.3 Lý thuyết sóng tuyến tính	1			1	3	
2.4 Quá trình sóng biến hình ở nước nông	3			3	9	
CHƯƠNG 3. SỰ BIẾN ĐỔI ĐƯỜNG BỜ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ BỜ	6	0	1	7	27	
3.1 Các vấn đề giải quyết của kỹ thuật bờ biển	1			1	3	
3.2 Bảo vệ bờ biển ở Việt Nam	1			1	3	
3.3 Các nguyên nhân gây biến hình đường bờ biển	1			1	3	
3.4 Các giải pháp bảo vệ bờ biển	3			3	9	
Kiểm tra chương 3			1	1	0	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL/KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ ĐÊ BIỂN VÀ KÈ MÁI	20	3	2	25	57	
4.1. Chức năng nhiệm vụ và phân loại đê kè biển	2			2	6	
4.2. Cơ chế hư hỏng	6	1	0	5	18	
4.3. Tính toán thiết kế đê kè biển	6	2		8	18	
4.4. Đê chắn sóng	6			4	18	
Kiểm tra chương 4			2	1	0	
TỔNG	38	3	4	45	129	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

PHÓ TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Lê Xuân Tuấn

TS. Nguyễn Hồng Lân

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hình thái bờ biển**
 - Tiếng Anh: **Coastal Morphology**
- Mã học phần: CMO 203
- Số tín chỉ: 3 Tín chỉ
- Đối tượng học: Hệ đại học
- Ngành/chuyên ngành: Quản lý biển
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				Thực tập và đồ án tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
		<input checked="" type="checkbox"/>				
		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương, Cơ sở kỹ thuật bờ biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý biển, Khoa Khoa học Biển và Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về hình thái bờ biển; Sóng và mực nước dòng chảy; Quá trình động lực học bờ biển;

- *Về kĩ năng*: Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về hình thái bờ biển được học áp dụng cho đưa ra những nhận xét đánh giá chung về công tác xây dựng và giải pháp bảo vệ bờ.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, thực hành và làm bài tập.

3. Tóm tắt nội dung môn học

- Chương 1: Giới thiệu về môn học
- Chương 2: Động lực học bờ biển
- Chương 3: Vận chuyển bùn cát bờ biển
- Chương 4: Diễn biến bờ biển
- Chương 5: Sự biến đổi đường bờ và các giải pháp ổn định đường bờ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC):

1. Dự án nâng cao năng lực đào tạo ngành kỹ thuật bờ biển tại trường đại học Thủy lợi Hà Nội. *Hình Thái bờ biển*, Trường đại Thủy Lợi.2010.
2. Trần Nghi, 2003. *Địa chất biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Đặng Văn Bào và NNK, 1998. *Địa mạo bờ biển*, NXB ĐHQG Hà Nội,.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Lương Phương Hậu, Hoàng Xuân Lượng, Nguyễn Sỹ Nuôi và Lương Gia Vũ: (2001), ‘Công trình bảo vệ bờ biển và hải đảo’, NXB Xây dựng, Hà Nội, Việt Nam.
2. Trịnh Minh Thụ, Phạm Văn Quốc biên dịch (2006). Công trình bảo vệ bờ. Dự án nâng cao năng lực đào tạo ngành kỹ thuật bờ biển tại trường đại học Thủy lợi Hà Nội. Trường đại học Thủy lợi.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên. Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà. Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

<i>STT</i>	<i>Loại điểm</i>	<i>Trọng số</i>	<i>Ghi chú</i>
------------	------------------	-----------------	----------------

1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên + điểm thi giữa học phần: 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT, KT	Tổng		
CHƯƠNG 1: Giới thiệu về môn học	6	0	0	6	18	
1.1 Mục tiêu, đối tượng, nội dung của môn học	2			2	6	
1.2 Các thuật ngữ về hình thái bờ biển và khái niệm ở vùng ven biển	2			2	6	
1.3 Khái niệm về diễn biến bờ biển, hình thái bờ biển và kỹ thuật bờ biển	2			2	6	
CHƯƠNG 2: Động lực học bờ biển	9	1	1	4	27	
2.1 Sóng vỡ và các đặc trưng sóng vỡ	1		0	2	3	
2.2 Dòng chảy hình thành do sóng ở vùng gần bờ.	2			1	6	
2.3 Dòng chảy dọc bờ	2			1	6	
2.4 Dòng chảy do sóng kết hợp với dao động mực nước dọc bờ	1	0	0	4	3	
2.5 Các ảnh hưởng của gió và thủy triều đến dòng chảy ven bờ.	1			1	3	
Bài tập		1				
Kiểm tra hệ số 1			1			
CHƯƠNG 3. Vận chuyển bùn cát bờ biển	9	1		1	30	
3.1 Một số khái niệm cơ bản về vận chuyển bùn cát	1			1	3	
3.2 Các hình thức vận chuyển bùn cát	1			1	3	
3.3 Các đặc trưng của bùn cát bờ biển	1			1	3	
3.4 Tốc độ khởi động hay ứng suất cắt tới hạn	1			1	3	
Tổng quan về vận chuyển bùn cát ven bờ	1			1	3	
3.6 Vận chuyển bùn cát dọc bờ	2			6	6	
3.7 Vận chuyển bùn cát theo phương	2			6	6	

ngang						
Bài tập		1		1	5	
Chương 4: Diễn biến bờ biển	4			1	5	
4.1. Hình dạng mặt cắt ngang bờ và vận chuyển bùn cát theo phương ngang.	1	2	0	5	10	
4.2. Mặt cắt ngang bãi biển ở trạng thái cân bằng	1	2		4	6	
4.3 Sự tương tác giữa bãi biển với sóng và mực nước.	1			1	2	
Chương 5: Sự biến đổi đường bờ và các giải pháp ổn định đường bờ.	4	2	1	7	15	
5.1. Các nguyên nhân gây xói lở đường bờ	1	1		2	5	
5.2. Các giải pháp bảo vệ đường bờ	1	1		2	5	
Kiểm tra chương 3,4,5		2	0	2		
TỔNG	33	8	4	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Hồng Lân

TS. Nguyễn Hồng Lân